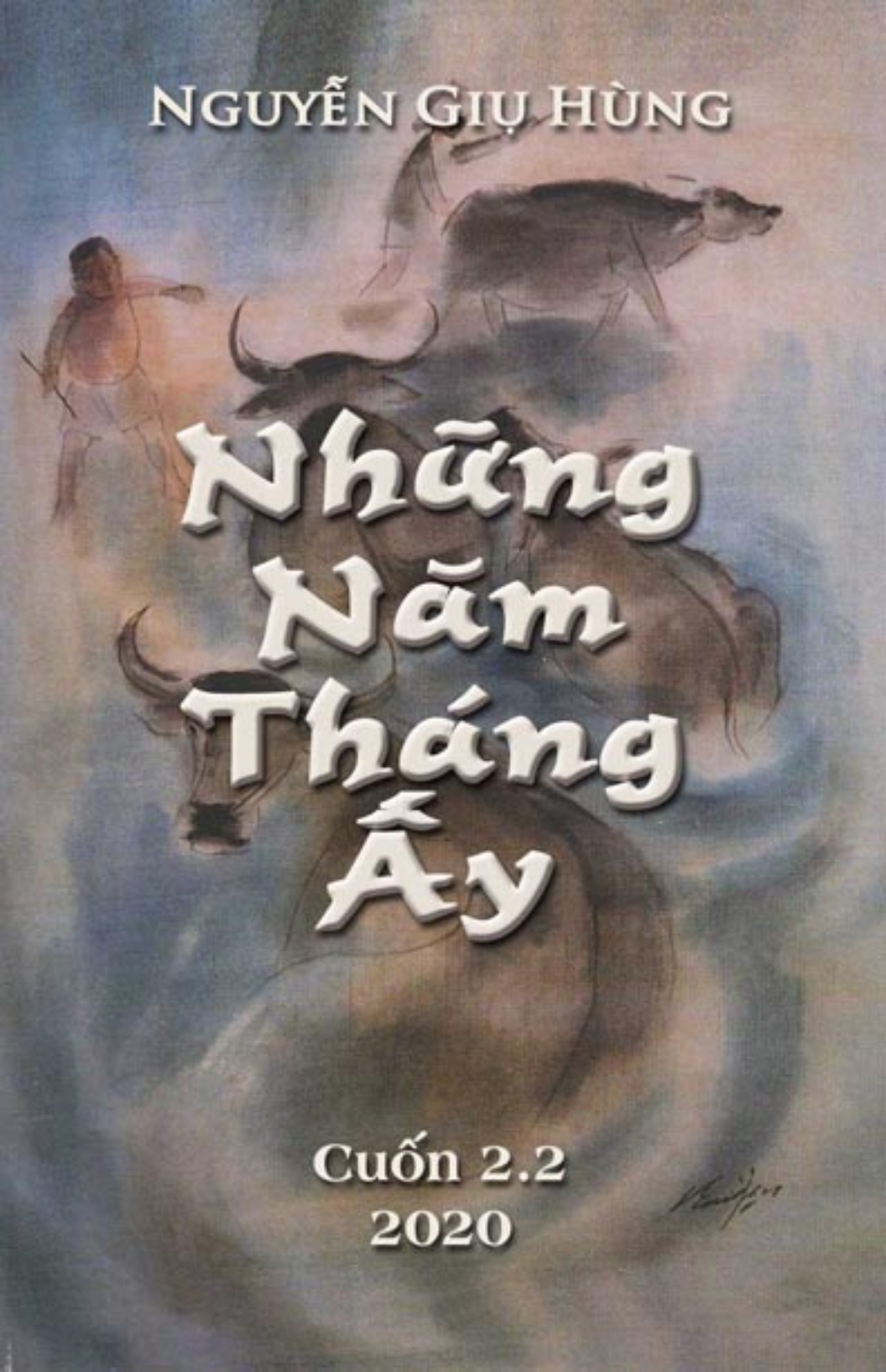
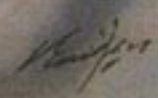




NGUYỄN GIỰ HÙNG

Những Năm Tháng Ấy

Cuốn 2.2
2020



NGUYỄN GIỰ HÙNG

**Những
Năm
Tháng
Ấy**

**Cuốn 2.2
2020**

Mục Lục

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 1 – Một Thoáng Quê Nhà	
Chương 1 : Về Quê	3
Chương 2 : Trăng Quê	19
Chương 3 : Hà Nội Năm Xưa	36
Chương 4 : Con Đường Thơm	77
 Tập 2 – Đi Thăm Thành Cổ Loa	
Chương 5 : Thành Cổ Loa	97
Chương 6 : Trống Đồng	146
 Tập 3 – Đi Chơi Chùa Hương	
Chương 7 : Tuyến Chùa Hương Tích	
Phần 7-1 : Suối Yên	167
Phần 7-2 : Chùa Tiên	222
Chương 8 : Tuyến Chùa Hình Bồng Và Tuyến Chùa Tuyết Sơn	259
Chương 9 : Phụ Lục: Bỏ Tất Quán Thế Âm Diệu Thiện	307
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 1)	312

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 4.1 – Đi Thăm Cổ Đô Hoa Lư	
Chương 10 : Vài Dòng Lịch Sử	3
Chương 11 : Cổ Đô Hoa Lư	
Phần 11-1 : Quần Thể Di Tích Cổ Hoa Lư	43
Phần 11-2 : Đền Vua Đinh Tiên Hoàng	76
Phần 11-3 : Đền Vua Lê Đại Hành Và Quần Thể Chùa, Đền Tại Trung Tâm Cổ Đô	97
Phần 11-4 : Âm Thực Hoa Lư	116
Phần 11-5 : Truyền Thuyết và Giai Thoại	136
Chương 12 : Tam Cốc – Bích Động	
Phần 12-1 : Tam Cốc	151
Phần 12-2 : Bích Động	171
Chương 13 : Tràng An	
Phần 13-1 : Phủ Đột–Đền Trần–Phủ Khổng	188
Phần 13-2 : Đền Thái Vi	218
Phần 13-3 : Làng Tràng An – Phủ Bặc	249
Phần 13-4 : Nghệ Thuật Hát Chèo	276
Phần 13-5 : Nghệ Thuật Uống Trà	309
Phần 13-6 : Phụ Bản	322
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2)	331

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.2</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	vi

Tập 4.2 – Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư

Chương 14 : Núi Non Nước và Những Ngôi “Chùa Động”

Phần 14-1 : Trương Hán Siêu	335
-----------------------------	-----

Phần 14-2 : Những Ngôi "Chùa Động"	361
------------------------------------	-----

Chương 15 : Phát Diệm

Phần 15-1 : Nhà Thờ Phát Diệm	387
-------------------------------	-----

Phần 15-2 : Vài Nét Về Kiến Trúc Và Điêu Khắc Trên Gỗ Và Đá	422
--	-----

Phần 15-3 : Nghề Làm Chiếu Cối Ở Phát Diệm	436
---	-----

Chương 16 : Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-1 : Bối Cảnh Lịch Sử	446
------------------------------	-----

Phần 16-2 : Văn Học Nghệ Thuật	482
--------------------------------	-----

Phần 16-3 : Đêm Sao	506
---------------------	-----

Phần 16-4 : Phụ Lục	516
---------------------	-----

Chương 17 : Bài Đọc Thêm

Bài 17-1 : Vài Nét Về Dân Nhạc Việt Nam	526
---	-----

Bài 17-2 : Vài Nét Về Tư Tưởng Phật Giáo Của Vua Trần Thái Tông	
--	--

Phần 172-1 : Một Buổi Sớm Mai	552
-------------------------------	-----

Phần 172-2 : Thiền Tông Chỉ Nam	563
---------------------------------	-----

Phần 172-3 : Vài Câu Chuyện Thiền	579
-----------------------------------	-----

Phần 172-4 : Lục Thời Sám Hối	599
-------------------------------	-----

Phần 172-5 : Luận Về Niệm Phật	604
--------------------------------	-----

Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2)	610
-------------------------------------	-----

Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện

Các nhân vật chính gồm:

- **“Tôi”** : tên Nam, sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội, trọ học ở Hà Nội;

- **Thi** : tuổi ở độ đôi tám, học sinh cùng trọ học ở Hà Nội, người yêu và sắp là hôn thê của “Tôi”;

- **Uyên** : tuổi ở độ đôi mươi, chị ruột của Thi, cô giáo ở thị xã Sơn Tây;

(Ba nhân vật “Tôi”, Uyên, Thi, người Sơn Tây, ở chung làng cách nhau một cái ngõ, quen biết và thân nhau từ thuở nhỏ.)

- **Hội** : sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội sắp ra trường, bạn học cùng trường và học trên “Tôi” mấy lớp;

- **Mơ** : cùng lứa tuổi với Uyên, cô lái đồ nghèo do thời cuộc, chở đồ cho khách hành hương trên suối Yến chùa Hương, người yêu và sắp là hôn thê của Hội;

- **Thư** : em gái của Hội, học sinh Hà Nội, cùng trang lứa với Thi;

- **Hướng dẫn viên, tức cụ “Tù” hay cụ “Tú” Hoa Lư** : đồ Tú tài thời thi cử cũ, nhiều kiến thức về lịch sử và văn hóa nước nhà, tình nguyện làm ông từ trông nom hai đền Đình, Lê ở Hoa Lư và di tích.

Tập 4-2

**Đi Thăm
Cố Đô Hoa Lư**

CHƯƠNG 14

Núi Non Nước Và Những Ngôi “Chùa Động”

Phần 14-1

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Trời chưa sáng tỏ. Ánh đèn điện thị xã Ninh Bình, lác đác, yếu ớt không đủ sức xua đi bóng đêm. Cảnh vật chung quanh và những rặng núi xa xa như vẫn còn nằm ngủ an bình, mờ ảo trong u tịch. Thỉnh thoảng sự yên tĩnh của buổi sớm mai bị khuấy động lên bởi những âm thanh lạc lõng của vài ba chiếc “xe kéo tay” hay “xích lô” chạy vội vàng trên đường phố, lẫn vào trong những tiếng rao hàng thưa thớt. Những âm thanh ấy nhanh chóng nhỏ dần, loãng xa rồi mất hút.

Tôi cố gắng làm nốt vài động tác cuối cùng của bài tập thể dục buổi sáng trên sân thượng nhà trọ.

Hít thêm vài hơi thở thật sâu để cố đem thật nhiều không khí trong lành vào lồng ngực trước khi tôi trở về phòng ngủ để chuẩn bị cho chuyến đi chơi hôm nay. Tôi tự nhủ, thời gian sao đi nhanh quá, đã sang ngày thứ ba sau hai ngày miệt mài ở Hoa Lư rồi đây.

Đi được vài bước trở về phòng, tôi bỗng thấy Thi xuất hiện ở đầu cầu thang sân thượng. Chiếc áo dài trắng nhẹ bay in mờ trên nền trời xám. Bóng dáng nàng lúc này thật đẹp, cái đẹp thanh khiết của một bông hoa vừa hé nở. Thi đứng đợi tôi bước tới gần, nàng dịu dàng nói nhỏ:

- Anh xuống ăn sáng! Chúng em đang đợi anh và anh Hội.

Thi quay người bước xuống cầu thang. Chợt nhớ tới cái hôn lên má của Thi tối hôm qua dành cho tôi, tôi vội gọi giật lại, mỉm cười đưa má về phía nàng. Thi lắc đầu, phùng má nói “Không” một tiếng nhỏ rồi vội vàng thoăn thoắt bỏ xuống nhà.

Tôi trở về tới phòng thì thấy Hội cũng vừa từ đó bước ra.

Thu dọn thật nhanh, chỉ một thoáng sau tôi đã có mặt ở phòng ăn. Mọi người đang ngồi trò chuyện vui vẻ, đợi cùng ăn sáng. Cụ Từ chưa tới.

Bà chủ nhà hàng đem xôi lạc và bánh đúc ra mời. Xôi còn nóng với mùi thơm vừa nấu và bánh đúc nguội được đựng trong những chiếc đĩa nhỏ bằng lòng bàn tay. Bà cứ luôn dục chúng tôi ăn xôi ngay kéo nguội.

Đang ở tuổi thanh niên, với những món ăn trước mặt, bụng lại đói, cuối cùng chúng tôi không thể chờ đợi cụ Từ lâu hơn được nữa. Ai cũng ăn xôi, chỉ trừ có Mơ và Thư chọn ăn bánh đúc. Thi không quên nhắc tôi chấm xôi với *muối vừng* đựng trong những chiếc đĩa nho nhỏ trên bàn. Hội lại có dịp bô bô:

- Được “vợ” săn sóc như thế này thì cậu là thằng “chồng” sung sướng nhất trên đời rồi đấy! Tớ thật ganh tỵ với cậu!

Thi bẽn lẽn nhìn nhanh tôi mỉm cười không nói.

Mơ cũng liếc nhìn Hội tình tứ, tủm tỉm cười rồi cúi xuống tiếp tục ăn. Những cái liếc mắt đưa tình, miệng cười chum chim của Mơ trông thật lẳng lơ, gợi cảm lắm. Hội yêu Mơ say đắm không phải không có lý do, trong đó có sự xinh đẹp và duyên dáng, cái duyên dáng chất phác, chân quê và hồn nhiên của cô.

Chợt Uyên lên tiếng khen:

- Bà chủ nấu xôi lạc ngon quá!

Ai trong chúng tôi cũng nhận ra điều ấy. Xôi dẻo và thơm, lạc vừa “chín tới” không cứng cũng không mềm. Những cái khéo ấy trộn lại với nhau làm đĩa xôi ăn vừa ngon vừa vui miệng với cái dẻo của xôi, cái bùi của lạc. Xôi lạc chấm với muối vừng rang thơm như thế này thì có ăn bao nhiêu cũng không biết chán.

Nghe Uyên khen, bà chủ nhà hàng cứ nhìn Uyên mỉm cười với nét mặt thật hài lòng. Mơ cũng lên tiếng khen món bánh đúc đang ăn:

- Bà chủ nấu bánh đúc cũng khéo và ngon lắm a!

Bà chủ nhà hàng nhìn Uyên và Mơ:

- Cám ơn hai cô đã có lời khen. Chắc hai cô đây cũng phải là những người biết nấu ăn giỏi?

Uyên và Mơ không trả lời bà chủ, chỉ nhìn nhau cười tủm tỉm.

Mơ đưa miếng bánh đúc lên ngấm nghĩa rồi nói với Thư:

- Mặt bánh đúc trông mịn màng như thế này chứng tỏ bột gạo phải được xay thật “nhuyễn” (mịn). Khi nấu phải giữ đều lửa và khuấy thật đều tay, nếu không, bột sẽ bị “dón” (đóng cục). Bánh đúc để nguội, ngoài bề mặt phải mịn, bánh còn phải giòn vừa đủ để khi bẻ ra bánh không cứng quá cũng không mềm nhão. Ăn bánh đúc có thoảng chút mùi vôi nồng thật nhẹ lẫn với vị bùi của những hột lạc, được gọi là *bánh đúc lạc*, lẫn trong bánh làm tăng vị ngon của bánh đúc lên nhiều lắm. Người ta cũng có thể cho thêm vào những lát *cùi dừa* thật mỏng.

Mơ mỉm cười khi thấy Thư đang nghe mình một cách chăm chú. Mơ tiếp:

- Bánh đúc ăn với đậu phụ rán để nguội thì thật đúng vị. Chấm bánh đúc với nước mắm chanh ớt

pha ngon hay với tương ta thì không thể chê vào đâu được.

Thư ngắt lời Mơ, nhõng nhẽo:

- Về nhà, chị nhớ nấu bánh đúc cho em ăn đấy!

- Ủ, về nhà chị nấu cho cả nhà ăn bánh đúc nóng. Khi bánh đúc vừa chín tới thì được múc liền ngay ra bát hay đĩa, dưới lên trên mặt bánh ít mỡ hành tươi nên người ta còn gọi là *bánh đúc mỡ hành*. Phải ăn nóng, vừa ăn vừa thổi, chấm với nước mắm chanh ớt và ăn chung với đậu phụ rán để nguội, ngon nhất là ăn vào mùa có tiết trời lành lạnh. Người ta cũng có thể ăn bánh đúc mỡ hành để nguội. Chị hứa sẽ nấu món này cho em ăn. Chịu không? Bánh đúc còn được nấu bằng bột ngô xay nữa đấy, được gọi là *bánh đúc ngô*. Cũng ngon lắm! Đây là những món ăn dân già.

Thư vỗ tay cười:

- Thích quá! Em cảm ơn chị!

Hội cười cười hóm hỉnh xía vào câu chuyện:

- Thế, bánh đúc ăn có bổ không em?

Mơ vờ sẵn giọng trả lời ngay:

- Em không biết!

Hội cũng vờ nhăn mặt, tay khua khua ra dấu chê:

- Thế thì! ... Thế thì anh không ăn!

Mơ làm ra vẻ đánh đá, vênh mặt:

- Thế thì, ... Thế thì em cũng không cho anh ăn!

Hội cười ha hả:

- Điều này, có ngày “vợ” tôi bắt “chồng” nhìn đói đây!

Nghe Hội than thân, Mơ cười rũ một cách hồn nhiên làm mọi người cũng vui cười theo.

Bà chủ nhà hàng đang ở trong bếp nghe thấy tiếng cười lớn cũng tò mò chạy ra xem. Bà mỉm cười đứng nhìn chúng tôi một thoáng như muốn góp vui rồi lại tất tả quay trở vào trong bếp.

Mọi người đang trò chuyện vui vẻ thì cụ Từ từ ngoài cửa bước vào.

- Lão xin lỗi để mọi người chờ. Xin lỗi! Xin lỗi! Lão ngủ quên!

Chúng tôi đứng dậy chào cụ. Thư và Thi cùng chạy vội lấy ghế mời cụ ngồi. Bà chủ nhà nghe tiếng cụ Từ cũng lật đật chạy ra chấp tay trước ngực:

- Chào cụ ạ!

Cụ Từ chưa kịp chào lại thì bà chủ nhà hàng đã nhanh nhẩu mời:

- Chúng cháu mời cụ “xơi” xôi vò nhé. Xôi vừa “đồ” xong, còn nóng hổi ạ.

Cụ Từ tươi cười:

- Vâng! Cám ơn bà! Bà cho tôi một đĩa. Đã lâu lắm, bây giờ tôi mới lại được ăn xôi vò.

Tôi biết xôi vò là loại xôi đậu xanh. Mẹ tôi thường chỉ nấu loại xôi này vào dịp giỗ tết hay khi có họ hàng tới ăn đông. Xôi vò được coi là nấu khéo khi xôi vừa dẻo, vừa thơm, vừa giữ màu vàng óng ả của đậu xanh xay nhuyễn trộn lẫn vào. Và nhất là xôi phải được “vò” to ra từng hột, không được dính vào nhau thành cục dù là cục nhỏ. Người ta thường ăn xôi vò với giò lụa hay chả quế, có khi ăn với chè đường.

Đĩa xôi vò đã được bà chủ đặt trước mặt cụ Từ. Mùi xôi nóng quện với mùi thơm của đậu xanh, hương vị thật quyến rũ làm sao. Ông chủ từ trong nhà bếp bước ra, mang tới một khoanh giò đựng trong một đĩa nhỏ. Ông vừa đặt thức ăn lên bàn mời cụ Từ vừa nói với chúng tôi:

- Xin lỗi các cô cậu nhé. Tôi bận ở trong bếp quá nên không ra tiếp các cô cậu được. Chúng tôi đã chuẩn bị xôi lạc, xôi vò và bánh đúc để cụ và các cô cậu dùng trưa nay. Những món ăn này dễ mang đi đường xa.

Ông không quên quay ra tủ hàng rót một cốc nhỏ rượu Kim Sơn mời cụ Từ vì ông biết cụ không thể thiếu nó vào mỗi buổi sáng. Ông nói tiếp với chúng tôi:

- Chúng tôi chỉ sợ cụ và các cô cậu ghé vào đâu ăn trưa thì mất nhiều thì giờ lắm. Nhỡ ra lại không gặp hàng quán đúng ý thì sao.



Xôi lạc



Xôi vò



Bánh đúc lạc



Bánh đúc mỡ hành

Chẳng bao lâu thì bữa ăn sáng cũng đã xong. Chúng tôi chuẩn bị lên đường đi thăm núi Non Nước ở ngay thị xã Ninh Bình.

Chúng tôi cảm ơn ông bà chủ về sự phục vụ chu đáo và cũng không quên nói vài lời từ giã, hẹn gặp ông bà khi có dịp trở lại nơi đây sau này. Ông chủ có vẻ cảm động về những tình cảm mà chúng tôi dành cho ông bà và nhà hàng.

Ánh sáng ban mai đã bắt đầu ló dạng. Phố xá đã có khá đông người qua lại. Bỗng bà chủ nhà hàng nắm tay Thi kéo tới cuối phòng và bà nhìn tôi như

ra dấu cho tôi đi theo. Bà kéo trong túi áo ra một đồng tiền kẽm được buộc vào sợi dây vải đỏ dúi vào tay Thi:

- Mấy hôm trước, tôi ra đền xin “Đồng Cô” được mấy đồng tiền. “Cô” thiêng lắm. Giữ đồng tiền này trong người thì chẳng còn sợ gì “gió máy”, lại có nhiều may mắn nữa. Tôi tặng cô một đồng. Sau này có con thì cho nó đeo.

Bà nhìn Thi với cái nhìn rất đổi thân mật:

- Tôi chỉ mong đứa cháu ngoại của tôi sắp ra đời, nếu nó là con gái, cầu Trời khấn Phật sao cho nó cũng được xinh đẹp và dịu hiền như cô thôi. Hai vợ chồng cô cậu sau này, con cái chắc phải thông minh và đẹp giai, đẹp gái lắm.

Nghe bà chủ khen, Thi e thẹn cầm đồng tiền kẽm, miệng áp úng cảm ơn. Tôi cũng cảm ơn bà cùng với những lời chúc ông bà có nhiều sức khỏe. Trước khi chúng tôi rời khỏi nhà hàng, bà chủ còn ân cần dặn Thi:

- “Cô” thiêng lắm đấy! Đừng đánh mất nhé!

- Vâng ạ! Cháu xin cảm ơn bà!

Thi nắm tay bà chủ nhà hàng, rơm rớm nước mắt.

Mọi người trong chúng tôi lên đường.

Bốn chiếc xe “xích lô” đưa chúng tôi thẳng hướng tới núi Non Nước, một địa danh nổi tiếng về văn học, lịch sử lâu đời của thị xã Ninh Bình. Sự

hiện diện của núi là niềm hãnh diện của tất cả cư dân vùng này. Chính vì lý do ấy, cụ Từ là người địa phương, không thể không đưa chúng tôi tới đây.



Núi nằm không xa trung tâm thành phố là mấy. Chẳng bao lâu chúng tôi đã thấy trước mặt một ngọn núi con nằm trong sương sớm, ngay ngã ba sông Đáy và sông Vân.

Càng tới gần, núi càng hiện rõ cái dáng vẻ thanh tú của nó. Núi không cao lắm, áng chừng chỉ độ 40 hay 50 mét thôi, phía trước nhô cao hơn phía sau. Một phần chân núi đá bị ăn khuyết sâu hõm vào lòng núi, che rợp một khoảng sông đủ lớn để có thể là nơi trú ẩn nắng mưa hay nghỉ ngơi của vài ba chiếc thuyền con. Hiện tượng núi bị ăn khuyết này cũng tương tự như những ngọn núi vôi khác mà chúng tôi đã từng thấy ở Tam Cốc hoặc ở Tràng An. Núi bị soi mòn bởi sóng biển trong thời kỳ vùng Hoa Lư

còn nằm trong biển hàng nghìn năm (thời kỳ *biển tiến*).

Chúng tôi xuống xe và được cụ Từ dẫn đường. Cụ vừa đi vừa giải thích.

Ngọn núi Non Nước có tên cổ là *Dục Thúy Sơn* do cụ *Trương Hán Siêu* đặt. Núi đã ghi lại biết bao dấu tích của nhiều triều đại. Một phần những dấu tích ấy còn được lưu lại cho tới ngày nay.

Cứ kể từ đời nhà Đinh vào thế kỷ thứ 10, khi Hoa Lư còn là kinh đô của nước Đại Cồ Việt, núi đã từng là nơi phòng thủ quân sự, trấn giữ cho kinh thành. Nơi này được gọi là *Ngự trấn phòng sơn* thời nhà Đinh, sau được đổi tên là *Hộ thành sơn* vào thời nhà Tiền Lê.

Tại bên Vân Sàng ngay dưới chân núi này đã chứng kiến một sự kiện lịch sử trong thời kỳ chuyển quyền từ nhà Đinh sang nhà Tiền Lê. Thái hậu Dương Vân Nga đã đứng đợi và khoác áo long bào lên vai Lê Hoàn khi ngài cùng đoàn quân chiến thắng trở về sau khi đánh tan quân Tống *lần thứ nhất*. Lê Hoàn tức vua Lê Đại Hành Hoàng Đế đã mở đầu cho một giai đoạn lịch sử oai hùng về quân sự, phá Tống, bình Chiêm, toan tính mở mang bờ cõi về phía Nam đất nước.

Sang thời nhà Lý, vua Lý Nhân Tông cho xây *chùa Non Nước* thờ Phật dưới chân núi về phía đông. Chùa được xây bằng đá, mái cong rồng lượn. Vua còn cho xây *tháp Linh Tế* vào năm 1091. Trải

qua năm tháng, tháp này bị đổ. Tới đời vua Trần Hiến Tông, nhà sư Trí Nhu xây dựng lại tháp trong vòng sáu năm (1337-1342). Cụ Trương Hán Siêu đã viết bài thơ "Linh tế Tháp ký" ca ngợi vẻ đẹp của ngọn tháp này.

Nhà Hậu Lê cho xây *hành cung* trên núi. Tới nhà Nguyễn, hành cung này vẫn được sử dụng mỗi khi vua đi du hành qua đây hay tới vãng cảnh, nghỉ ngơi.

Có thời gian người Pháp đặt *pháo đài* và xưởng đúc súng trên núi.

Chúng tôi theo cụ Từ leo lên tới đỉnh núi. Đường lên núi dễ đi vì đã có bậc thang. Đỉnh núi tương đối bằng phẳng, có cây xanh, bóng mát. Từ đây chúng tôi có thể nhìn bao quát cả một vùng khá rộng của thị xã Ninh Bình. Núi nằm kẹp giữa hai cây cầu bắc ngang qua sông Đáy.

Mặt trời đã lên khỏi ngọn sào. Núi soi bóng lung linh trên mặt nước. Gió mát thổi hây hây làm tôi cảm thấy tâm hồn sáng khoái biết bao.

Tôi quay lại thấy Thu và Thi đang vừa leo núi vừa cười nói mãi tíu ở phía sau. Uyên, bản chất là cô giáo, lúc nào cũng bám sát cụ Từ, tưởng chừng như nàng đang muốn nuốt hết những điều giảng giải của cụ vào trong bụng. Tôi không thể không mỉm cười về điều này.

Chúng tôi ngồi nghỉ chân trên tảng đá lớn và có ý đợi Thi và Thu. Cặp Hội và Mơ luôn quần quýt

bên nhau. Hai người chọn ngồi bên gốc cây soan gần ngay chỗ chúng tôi và đang nói chuyện thủ thỉ. Tôi mỉm cười theo dõi câu chuyện của hai người. Tôi nhẹ nháy mắt với Uyên như để rủ nàng cùng nghe. Uyên chỉ mỉm cười rồi lại chăm chú nói chuyện với cụ Từ.

Câu chuyện giữa Hợi và Mơ, hai người đương thời yêu nhau, đôi khi làm tôi có lúc suýt bật cười. Hợi, một tay quàng qua vai Mơ ghì về phía mình, một tay chỉ dòng sông Đáy đang chảy dưới chân núi, hỏi Mơ:

- Nghe nói năm trước em chèo *đò dọc* mấy ngày đêm trên sông Đáy. Có ai đi chung với em không? (*xin đọc "NHỮNG NĂM THÁNG ẤY, Cuốn 1, Tập 3, Chương 8: Đi Chơi Chùa Hương"*).

- Có chứ anh! Em đi với người bạn gái cùng xóm. Thân gái, ai dám đi xa một mình như thế.

- Không phải là anh trai làng nào chứ?

- Đi với trai như thế, khi về làng họ “gọt đầu trôi sông” cho ấy à. Ai dám lấy mình làm vợ nữa. Anh lại sắp sửa giờ giọng ghen tuông đấy hả?

Nói xong câu ấy, Mơ cười khúc khích. Hợi cũng cười theo:

- Ủ, thế thì được! Anh không ghen nhưng anh sẽ cảm thấy khó chịu lắm. Anh muốn anh là người đàn ông đầu tiên đưa em đi *đò dọc* trên dòng sông Đáy này.

Mơ cười hỏi:

- Để làm gì hở anh? Hay là anh tính hai đứa mình đi chở hàng thuê. Em chèo đò, anh “bốc dỡ” hàng?

Hội cốc yêu vào đầu Mơ:

- Sao em ngốc thế!

- Thế để làm gì?

Hội cúi xuống hôn nhẹ lên mái tóc Mơ:

- Để hưởng “tuần trăng mật” sau ngày lễ cưới của tụi mình.

Mơ ngước mắt nhìn Hội:

- Nghĩa là sao?

Hội ngập ngừng cắt nghĩa:

- Nghĩa là ... hai đứa mình sẽ dùng thuyền đi từ bến Yên (chùa Hương) dọc theo sông Đáy để tới những nơi cảnh đẹp nào đó mà cả hai chúng ta cùng thích ... Và (Hội ngập ngừng) ... để cùng sống chung bên nhau, hưởng cái hạnh phúc tuyệt vời mà chúng ta từng chờ đợi bấy lâu. Và ... (Hội nói nhỏ lại làm tôi phải đoán đoán cuối cùng) *không ai phá đám chúng ta.*

Tôi mỉm cười vì tự cho là câu đoán ấy của mình đầy dí dỏm.

Hội nói tiếp:

- Anh sẽ cứ để mặc thuyền trôi theo dòng nước. Anh không cần biết nó sẽ trôi về đâu hay tấp vào

đâu. Trôi mãi và trôi mãi ... trôi đến ngày nào khi hai ta thấy ngọn núi Non Nước này. Chúng ta sẽ lên bờ, đáp chuyến xe khách quay trở về nhà.

Mơ lại ngược mặt lên hỏi:

- Thế còn chiếc thuyền thì sao?

Hội cười:

- Đúng là đàn bà con gái! Bỏ lại! Bỏ lại hết! Anh chỉ đem theo về một cô vợ trẻ xinh đẹp này thôi.

Nói xong câu ấy, Hội nhìn Mơ tình tứ, siết nhẹ cô vào mình.

Tôi giật mình nhìn sững Hội. Con người của anh có một tâm hồn thật lãng mạn làm sao. *Cứ chỉ nhìn vào cuộc sống và cách cư xử bề ngoài của một người, ta khó mà đánh giá đúng mức được bản chất của người ấy.* Quả thật, nhận định này của tôi phải được áp dụng vào Hội, một con người tưởng chừng như rất đơn sơ và phóng túng.

Mơ cứ ngồi nép mình, dựa đầu vào vai Hội. Cô ôm chặt cánh tay người yêu, hay đúng hơn là người chồng tương lai mà cô đang mơ ước được làm vợ. Có thể cô đang khóc với cái hạnh phúc mà mình đang có. Một hạnh phúc mà chỉ cách đây mấy tháng thôi cô không bao giờ dám nghĩ tới với thân phận của một cô lái đò nghèo nàn trên suối Yến, bên dòng sông Đáy ở chùa Hương.

Mơ rúc đầu vào người Hội nói khẽ trong tiếng ghen ngào xúc động:

- Anh! ... Em yêu anh nhiều lắm!

- Anh cũng thế! Chúng ta sẽ sống hạnh phúc bên nhau. Nhất định phải thế! Em phải tin anh như thế nhé!

- Vâng ạ!

Nói xong câu ấy Mơ nép đầu sát thêm vào người Hội. Hội cúi xuống hôn nhẹ lên mái tóc Mơ lần nữa rồi hai người buông nhau ra, cùng tiến về phía xa chỗ chúng tôi ngồi để họ có thể nhìn ngắm dòng sông Đáy chảy phía dưới chân núi một cách rõ ràng hơn. Tôi không còn nghe thấy họ đang nói gì với nhau nữa mà chỉ còn thấy Hội đang giơ tay chỉ về hướng xa xa của dòng sông đang chảy êm đềm.

Uyên bây giờ mới ngưng nói chuyện với cụ Từ, mỉm cười lên tiếng với tôi:

- Đã nghe trộm người ta thủ thỉ với nhau mà lại còn cứ nhìn trừng trừng nữa chứ!

Tôi mỉm cười với Uyên như thay một lời chữa thẹn.

Tôi chắc Uyên cũng nghe thấy Hội và Mơ nói chuyện với nhau nhưng nàng luôn tỏ ra chỉ chú tâm vào những câu chuyện trao đổi với cụ Từ. *Con gái họ hay tò mò nhưng cũng giỏi đóng kịch.* Tôi mỉm cười với ý nghĩ của mình.

Rồi sau cùng, Thi và Thư cũng “bò” lên tới nơi. Ánh sáng ban mai chiếu vào khuôn mặt rạng rỡ

trắng hồng của Thi, tôi chợt thấy lòng mình xao
xuyến rộn niềm vui. Tôi hỏi Thi:

- Em leo núi có mệt không?

- Không ạ! Có mấy chục bậc thôi mà!

Tôi quay ra hỏi Thư:

- Thư có mệt không?

- Anh hỏi em thì em nói không mệt. (Thư nói thật to để Hội và Mơ nghe thấy) Nhưng nếu anh Hội hỏi em có mệt không thì em sẽ nói là mệt lắm và đòi anh ấy công.

Mọi người cùng cười. Hội và Mơ quay lại bước tới chỗ chúng tôi. Hội nói vọng thật to để trả lời cô em:

- Anh không công!

Thư cong cớn:

- Anh không công thì chị công! Anh chịu không?

Mơ nghe Thư nói thế vội chạy ngay lại chỗ Thư đứng, giả vờ cúi xuống để công Thư lên. Thư vừa đưa tay cù vào sườn Mơ, vừa cười vừa nói:

- Em không bắt chị công. Em chỉ thích cù chị thôi.

Mơ vội chạy phóng đi. Thư đuổi theo sau. Hai chị em cứ đuổi nhau quanh cây soan. Chạy được vài vòng, cuối cùng Mơ đành ngồi thụp xuống để Thư

cù. Con gái nào cũng thích “trò chơi” cù này thì phải. Thi cũng thế.

Bồng Thư đứng thẳng lên, hai tay chống nạnh, nói lớn với Mơ trong khi Mơ cũng vừa đứng dậy:

- Chị không được để anh Hội bắt nạt. Nghe chưa? *Đàn ông con trai, mình lùi tới đâu thì họ tiến tới đó, mình tiến tới đâu thì họ lùi tới đấy.*

Mơ ngoái cổ nhìn Hội cười cười.

Hội tiến tới gần, đặt tay lên vai Mơ rồi nói với cô em mình:

- Mà tiến tới quá, thằng bạn trai của cô nó sợ, nó chạy mất đấy!

Thư vênh mặt:

- Dám!

Hội cười khinh khinh:

- Xem hấn có dám hay không! Thử đi thì biết!

Thư đã có vẻ dịu lại. Mơ chợt hỏi Thư:

- Thế cậu ấy đã bày tỏ tình cảm với em chưa?

- Chưa! Hình như có một hai lần thì phải, anh ta ấp úng cái gì ấy, em nhìn thẳng vào mặt chờ đợi thì anh chàng lại tịt.

Thư nói tới đây làm mọi người cùng cười. Cụ Từ cũng cười theo. Hội lại hỏi trêu:

- Sao cô không tỏ tình với hấn?

- Em là con gái mà!

Mơ xen vào:

- Thôi! Khi nào có dịp, chị sẽ tạo cơ hội giúp cậu ấy tỏ tình với em. Chịu không?

Thư bẽn lèn:

- Chị mà làm thê, thê nào anh ấy cũng mời chị em mình đi ăn phở.

Hội cười mũi:

- Lại phở gánh chứ gì? Con nhà giàu, học trường Tây mà “bủn” (hà tiện)!

Thư cãi:

- Không phải “bủn” mà anh ấy nói phở gánh ngon hơn phở tiệm. Lại còn nói, *trong tất cả các loại văn hóa dân gian thì văn hóa ẩm thực là được phổ biến và gần gũi thường xuyên với mọi người hơn cả.*

Thư nói nhỏ lại:

- Anh ấy chiều em đủ mọi thứ, trừ ăn phở gánh là nhất định không chịu bỏ. Em chỉ sợ tụi bạn em trông thấy em ngồi ăn phở ở vỉa hè.

Hội cười rồi gật gù:

- Khá lắm! Hấn nói có vẻ không sai! Có lập trường rõ rệt nữa. Được! Lần sau anh cho phép cô rủ hấn đi chơi chung với bọn này.

Thư ngần ngừ:

- Anh ấy nhát lắm. Chắc không dám đi đâu, trừ phi không có ai bắt nạt anh ấy.

Cả bọn cùng cười:

- Không ai bắt nạt đâu! Lần sau cứ rủ cậu ấy đi chơi chung cho vui!

Hội lại châm chọc cô em:

- Hấn có sợ là sợ cô chứ sợ gì bọn này! Cứ bảo hấn đi chơi. Là con nhà giàu, cô nhắc hấn mang nhiều tiền theo cho tụi này tiêu ké.

Mọi người lại cùng đùa, vỗ tay hoan hô:

- Đồng ý! Đồng ý!

Cụ Từ chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện cũng vỗ tay cười, vui theo với đám trẻ. Thử lại đỡ trò “nịnh bợ” chạy lại đâm lưng cho cụ Từ. Cụ cứ cười ha hả.

Cụ Từ đứng dậy giục mọi người tiếp tục đi thăm quang cảnh núi Non Nước. Cụ cho biết thêm một số chi tiết của ngọn núi này.

Dưới núi có chùa thờ Phật, bên sườn núi có chùa Non Nước. Núi có động thờ Tam Phủ, có đền thờ Sơn Tinh Thủy Tinh, có Diếu Đài nơi cụ Trương Hán Siêu ngồi câu cá, có “Nghinh phong các” (Lầu đón gió) nơi cụ đọc sách làm thơ. Và đáng chú ý hơn nữa là ở đây có nhiều bài thơ được viết hoặc khắc trên vách núi đá của nhiều thi nhân mặc khách như *Trương Hán Siêu, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Thiệu Trị, Tự Đức, ...*

Cụ Từ tỏ ra hết sức thích thú với lòng ngưỡng mộ khi cụ nói về Trương Hán Siêu, một vị quan nổi tiếng văn võ song toàn, thanh liêm, chính trực. *Trương Hán Siêu* là một danh nho nổi bật dưới triều nhà Trần.

Cụ Trương Hán Siêu người làng Phúc Thành, nay thuộc thị xã Ninh Bình, tự là Tăng Phủ, hiệu là Đôn Tẩu (ông già trốn đời).

Khi ở quan trường

Cụ Trương Hán Siêu đã từng là:

Người môn khách của đức Trần Hưng Đạo, theo đánh giặc Nguyên lần thứ 2 (1285), lần thứ 3 (1288) và được đức Trần Hưng Đạo tin dùng. Đánh đuổi được quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, đất nước thái bình, cụ Trương làm bài "*Bạch Đằng Giang phú*" nổi tiếng. Về sau cụ được đức Trần Hưng Đạo tiến cử lên triều đình.

Người làm quan từ đời vua Trần Anh Tông đến đời vua Trần Dụ Tông. Năm Hưng Long thứ mười sáu (1308), vua Trần Anh Tông cho làm Hàn lâm học sĩ. Dưới các triều vua từ Anh Tông (1293-1314) đến Dụ Tông (1341-1370) cụ đã giữ nhiều chức vụ quan trọng. Các vua Trần rất tin cậy và tôn trọng, thường gọi cụ là Thầy.

Người cùng với cụ Chu Văn An đồng lòng dâng "Thất trảm sớ" dưới thời vua Trần Dụ Tông để xử

tử 7 nịnh thần. Việc không thành, cụ về ở ẩn tại quê nhà gần núi Non Nước. Cụ Chu Văn An về ở ẩn tại Chí Linh (Hải Dương) mở trường dạy học.

Người cùng với Nguyễn Trung Ngạn soạn bộ “Hoàng triều đại điển” và “Hình thư” để triều đình điều hành đất nước theo pháp trị.

Người đã ở tuổi trên 80 (năm 1353) mà vẫn còn được vua tin cử cầm quân đi trấn giữ vùng biên ải Hóa Châu (Thừa Thiên, Huế ngày nay). Khi biên ải yên bình, vừa về đến triều thì cụ mất (1354). Sau khi cụ chết, năm 1363, vua Trần Dụ Tông lại truy tặng chức Thái phó. Năm 1372, vua Trần Nghệ Tông cho cụ được thờ ở Văn-miếu (Thăng Long-Hà Nội).

Khi rời khỏi quan trường

Cụ đã về đây sống ẩn dật trong những năm cuối đời. Cuộc đời cụ đã gắn bó với núi Non Nước từ đó. Cụ sửa sang cho núi thêm đẹp như xây đường lên núi, dựng Nghinh phong các (Lầu đón gió), đặt tên Điều đài cho chỗ ngồi câu cá, đem hoa cúc “Sơn Kim cúc” từ Bích Động về đây trồng. Sơn Kim cúc là một loài cúc vàng, cánh nhỏ. Cụ đã để lại nhiều bài thơ cho núi, tiêu biểu như bài *Cúc hoa bách vịnh* để ca ngợi hoa cúc. Đặc biệt là về bài thơ *Dục Thúy Sơn khắc thạch* được khắc trên vách núi Non Nước. Đây cũng là bài thơ mở đầu, khai sinh nghệ

thuật khắc thơ trên núi đá mà người đời sau đã noi theo.

“Dục Thúy Sơn Khắc Thạch”

*Sắc sắc chính y y
Du nhân hồ bất quy
Trung lưu quang tháp ảnh
Thượng giới khả nham phi
Phù thế như kim biệt
Nhàn thân ngộ tác phi
Ngũ hồ thiên địa khoáng
Hảo phỏng điệu ngư ky.*

Dịch nghĩa:

*Sắc núi vẫn xanh mượt mà,
Người đi chơi sao không về?
Giữa dòng sáng ngời bóng tháp,
Thượng giới mở cánh cửa hang.
Có cách biệt với cuộc đời trôi nổi như ngày
nay,
Mới biết rõ cái danh hồ trước kia là không
đúng,
Trời đất ở Ngũ-hồ rộng thênh thang,
Hãy tìm lại tảng đá ngồi câu khi trước.*
(Trần Văn Giáp dịch)

Dịch thơ:

“Khắc thơ núi Dục Thúy”

*Sắc núi vẫn xanh tươi
Sao người chẳng lại chơi*

*Lòng sông bóng tháp đẹp
Hang đá cảnh chùa vui
Phù thế từ nay biệt
Thân nhàn biết trước sai
Năm hồ trời đất rộng
Câu cá muốn tìm nơi.*

(Nhóm thơ Lê Quý Đôn dịch)

Vài bài thơ nổi tiếng khác khắc trên núi Dục
Thúy Sơn:

Thơ của cụ Nguyễn Trãi.

“Dục Thúy sơn”

*Hải Khẩu hữu tiên san,
Tiền niên lữ vãng hoàn.
Liên hoa phù thủy thượng,
Tiên cảnh trụ trần gian
Tháp ảnh trâm thanh ngọc,
Ba quang kính thúy hoàn.
Hữu hoài Trương Thiệu bảo.
Bia khắc tiền hoa ban.*

Dịch thơ:

“Núi Dục Thúy”

*Cửa biển có non tiên
Từng qua lại mấy phen.
Cảnh tiên rơi cõi tục.
Mặt nước nổi hoa sen.
Bóng tháp hình trâm ngọc
Gương sông ánh tóc huyền*

*Nhớ xưa Trương Thiếu bảo
Bia khắc dấu rêu hoen*

(Khương Hữu Dụng dịch)

Thơ của cụ Cao Bá Quát.

“Quá Dục Thúy Sơn”

*Thiên địa hữu tư sơn
Vạn cổ hữu tư tự.
Phong cảnh dĩ kỳ tuyệt
Nhi ngã diệc lai thử.
Ngã dục đăng cao sầm
Hạo ca ký vân thủy.
Hữu ước nãi vi tư
Phàm sự đại đô nhĩ.*

Dịch thơ:

“Qua Núi Dục Thúy”

*Trong trời đất núi nọ
Từ thời cổ chùa này.
Phong cảnh thật kỳ diệu
Lại thêm ta đến đây.
Ta muốn lên đỉnh núi
Hát vang gửi nước mây
Ao ước mà không đạt
Đời cứ thế xưa nay.*

(Phạm Minh Khôi dịch)

Tôi ghé tai nói nhỏ với Uyên:

- Về nhà nhớ nhắc anh, anh sẽ nói cho Uyên nghe thêm về cụ Trương Hán Siêu.

Uyên nhìn tôi với ánh mắt biết ơn:

- Vâng ạ!

Cụ Từ đưa chúng tôi đi thăm vài thắng cảnh rồi cùng xuống núi. Lần này Thi và Thư cũng cùng nắm tay nhau vội vàng đi xuống trước bỏ chúng tôi lại phía sau. Bốn vạt áo dài nhẹ tung bay, có lúc chúng như cuốn vào nhau theo từng cơn gió, hay cuốn theo những bước chân đi thoăn thoắt như muốn chạy của hai cô con gái đang ở lứa tuổi tràn đầy sức sống. Tiếng cười đùa rộn rã, vui tươi, thỉnh thoảng vang về phía chúng tôi. Tôi thấy Thi ngồi thụp xuống bên đường ngắt một bông hoa dại rồi đưa lên cao, vẫy vẫy về phía chúng tôi trước khi đưa nó cho Thư. Hai cô lại tiếp tục vui bước xuống núi.

Tôi mỉm cười khi nghĩ tới Thi trong niềm vui hạnh phúc mai sau.

*Sông tựa dải là cô gái đẹp,
Núi như chén ốc khách
làng say
Trăng non gió mát kho vô
tận,
Chỉ sợ nhà thơ mãi ở đây.
(Trương Hán Siêu)■*



Hình minh họa (Internet)

CHƯƠNG 14

Núi Non Nước Và Những Ngôi “Chùa Động”

Phần 14-2

NHỮNG NGÔI “CHÙA ĐỘNG”

Mặt trời đã lên khá cao. Những áng mây trắng đang lơ lửng bay trên nền trời xanh biếc. Gió mát thổi nhẹ, mơn trớn trên ngọn vài khóm hoa dại mỏng manh bên đường. Cảnh vật thật thanh bình trong một ngày nắng đẹp. Vài con chim đang dang cánh rộng bay lượn nhón nhơ.

Trên đường xuống núi Non Nước, tôi và Uyên cùng đi song song bên cụ Từ, Uyên hỏi cụ:

- Hôm qua cháu được cụ đưa đi thăm chùa Bích Động và được nghe kể về chùa Linh Cốc. Cả hai chùa này đều nằm trong hang động trên núi. Thế thưa cụ, không biết vùng Hoa Lư ta có còn nhiều “chùa động” như thế không ạ?

Cụ Từ mỉm cười nói với tôi:

- Cô giáo có khác! Cháu Uyên hỏi nhiều câu làm tôi đôi khi cũng phải lúng túng!

Tôi trả lời cụ bằng một nụ cười nhẹ trong khi cụ quay sang nói với Uyên:

- Sau khi đã trở thành kinh đô, Hoa Lư dần trở thành trung tâm Phật giáo. Ngoài những chùa ở kinh đô, nhiều chùa khác được xây dựng rải rác *trong* các hang núi hay *dựa* vào thành núi hoặc *tận dụng* núi đá mà thành các “chùa động” rất độc đáo.

Cụ tiếp:

- Kể hết ra thì nhiều lắm! Để tôi nhớ được tới đâu, tôi sẽ nói tới đó thôi nhé!

Cụ cho biết thêm, “chùa động” ở Hoa Lư thì nhiều nhưng có mấy chùa chính, khách hành hương thường lui tới như các chùa *Bích Động, Linh Cốc, Bái Đính, Dịch Lộng, Thiên Tôn, Hoa Sơn . . .*

Chùa Bái Đính ⁽¹⁾

Chùa Bái Đính hay “*Bái Đính Cổ Tự*” cách di tích cố đô Hoa Lư độ 5 cây số về hướng tây, nằm trên núi Đính. Chùa thờ Phật và gắn liền với nhiều danh nhân Việt nam như Lý Quốc Sư, Đinh Bộ Lĩnh và Quang Trung.

Nằm gần chân núi Đính có *giếng Ngọc*. Tương truyền đây là nơi thiền sư Nguyễn Minh Không đã lấy

(¹) *Chùa Bái Đính cổ ngày xưa*

nước để sắc thuốc chữa bệnh cho dân và chữa bệnh “hóa hổ” cho vua Lý Thần Tông.

Muốn lên chùa Bái Đính, khách hành hương phải leo 300 bậc đá, qua *tam quan* ở lưng chừng núi. Khu chùa này nằm gần trên đỉnh của một vùng rừng núi khá hoang vu. Tới ngã ba đầu dốc có một *nhà tiền đường* tọa lạc ở giữa.

Từ nhà tiền đường có hai lối rẽ.

- Nếu rẽ sang bên phải là hang Sáng thờ Phật. Gọi là *hang Sáng* vì cuối hang có một cửa sáng, rộng, nhìn xuống thung lũng phía dưới chân núi. Phía trên cửa hang Sáng có 4 chữ đại tự "Minh Đỉnh Danh Lam" khắc trên đá do vua Lê Thánh Tông ban tặng. Đi hết hang Sáng có một lối dẫn xuống sườn thung lũng của rừng cây là *đền thờ thần Cao Sơn*, vị thần cai quản vùng núi Vũ Lâm.

- Nếu rẽ sang bên trái là *đền thờ thánh Nguyễn* rồi đến *hang Tối* thờ Mẫu và Tiên, còn được gọi là *Động Tiên*. Động Tiên lớn hơn động Phật nhiều lần, gồm 7 hang nhỏ như “buồng”, có hang ở trên cao, có hang ở dưới sâu. Các hang đều thông nhau qua nhiều ngách đá.

Chùa có nhiều chi tiết kiến trúc và cổ vật mang dấu vết văn hóa của *thời Lý*.

Về phương diện lịch sử

Chùa Bái Đính có liên quan tới những nhân vật được thờ trong chùa.

Vùng đây là đất sinh vua, sinh thánh, sinh thần tức vua Đinh Tiên Hoàng Đế, thánh Lý Quốc Sư Nguyễn Minh Không và thần Cao Sơn. Dân gian còn có câu “*Đại Hữu sinh vương - Diềm Dương sinh thánh*”. Trong câu trên, vương ở đây chỉ vua Đinh Tiên Hoàng, thánh chỉ Nguyễn Minh Không. Hai ông được sinh ra ở hai làng Đại Hữu và Diềm Dương cùng liền kề nhau thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình.

Cụ Từ cho biết thêm chi tiết về thánh Nguyễn và thần Cao Sơn:

* *Thánh Nguyễn* vừa là thiền sư vừa là thần y chữa được bệnh nan y cho vua Lý Thần Tông được phong là Quốc sư, một địa vị đứng đầu tầng ni Phật giáo trong cả nước. Theo truyền thuyết, trong lúc ngài đi tìm thuốc thì khám phá được động này.

Khi tu hành đắc đạo, ngài trở về quê nhà dựng nhiều chùa như chùa Viên Quang, Dịch Lộng, Am Tiên và Bái Đính để tu hành, lấy vị hiệu là Minh Không.



Tên chùa Bái Đính mang ý nghĩa *Tượng đồng Thánh Nguyễn* bái vọng về *núi Đính*. Sau này, thánh Nguyễn Minh Không được tôn thờ là một vị thần trong *Tứ Trấn*, vị thần trấn giữ *phía Bắc* thành Hoa Lư (Xem bản đồ vị trí các đền thờ “Tứ Trấn”).



Địa điểm các đền thờ trong Tử Trấn

Thánh Nguyễn Minh Không còn được các làng nghề đúc đồng suy tôn là ông tổ của nghề đúc đồng.

* *Thần Cao Sơn* là một trong bốn vị thần đầu tiên có nhiệm vụ trấn giữ phía Tây thành Hoa Lư khi vua Đinh lên ngôi Hoàng Đế.

Thần Cao Sơn chính thức trấn giữ cửa ngõ vào vòng thành phía Tây của Hoa Lư nhưng cùng lúc cũng vẫn được thờ ở Bái Đính. Theo truyền thuyết, thần Cao Sơn là một trong 50 người con lên núi của Lạc Long Quân - Âu Cơ.

Về phương diện địa thế, quân sự

- Núi chùa Bái Đính chính là nơi vua Đinh *lập đàn tế trời cầu mưa thuận gió hòa*. Sau này, nơi đây tiếp tục được vua Quang Trung chọn để làm *lễ tế cờ động viên quân sĩ* trước khi ra Thăng Long đại phá quân Thanh.

- Ở thế kỷ XVI (16), núi Đính là *địa phận tranh chấp* giữa Lê - Trịnh với nhà Mạc.

Khi cụ Từ vừa nói xong về chùa Bái Đính, chúng tôi cũng đã xuống tới chân núi Non Nước.

Thi và Thư đã đứng đợi chúng tôi ở dưới gốc cây cổ thụ gần đó. Hội và Mơ cũng vừa đi tới. Cụ nhìn tất cả chúng tôi hỏi:

- Các cháu đã mệt chưa?

Tuy cụ hỏi như thế nhưng cũng đề nghị ngay:

- Thôi, ta vào quán nước gần đây nghỉ ngơi, ăn bánh, uống nước chè tươi. Lão cũng vào đây làm điều thuốc lão.

Mọi người ghé vào quán nước bên đường để nghỉ ngơi mặc dù chúng tôi chưa cảm thấy mệt vì trời còn mát nhờ gió thổi từ bờ sông đưa vào.

Trong khi mọi người vào quán, tôi rủ Thi ra bờ sông ngắm cảnh và thưởng thức thêm chút gió mát trong lành. Thi đi bên tôi, tà áo dài của nàng thỉnh thoảng theo gió bay quần nhẹ vào cánh tay tôi. Tôi nhìn Thi mỉm cười:

- Hôm nay trời đẹp và mát quá em nhỉ?

- Lúc này em đứng trên núi, cái mát của buổi sớm mai thấm vào da thịt làm em có cảm tưởng như mình muốn tan vào trong gió.

Tôi trở mắt nhìn Thi:

- Sao hôm nay em ăn nói có vẻ mơ mộng và lãng mạn thế?

- Em nói thật mà!

Tôi nắm bàn tay Thi:

- Em mà biến thành gió thì anh sẽ biến thành mây?

- Thành mây?

Tôi siết nhẹ bàn tay Thi:

- Để mây cùng gió bay về một cõi mơ hồ vô định nào đó. Em thấy không, *ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay* (Tản Đà), mây bay cùng với gió kia kìa!

Tôi khe khẽ hát bản Dư Âm như lời thủ thi:

- *Anh muốn thành mây, nương nhờ làn gió đưa anh tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên nàng.*

Tôi vừa hát vừa chỉ lên cụm mây trắng đang bay trên nền trời xanh mát.

Thi cười, lắc đầu nguây nguây:

- Thế thì em không muốn thành gió đâu! Và em cũng không muốn anh thành mây đâu! Em chỉ muốn hai anh em mình hàng ngày đi học thôi cơ!

Tôi nhìn vào mắt Thi, nói nhỏ:

- Em đã lớn rồi đấy!

Thi nhìn tôi với đôi mắt long lanh:

- Tại anh lúc nào cũng cứ coi em như là trẻ con thôi!

Tôi véo vào má Thi:

- Ủ! Thôi từ nay anh sẽ không coi em là trẻ con nữa nhé!

- Anh hứa?

- Ừ, hứa!

Chúng tôi cùng cười và song bước về phía quán.

Khi tôi vừa bước vào trong quán, mọi người cùng vỗ tay như đang chờ đợi chúng tôi từ lâu.

Uyên lên tiếng trước:

- Hai người đi du dương đâu vậy? Tay trong tay đi thả bộ trông tình tứ thế kia!

Thi lườm yêu chị:

- Chị này!. . . Em chỉ ra bờ sông thôi mà!

Tôi cũng nói thêm:

- Tại này ra bờ sông hưởng chút gió mát. Có chuyện gì không?

Hội bô bô lên tiếng:

- Đợi “vợ chồng” cậu về đề hỏi ý kiến là mình nên đi thăm tiếp một vài thắng cảnh nữa hay là ta chuẩn bị đi Phát Diệm cho sớm. Bây giờ đã 10 giờ sáng. Có hai chuyến xe khách, một chuyến lúc 12 giờ trưa và một chuyến lúc 2 giờ chiều. Xin mọi người cho quyết định.

Hai tiếng “vợ chồng” Hội dùng tự nhiên quá, tự nhiên đến độ không ai để ý đến, trừ tôi và Thi. Thi cúi mặt xuống liếc nhẹ tôi ngượng ngịu. Sự thân mật giữa tôi và Thi đã được mọi người mặc nhiên chấp nhận.

Tôi chỉ vào cụ Từ:

- Cái đó mình nên hỏi ý kiến cụ Từ và xin nhờ cụ tính sao cho tiện.

Cả bọn đồng ý. Cụ Từ bàn:

- Nếu các cháu hỏi tôi thì tôi đề nghị là ta nên đi chuyển xe sớm. Các cháu còn về Hà Nội nữa cơ mà. Sáng mai ai vào việc nấy rồi. Nếu muốn đi thăm hết Hoa Lư và những vùng lân cận thì dù chúng ta có đi theo kiểu “cưỡi ngựa xem hoa” như thế này thì cũng phải mất ít nhất một tuần.

Cụ ngừng như để suy nghĩ một chút, rồi mới nói tiếp:

- Thôi, tôi tính thế này! Đối với cố đô Hoa Lư, tôi thấy các cháu đi như thế cũng tạm đủ để có một vài ý niệm về nó. Bao giờ được nghỉ lâu hơn, các cháu lại về đây, tôi tình nguyện đưa đi thăm Hoa Lư tiếp. Như vậy có được không?

Cụ ngừng nói, nhìn chúng tôi như đợi câu trả lời. Không thấy ai có ý kiến gì thêm, cụ tiếp như một quyết định cuối cùng:

- Trưa nay ta sẽ đi Phát Diệm. Còn biết bao nhiêu thứ để xem và để học hỏi ở đó. Phát Diệm đang chờ đợi chúng ta nữa cơ mà. Vậy thế đi nhé!

Chúng tôi cùng đồng thanh:

- Thừa cụ, vâng ạ!

Cụ hướng về Uyên:

- À! Tiện đây, nhân còn nhiều thì giờ trước khi ra bến xe, tôi đề nghị sẽ tiếp tục nói thêm một chút nữa về những “chùa động” để các cháu cùng nghe nhé!

Sau khi chúng tôi đã an vị quanh cù, cù nhắc lại cho mọi người nghe câu hỏi của Uyên về những ngôi “chùa động” ở Hoa Lư. Và cù tóm tắt sơ qua những điều cù đã giảng giải cho Uyên về chùa Bái Đính trước đó để mọi người cùng có thể theo dõi những câu chuyện tiếp theo một cách dễ dàng hơn.

Thư vờ lảng lảng ra nói chuyện với cô chủ quán. Thi nhìn Thư rồi nhìn tôi như hỏi ý. Tôi vờ cúi xuống. Thi biết ý nên không dám bỏ đi mà chỉ nháy mắt nhìn Thư mỉm cười.

Cụ Từ chậm rãi nói về “chùa động” Thiên Tôn.

Chùa Thiên Tôn

Chùa Thiên Tôn thờ Phật và *thần Thiên Tôn*, nằm trong khu di tích lịch sử gần trung tâm Hoa Lư, không xa thị xã Ninh Bình là mấy. Chùa nằm trong khu vực núi Dũng Đương.



Cổng chùa Thiên Tôn

Nói về núi Dũng Đương cần lưu tâm một điều, ngoài thắng cảnh đẹp ra, núi còn có địa thế công và thủ trong quân sự rất tốt. Vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành đã lấy động này làm *tiền đồn*, *vọng gác tiền tiêu* cho kinh thành Hoa Lư. Vua Đinh đã cho xây cất *nhà Tiền Tế* là nơi tiếp đón các sứ thần nước ngoài trước khi vào kinh đô và *Kính Thiên Đài* là đài quan sát.

Theo truyền thuyết, động được tìm thấy từ đời các vua Hùng. Cao Biền biết vùng này là linh địa Đế vương nên đã trấn yểm long mạch bằng cách cho xây đền *Trần Vũ Thiên Tôn*. Thần Thiên Tôn là thần linh ở bên Tàu được người phương Bắc thờ phụng và tin tưởng.

Cũng theo truyền thuyết dân gian kể lại, mỗi khi vua Đinh Tiên Hoàng đem quân đi dẹp loạn sứ quân, ngài đều đến đây để cầu xin thần Thiên Tôn trợ giúp và lần nào cũng được linh ứng. Khi lên ngôi Hoàng đế, vua Đinh đã phong thần Thiên Tôn là “An Quốc Tôn Thần”, đồng thời ngài cho sửa sang lại động và xây đền thờ ở phía đông của động được gọi là *An Quốc Tôn Thần Từ*, tức đình Hàng Tổng bây giờ.



Tượng thần Thiên Tôn

Trong “Tứ Trấn”, vua Đinh giao thần Thiên Tôn là vị *thiên tướng* trấn ngự ở cửa ngõ phía Đông vào Thành ngoại nằm trong khu di tích cổ đô Hoa Lư.

Nói đến các thần “Tứ Trấn”, cụ Từ nhìn khắp chúng tôi như muốn cho chúng tôi biết cụ sắp nói về một điều gì quan trọng.

- Tôi tạm ngưng nói về chùa Thiên Tôn để mở một dấu ngoặc ở đây. Từ này đến giờ tôi nhắc tới mấy lần

về các thần “Tứ Trấn” ở Hoa Lư. Các cháu cũng nên biết, ở Thăng Long ta cũng có bốn đền thờ “Tứ Trấn” đặt ở các hướng đông, tây, nam, bắc để trấn giữ bốn mặt thành Thăng Long. Nghĩa là Hoa Lư và Thăng Long đều có “Tứ Trấn”. Như vậy, nay ta hãy tìm hiểu xem các “Tứ Trấn” ấy chúng có những điểm giống nhau và những điểm khác nhau ở chỗ nào nhé.

Những điểm khác nhau

* Ở Thăng Long, “Tứ Trấn” muốn chỉ về 4 *ngôi đền*. Ở Hoa Lư, “Tứ Trấn” muốn chỉ về 4 *vị thần*. (Xin đọc Cuốn 1, Tập 1 – Một Thoáng Quê Nhà, Chương 3 – Hà Nội Năm Xưa”)

* Ở Thăng Long có sự *tập trung* bốn vị “Trấn thần” vào 4 đền thờ, mỗi đền một vị; còn ở Hoa Lư thì các vị “Trấn thần” được *trải đều ra*. Các vị thần trong vùng kinh đô Hoa Lư xưa, với nhiều ngôi đền khác nhau cùng thờ một vị thần, như có tới 7 nơi thờ thần Cao Sơn, nhiều đền khác cùng thờ thần Quý Minh và thờ đức thánh Nguyễn.

Những điểm giống nhau

Hoa Lư “Tứ Trấn” với Thăng Long “Tứ Trấn”, cả hai nơi đều thờ 3 *vị thần* và 1 *vị thánh*. Thần là nhân vật tượng trưng cho sức mạnh thiên nhiên và có hai loại, loại thần đến từ phương Bắc và loại thần bản địa, thổ địa. Thánh là nhân vật lịch sử có thật với công lao phi thường được nhân dân phong thánh.

* Cả hai nơi Hoa Lư và Thăng Long đều thờ thần Cao Sơn có nguồn gốc thần núi phát tích ở Phụng Hóa

thuộc Nho Quan, Ninh Bình, được coi là *vị thần bản địa*.

* Hoa Lư thờ thần Thiên Tôn và Thăng Long thờ thần Trấn Vũ là những thiên thần xuất xứ xa xưa *từ tín ngưỡng phương Bắc* đến.

* Hoa Lư thờ thần Quý Minh (xin đọc Cuốn 2, Tập 4 – Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư, Chương 14 – Trùng An, Phần 14-1 – Phủ Đột – Đền Trần – Phủ Khổng) và Thăng Long thờ thần Bạch Mã là những *vị thổ thần*.

* Hoa Lư thờ thánh Nguyễn và Thăng Long thờ Linh Lang đều là thánh, *người thật việc thật*. Thần Linh Lang là con vua Lý Thánh Tông tức hoàng tử Hoằng Chân, sinh năm Giáp Thìn (1064) có công đánh giặc Tống.

Tôi hỏi cụ Từ:

- Thưa cụ, cứ dựa vào những điều trên thì *đức tin tín ngưỡng* của Hoa Lư đã được vua Lý Thái Tổ đem ra Thăng Long?

Cụ Từ trầm ngâm một chút:

- Cháu nói như thế chắc không sai vì ngay cả những kiến trúc, ở Hoa Lư có chùa *Nhất Trụ* thì Thăng Long có chùa *Một Cột*. Cả Hoa Lư lẫn Thăng Long đều có địa danh *Cầu Dền*.

Tôi lại hỏi thêm:

- Thưa cụ, theo như cụ nói, hai vị thần Thiên Tôn ở Hoa Lư và thần Trấn Vũ ở Thăng Long đều là những vị thần ở phương Bắc. Các vua ta đã *Việt Nam hóa* các

vị thần ấy trong tâm khảm của người Việt với mục đích xóa tan đi hay làm giảm ảnh hưởng văn hóa của người Tàu đối với dân ta về mặt tâm linh. Và đặc biệt hơn nữa, đã một thời Cao Biền đã dùng thần Thiên Tôn để trấn yểm long mạch đế vương ở Hoa Lư. Vậy mà khi vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, ngài vẫn dùng thần Thiên Tôn làm vị thần trấn giữ mặt phía đông của kinh thành Hoa Lư. Ấu đây có phải là sự khôn ngoan của các vua ta hồi đó?

Cụ Từ tùm tùm cười ra vẻ hài lòng về câu hỏi của tôi:

- Câu hỏi cũng khá hay! Tôi không dám trả lời một cách quyết đoán về câu hỏi này. Đây là một vấn đề các cháu cũng nên quan tâm để tìm hiểu thêm.

Cụ Từ lại trầm ngâm một chút:

- Có liên quan đến câu hỏi trên, các cháu nên biết thêm, nước Tàu và nước ta chủ yếu sống về nông nghiệp nên dân gian tôn trọng các vị thần Đất, thần Lúa, thần Mưa ... là những vị thần có liên quan tới nghề nông. Các vua bên Tàu dựa vào tín ngưỡng dân gian đó mà lập ra đàn *Xã Tắc*, thờ thần gọi chung là *Xã Đàn Đế Quân* và có tục lệ hàng năm vua tự đứng ra cúng tế rất trang nghiêm cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Tương tự, ở nước ta cũng có đàn *Xã Tắc* từ năm 1048 ở Thăng Long và cũng thờ *Xã Đàn Đế Quân*, một vị thần của Trung Quốc. Tuy nhiên, vào đời vua Lý Thánh Tông ta có thêm đền thờ thần *Hậu Thổ* ở Thăng Long. *Hậu Thổ* là vị thần thuộc

trong thần thoại của người Việt ta chuyên trông coi về mùa màng. Ta thấy đây, một của Trung Quốc, một của nước ta, cùng là hai vị thần đồng chủ trì về nông nghiệp được thờ song song ở Thăng Long. Dựa vào câu chuyện này, các cháu thử tìm hiểu thêm về các vị thần khác có những tình huống tương tự xem sao.

Uyên ngược mắt nhìn tôi như dò ý. Tôi cười với Uyên:

- Để hiểu vấn đề này, chắc chúng ta cần phải tìm tòi thêm nhiều lắm.

Tôi nhìn cụ Từ, nhìn Uyên, suy nghĩ một chút rồi thưa:

- Thưa cụ, cứ dựa vào câu chuyện cụ vừa kể, cháu thấy, Xã Đàn Đế Quân và thần Hậu Thổ tuy hai mà là một vì quan niệm của người xưa nhìn về vũ trụ, về con người và xã hội qua thần thoại có những *tiểu dị* nhưng cũng có cái *đại đồng*. Cái đại đồng ở đây chính là nhận thức chủ yếu thống nhất về tầm quan trọng của nông nghiệp.

Cụ Từ nhìn tôi gật gật đầu, tỏ vẻ tán thành ý kiến ấy:

- Ủ, ta cứ cho là như thế!

Cụ ngừng câu chuyện, uống hết nốt bát chè tươi rồi tiếp:

- Thôi, ta trở lại câu chuyện về “chùa động” Thiên Tôn nhé! Trong những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, đạo Phật ở nước ta rất thịnh nên trong những hang

động vùng này thường là nơi thờ Phật. Cũng thế, động Thiên Tôn được xây dựng và tu bổ qua nhiều triều đại để thành một ngôi “chùa động” khang trang, bề thế với những cổ vật bằng đá chạm trổ nghệ thuật công phu, tinh xảo, có giá trị văn hóa, lịch sử. Một số cổ vật ấy vẫn còn được lưu giữ cho tới ngày nay. Trong số đó có 18 tượng La Hán, và đặc biệt, chùa còn có quả chuông với niên đại Cảnh Hưng (1740-1786), kích thước khá lớn, có bốn núm, phát ra bốn kiểu âm thanh khác nhau.

Nói tới đây, cụ Từ quay về hướng cô chủ quán để xin cho thêm một bát nước chè tươi nóng. Cô chủ quán chưa kịp đứng lên thì Thư đã đứng bật dậy, nhanh nhẩu tự múc mời cụ. Cụ Từ hỏi đùa:

- Cháu Thư tính ông bao nhiêu tiền bát nước này đây?

Thư không trả lời, cười chạy ra sau đấm lưng cho cụ vài cái rồi lại lảng ra ngồi nói chuyện với cô chủ quán.

Cụ Từ chậm rãi nhấp vài ngụm nước rồi tiếp tục nói về một ngôi chùa khác.

Chùa Dịch Lộng

Chùa Dịch Lộng là một ngôi “chùa động” nổi tiếng của Ninh Bình. Nếu như chúa Trịnh Sâm ban tặng cho Hương Tích danh hiệu là “*Nam thiên đệ nhất động*”, và Bích Động là “*Nam thiên đệ nhị động*” thì Dịch Lộng cũng được vua Minh Mạng ban tặng là “*Nam thiên đệ tam động*”, có nghĩa động đẹp đứng hàng thứ

ba ở trời Nam. Tương truyền, sau chuyến công du Bắc Hà, trên đường trở về kinh đô Huế, vua Minh Mạng đã ghé thăm nơi đây. Vua đứng trước vẻ đẹp của chùa và động, đã đề tặng 5 chữ trên.

Chùa nằm trên lưng chừng *núi Kẽm Trống*, thuộc xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, có độ cao khoảng 80 mét so với chân núi. Tương truyền động *Địch Lộng* nằm trong vùng rừng núi hoang vu rậm rạp, một người đi rừng đã tìm ra năm 1739. Đứng ở cửa động, khi gió thổi vào nghe vi vu như tiếng sáo thổi nên đặt tên *Địch Lộng*. “Địch” có nghĩa là sáo, “Lộng” có nghĩa là gió. Thấy trong động có nhiều nhũ đá hình thù kỳ lạ, dân làng liền mở đường lập chùa thờ Phật vào năm 1740 với tên chữ “*Nham Sơn động Cổ Am tự*”.



Quần thể Chùa Địch Lộng



Đền thờ Lý Quốc Sư

“Chùa động” Địch Lộng là một quần thể gồm *đình đá* có 16 cột đá nguyên khối, *đền thờ Lý Quốc Sư*, *hồ bán nguyệt*, 5 *tháp* cao ba tầng, ba gian *chùa Hạ*.

Từ chùa Hạ qua Phủ Đức Ông, tiếp tục leo lên thêm cả trăm bậc đá nữa sẽ đến hang động mà trên cửa động đề 6 chữ: “*Nham Sơn động Cổ Am tự*”.



Cổng Động

Hai bên cửa động có hai tượng Hộ pháp, lại thêm quả chuông treo nặng gần một tấn được đúc thời nhà Nguyễn.

Sân trước động có phủ thờ Bà Chúa Thượng Ngàn, phủ thờ Đức Thánh Mẫu, tượng ông Thiện, ông Ác cưỡi trên lưng sư tử. Phía bên phải sân là chùa có khá nhiều tượng được sắp xếp từ ngoài vào trong, từ thấp lên cao. Đặc biệt tượng Phật Bà Quan Âm, tượng A Di Đà được tạc bằng đá xanh nguyên khối.

Trong động gồm hai hang, hang Sáng và hang Tối:

* *Hang Sáng*, nhiều hình tượng Phật, voi quỳ, ngựa phục ... do nhũ đá tạo thành. Có “cổng trời” dài khoảng 50 mét, gió luôn thốc nhẹ vào hang nghe vi vu như tiếng sáo thổi.

* *Hang Tối* dài và rộng hơn hang Sáng. Nhũ đá ở đây tạo muôn hình muôn vẻ với nhiều hình tượng như hình voi, hùm, khỉ, cây tiền, cây vàng, cây bạc..., bầu sữa mẹ, những “cột chống trời” do những nhũ đá từ trên trần nhũ xuống. Chúng luôn thay đổi màu sắc theo ánh sáng mặt trời chiếu vào. Nếu gõ vào vách hang, đá sẽ ngân lên những âm thanh rất êm tai. Trong hang Tối

còn có những bài thơ của các tao nhân mặc khách từng du ngoạn qua đây để lại như Lê Quý Đôn với bài thơ *Vô đề*, Bùi Văn Quế với *Danh sơn đề bạt*, Phạm Văn Nghị với bài ký *Núi Dịch Lộ* ...



Thạch nhũ trong động

Cụ Từ cho biết thêm về *Kẽm Trống*, nơi địa danh có chùa Dịch Lộ. Tương truyền một lần trên đường đi kinh lý từ Bắc trở về kinh đô Huế, vua Minh Mạng quyết định ghé thăm nơi đây. Lúc thuyền sắp phải qua Kẽm Trống, nhà vua được viên quan cận thân đọc cho ngài nghe bài thơ “Kẽm Trống” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Cho bài thơ là quá dung tục, vua bắt dân ở địa phương đào một đoạn sông ngắn dài độ 2 cây số để thuyền không phải đi ngang qua Kẽm Trống. Ấu đó cũng chỉ là câu chuyện dân gian.

Sông ở trong bài thơ “Kẽm Trống” là một đoạn con sông Đáy. Bên tả ngạn của sông là những dãy núi nằm trên địa phận xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Bên hữu ngạn của sông là những dãy núi thuộc xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Tóm lại, sông Đáy chảy ở giữa, hai dãy núi chạy dọc hai bên tạo nên cảnh trí rất đẹp.

Cụ Từ chột cười nhẹ hỏi mọi người:

- Ở đây có cháu nào thuộc bài thơ “Kẽm Trống” của bà Hồ Xuân Hương không?

Mọi người nhìn nhau như hỏi ý. Không thấy ai trả lời, tôi lên tiếng:



Kẽm Trống với sông Đáy

- Cháu thuộc, nhưng sợ có chỗ nhớ chỗ quên ạ!

Cụ Từ dục:

- Cháu cứ đọc đi! Tới đâu hay đó.

Tôi ngần ngại một chút rồi đọc:

*Hai bên thì núi, giữa thì sông:
Có phải đây là Kẽm Trống không?
Gió đập cành cây khua lắt cắc,
Sóng dồn mặt nước vỗ long bong.
Ở trong hang đá hơi còn hẹp,
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.
Qua cửa, mình ơi, nên ngắm lại:
Nào ai có biết nổi bưng bồng?*

Vừa đọc xong, tôi quay lại hỏi Uyên:

- Anh đọc có đúng không Uyên?

Uyên tùm tùm cười:

- Thừa anh, đúng ạ!

Thì hỏi chị:

- Sao lúc này chị không đọc?

Uyên không trả lời, chỉ đánh nhẹ vào tay cô em.

Mơ cũng tủm tỉm cười. Hội hỏi ngay:

- Mơ, em hiểu gì nói anh nghe với!

Mơ cũng đánh nhẹ vào tay Hội:

- Anh đừng có vớ vẩn! Hội cười rồi hướng về Thi trêu:

- Chết cô em rồi! Gặp thằng “chồng” đa tài thế này thì chỉ có khổ thôi!

Cụ Từ nói với Thi:

- Cháu đừng nghe lời nói đùa của anh Hội. Có chồng giỏi thì mừng, thì phải hãnh diện chứ lo cái gì. Hai cháu đẹp đôi thế này, trai tài gái sắc mà. Sợ gì!

Cả hai chúng tôi vừa vui vừa ngượng. Thi cúi xuống tủm tỉm cười. Uyên nắm cánh tay Thi, nhìn cô em mình một cách trìu mến.

Cụ Từ nhìn Uyên rồi nói với chúng tôi:

- Các cháu có muốn nghe thêm một “chùa động” nữa không trước khi ta dùng cơm trưa rồi chuẩn bị đi Phát Diệm.

Mọi người nhìn Uyên như ngầm hỏi ý. Uyên cũng nhìn chúng tôi như dò ý. Tôi vội lên tiếng:

- Thừa cụ, thời gian còn rộng rãi, xin cụ cứ kể cho chúng cháu nghe tiếp. Chẳng mấy khi lại được học hỏi

thêm những điều hữu ích một cách đầy thích thú như thế này ạ!

Tôi thấy ánh mắt Uyên tươi hẳn lên. Nàng mỉm cười với tôi như để thay một lời cảm ơn. Cụ Từ cũng nhìn Uyên:

- Thôi, các cháu đã có ý như thế, để tôi nói thêm về một ngôi chùa nữa nhé! Một ngôi này nữa thôi rồi ta dùng cơm trưa.

Chúng tôi đồng thanh:

- Cảm ơn cụ ạ!

Chợt Cụ gọi Thư:

- Thư đâu! Cháu cho ông xin một bát nước chè tươi nóng nữa nhé!

Thư vội “dạ” to một tiếng chạy đi rót nước cho cụ. Thư nhanh nhẩu hỏi cô chủ quán rồi tự chạy đến nồi chè đậu đen múc thêm bát chè đem mời cụ.

Cụ Từ cười ha hả nói với Thư:

- Ăn chè thế này thì no bụng mất, chút nữa làm sao ăn trưa. Chúng ta còn nhiều xôi và bánh đúc cơ mà!

Mọi người cùng nhìn Thư cười. Hội lên tiếng ngay:

- Thôi, cô có muốn ăn thì cứ ăn đi! Chút nữa cụ và các anh chị sẽ ăn sau. Đói rồi phải không?

Thư cười cầu tài rồi vừa bưng bát chè trở lại chỗ cô chủ quán vừa nói:

- Thừa cụ, xin phép cụ cho cháu ăn trước ạ!

Cụ Từ cười với Thư:

- Ủ, ông biết cháu đã đói rồi! Cứ ăn trước đi, mọi người sẽ ăn sau!

Hội lại đùa cô em:

- Có ăn thì cũng nhường cho mọi người, đừng ăn hết cả nồi chè là được.

Thư nhìn ông anh, trêu lại:

- Em sẽ chỉ chờa lại cho mọi người, em không chờa cho anh. Anh muốn ăn thì năn nỉ “chị Hội” chia cho.

Mọi người lại cười sau câu nói của Thư.

Cụ Từ bắt đầu tiếp tục với ngôi “chùa động” Hoa Sơn.

Chùa Hoa Sơn

Hoa Sơn động nằm ở thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa. Chùa có tên cổ là chùa Bà Đẻ. Khi vua Tự Đức đi tuần du ra Bắc, ghé thăm chùa này. Thấy cảnh chùa đẹp, trong động thì kỳ ảo nên vua đặt tên động là “Hoa Sơn Động”. Tên chùa Hoa Sơn có từ đây. Theo truyền thuyết thì chùa này là nơi dấu Ấu chúa nhà Đinh.

Nhân dịp này, vua Tự Đức còn cho xây *lăng Nghĩa Chúng* bằng đá trên khu đất rộng chừng 3 mẫu, ở phía đông-nam động, cách động khoảng 150 mét. Vua cho tập trung những ngôi mộ Hoàng tộc và những người có công của nhà Đinh về đây. Vua cũng cấp 2

mẫu *ruộng công điền* làm đất *phù tự* ở phía tây-bắc động để lấy hoa lợi cho chùa.

Chùa Hoa Sơn ở trên độ cao 70 mét so với chân núi. Trước cửa động, ở bên phải có hai pho tượng bằng đá được đánh bóng nhẵn thờ hai ông bà có công tu sửa chùa vào năm 1815.

Trước cửa động, có cây đa rễ thả ngay trước cửa động. Bên trái có chiếc khánh đá to, gõ vào nghe như tiếng chiêng. Chiều sâu của động bằng chiều ngang của núi, khoảng trăm mét, xuyên qua núi. Có ba hang liền nhau, tam cấp, từ thấp lên cao là: hang *Hạ*, hang *Trung* và hang *Thượng*.

Sau khi nói vài lời ngắn gọn về chùa Hoa Sơn, cụ Từ đứng dậy tuyên bố:

- Thôi, tôi nói đến đây cũng đã tạm đủ về những ngôi “chùa động” tiêu biểu ở Hoa Lư này. Các cháu có câu hỏi gì nữa không? Nếu không, ta chuẩn bị ăn trưa rồi ra bến xe cho kịp giờ.

Chúng tôi dùng bữa trưa với những món ăn mang theo.

Sau khi xôi và bánh đúc được “thanh toán” hết, những bát chè đậu đen được bung ra. Mỗi người một bát. Thư ăn xong bát chè của mình mà vẫn còn như thòm thềm muốn ăn thêm. Hội đùa cô em:

- Chưa “đủ bụng” thì cứ ăn thêm! Đây có phải là hàng phở gánh ăn ở vỉa hè đâu mà cô sợ ngượng.

Thư xoa bụng:

- Chè ngon quá mà bụng no mất rồi. Về nhà chị Hội nấu chè đậu đen cho em ăn nhé!

Mơ nhìn Thư một cách triu mến:

- Được rồi! Chị sẽ nấu cho em một nồi thật to, đủ ăn cho cả tuần.

Hội dơ hai tay lên trời than:

- Thế này thì cái nhà sắp biến thành cái chợ hàng quà rồi! Cái gì cũng đòi ăn, cái gì cũng hứa nấu!

Mơ đánh vào vai Hội:

- Cái anh này! Anh chỉ thích làm khó dễ chị em em!

Mơ lại nói với Thư:

- Em đừng lo! Chị hứa là chị làm mà!

Thư đưa thẳng hai cánh tay lên trời khua khua:

- Hoan hô chị Hội! Hoan hô chị Hội! ... Em ghét anh Hội lắm!

Nghe thế mọi người cùng cười. Hội phản công ngay:

- Ghét anh thì ở nhà, không cho đi theo nữa!

Thư vênh mặt:

- Em không đi chơi với anh! Em đi chơi với chị!

Mơ cũng cười:

- Chị em mình không cho anh Hội đi chơi chung.

Hội ôm ngang bụng Mơ nhắc lên khỏi mặt đất:

- Thấy “chồng” yêu lại lên mặt bắt nạt.

Hội đặt Mơ xuống đất, tiện tay cù cô. Mơ cười và bỏ chạy ra chỗ khác. Cô hàng nước cũng đứng cười theo.

Tôi không quên mua thêm một ít quà đem theo để làm vui lòng cô chủ quán.

Thi nhìn tôi ái ngại, nói nhỏ chỉ đủ để tôi nghe:

- Anh mang có nặng không? Chia bớt cho em đi!

Tôi cũng nói nhỏ đủ để Thi nghe:

- Có em đi bên cạnh thì mười ba lô này anh vẫn còn thấy nhẹ.

Thi liếc nhìn quanh, vội “véo yêu” vào cánh tay tôi một cái rồi lảng ra chỗ khác.

Mọi người đã sẵn sàng lên đường đi thăm Nhà thờ Phát Diệm. Chúng tôi chào từ giã cô chủ quán. Cô cũng không quên dúi vào tay Thi và Thư hai chiếc kẹo vùng.■



CHƯƠNG 15

Phát Diệm

Phần 15-1

NHÀ THỜ PHÁT DIỆM

Trên bến, chỉ còn vài ba chiếc xe còn đang đợi khách. Chúng tôi lên chiếc xe đi Phát Diệm. Xe đã có khách nhưng vẫn còn đủ chỗ trống để chúng tôi có thể ngồi gần nhau nói chuyện vãn. Cụ Từ nhiều tuổi nên chú “lơ xe” ưu tiên xếp cho cụ ngồi ghế cạnh bên bác tài xế.

Khu bến xe không sầm uất vào giờ trưa này. Vài cửa hàng buôn bán nho nhỏ với lều tều dăm ba người khách ra vào. Chị bán hàng rong đưa mẹt trái cây lên sát cửa xe mời chào. Không ai mua, chị lại bỏ sang xe khác. Một người đàn ông trung niên vội vã lên xe mời chào những gói thuốc “cao đơn hoàn tán” treo lủng lẳng trên một sợi dây. Cũng chẳng ai mua, ông xuống xe đi mất hút sau mấy quán nước vắng người.

Những giỏ hàng nặng, quang gánh cồng kềnh đang được chuyển lên nóc xe. Một bà nhà quê tay cầm đòn gánh, hót hơ hót hải từ xa chạy vội đến và “phóng” lên xe chúng tôi. Bà nhìn đảo quanh ngơ ngác, biết mình lên nhầm xe nên lại vội vàng phóng xuống chạy sang xe bên cạnh. Thi nhìn tôi tủm tỉm cười về cái hoạt cảnh ấy.

Chúng tôi chờ không lâu lắm. Xe bắt đầu chuyển bánh. Thi ngược lên nhìn tôi một cách trìu mến. Uyên ngồi gần cửa sổ, lơ đãng nhìn ra ngoài.

Xe chạy phom phom trên tỉnh lộ. Phát Diệm cách thành phố Ninh Bình khoảng 30 cây số, tôi đoán phải một giờ sau xe mới tới nơi vì xe thường phải dừng dọc đường đón khách. Gió mát thổi lộng vào xe. Vài cửa sổ xe đã được buông rèm xuống để che bớt gió. Tôi nói nhỏ với Thi:

- Xe còn lâu mới tới! Nếu có mệt thì em cứ dựa đầu vào vai anh mà ngủ đi!

Thi ngược mặt nhìn tôi khẽ đáp:

- Không ạ!

Tuy nàng nói không nhưng tôi vẫn sẽ đưa tay kéo nhẹ đầu Thi ngã vào vai tôi.

Thi như con chim nhỏ, hiền lành, ngoan ngoãn nép sát bên cánh tay tôi. Nhìn cặp mắt thông minh long lanh, làn da mặt trắng hồng và đôi môi lúc nào cũng mọng đỏ tự nhiên, trong lòng tôi có chút gì xao xuyến trước cái vẻ đẹp thanh khiết ấy. Tôi sẽ vượt

nhẹ vài sợi tóc đang bay bay trên má nàng. Thi nắm nhẹ bàn tay tôi rồi nhắm mắt như ngủ. Tôi nghĩ lan man tới một ngày nào đó chúng tôi sẽ có một gia đình hạnh phúc với những đứa con ngoan. Một thoáng xúc động, tôi nói nhỏ bên tai Thi, nhẹ như hơi thở của nàng: "Anh yêu em!". Thi vẫn nhắm mắt yên lặng. Bàn tay nàng xiết nhẹ bàn tay tôi. Tôi biết Thi không ngủ.

Cánh đồng ruộng và cây bên đường tiếp tục đua nhau chạy lùi lại về phía sau. Thỉnh thoảng xe phải chạy chậm lại để tránh "ổ gà". Và để rồi, xe cũng đã tới Phát Diệm sau một tiếng đồng hồ như tôi dự đoán. Cụ Từ nói với bác tài cho chúng tôi xuống gần khu nhà thờ.

Chúng tôi cùng xuống xe, vuôn vai vài cái cho giãn gân cốt rồi theo cụ Từ. Cụ cứ thoăn thoắt đi trước. Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười trước sức khỏe của cụ.

Đi được một quãng, nóc nhà thờ Phát Diệm đã hiện ra, vượt lên cao khỏi những ngôi nhà trong khu phố chung quanh. Rẽ vào một ngõ nhỏ, đi thêm vài chục thước, chúng tôi dừng chân tại một căn nhà bề thế, khang trang. Cụ Từ gõ cổng, một thanh niên dáng vẻ nhanh nhẩu bước ra.

Vừa trông thấy cụ Từ, dường như hai người biết nhau rất thân thiết, thanh niên vồn vã chào cụ một cách lễ phép:

- Kính chào cụ ạ! Ông cháu có nhà, xin mời cụ vào chơi!

Cụ Từ nắm tay thanh niên:

- Cháu Phong đây hả? Lâu quá ông không gặp!

- Thưa vâng ạ!

Người thanh niên tên Phong cúi đầu chào chúng tôi.

Cụ Từ quay lại giới thiệu:

- Đây là Phong, cháu nội của cụ chủ nhà. Cụ là bạn thân của tôi.

Cụ quay sang chúng tôi giới thiệu với Phong:

- Còn đây là các cô cậu ở Hà Nội về Hoa Lư chơi, tôi đưa đi thăm nhà thờ Phát Diệm.

Cụ vừa giới thiệu xong, Phong chạy phóng vào nhà:

- Ông ơi, có cụ Tú đến chơi!

Có tiếng vọng ra:

- Cụ Tú nào vậy cháu?

- Thưa ông, cụ Tú ở Hoa Lư ạ!

- Mời cụ vào nhà ngồi chơi, ông ra ngay!

Phong trở ra mời cụ Từ và chúng tôi vào phòng khách. Chúng tôi nhận ra Phong là một thanh niên nhanh nhẹn và tôi đoán anh ta phải là con người cởi mở, hoạt bát lắm. Trong khi Phong vào trong rót

nước trà mời khách, tôi có dịp ngồi quan sát căn phòng khách.

Phong mang nước ra mời mọi người. Cụ chủ nhà cũng đã ăn mặc tươm tất, chỉnh tề ra tiếp đón khách. Sau vài lời giới thiệu và thăm hỏi của hai cụ, chúng tôi được biết hai cụ cùng đều đỗ tú tài thuộc thế hệ khoa cử ngày xưa. Chúng tôi cứ nhìn cụ Từ một cách tò mò. Như hiểu ý, cụ Từ giải thích:

- *Cụ Tú* là tôi, *cụ Đồ* là tôi, *cụ Từ* cũng là tôi. Các cháu quen gọi tôi là cụ Từ thì cứ tiếp tục gọi tôi như thế!

Cụ Từ ngừng một chút rồi chỉ vào cụ chủ nhà nói tiếp:

- Cụ đây, chúng tôi thường gọi là cụ tú Thống!

Cụ tú Thống xua tay, nói với chúng tôi:

- Cứ gọi tôi là cụ Thống được rồi!

Chúng tôi cùng thưa:

- Chúng cháu xin vâng ạ!

Sau khi cụ Từ cho biết mục đích của chúng tôi muốn đi thăm và tìm hiểu về nhà thờ Phát Diệm, cụ Thống ra vẻ suy nghĩ:

- Thế này nhé! Để tôi chạy đi xin phép Cha bề trên đã. Tự động kéo nhau vào nhà thờ cũng không tiện lắm. Cụ và các cháu ngồi đây chơi, một chút lát tôi về!

Nói xong cụ Thống vội vã bước ra cửa. Cụ quay lại nhắc Phong:

- Cháu cũng thay quần áo đi. Chút nữa ra nhà thờ luôn thể!

Cụ Từ quay ra hỏi cụ Thống về Phong:

- Cháu Phong đang làm gì và có vợ con gì chưa nhỉ?

Cụ Thống đứng rón lại đáp:

- Đã vợ con gì đâu! Hăm mấy tuổi rồi đây. Cháu đang theo học ngành sư phạm ở Hà Nội, sang năm ra trường. Tôi định nhờ ông hiệu trưởng trường trên đó, là chỗ quen biết, cho nó một chân dạy tạm ở đó. Thôi, mời cụ ngồi chơi, tôi đi nhé!

Cụ Thống tắt tả bước ra sân.

Được cụ Từ cho biết Uyên cũng theo ngành sư phạm nên Phong đứng nói chuyện với Uyên về chuyện học hành. Phong là người tế nhị nên câu chuyện chỉ có tính cách xã giao thông thường.

Cũng chẳng bao lâu, cụ Thống trở về vui vẻ nói:

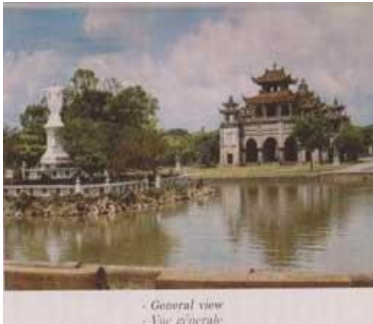
- Xong rồi! Chúng ta có thể đi thôi!

Chúng tôi theo chân cụ Thống. Phong cũng cùng đi với chúng tôi.

Khi tới địa phận nhà thờ, cụ Thống dừng lại để nói vài điều tổng quát cho chúng tôi nghe về sự thành hình địa phận Phát Diệm và nhà thờ Phát Diệm.

Phát Diệm

Phát Diệm là địa danh thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, một vùng đất được cụ Đinh Điền Sứ



General view
Vue générale



Phat Diem Cathedral and two chapels on its west side, view from the same grotto of Bethlehem.
La Cathédrale et les deux chapelles latérales du côté ouest, vue de la grotte de Bethléem.

Nguyễn Công Trứ xây dựng nên từ vùng đất phù sa bồi vào năm 1829 trong công trình di dân lập ấp. Phát Diệm cách cửa biển Thần Phù độ 8 cây số, một cửa biển đã đi vào ca dao vì sự nguy hiểm của nó.

*Lênh đênh cửa biển Thần Phù
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

Kim Sơn nằm giữa hai cửa sông, sông Càn và sông Đáy. Cửa sông Đáy là cửa sông cực nam của chi nhánh sông Hồng. Đây là nơi hội tụ của đất phù sa, trung bình mỗi năm tiến ra biển từ 80 mét tới 100 mét. Vào tháng 2 năm 1829, tức năm Minh Mạng thứ 10, cụ Nguyễn Công Trứ chiêu tập được 1200 nhân đinh, đa số là người Kitô giáo. Họ là những

người đang bị bách hại về đạo. Công cuộc khẩn hoang được tiến hành trong điều kiện vô cùng thiếu thốn và gian khổ. Ròng rã suốt 4 năm trời mới lập được trại ấp. Và chỉ một năm sau, huyện Kim Sơn đã thành lập được 7 tổng gồm 14,600 mẫu. Từ một miền đất hoang vu nay đã trở thành một khu trù phú.

Trước công trạng lớn lao của cụ Nguyễn Công Trứ, người dân Kim Sơn-Phát Diệm luôn coi cụ như “cha đẻ” của vùng đất này và hình ảnh của cụ vẫn luôn được tưởng nhớ, ghi sâu trong tâm thức họ. Những câu thơ dân dã vẫn được lưu truyền từ bao đời nay:

*Kim Sơn huyện ta
Bởi ai sáng lập
Dựng thành dân ấp
Trước tự thuở nào?
Tham Tri bộ Hình
Xứng Dinh Điền Sứ
Tướng Nguyễn Công Trứ
Tân bồi bãi bể...*

Trong địa phận mà 80% là người Thiên Chúa giáo, đền thờ cụ Nguyễn Công Trứ đã được dựng nên vào năm 1852 ở thôn Lạc Thiện, trung tâm huyện Kim Sơn, bên bờ sông Ân.

Cụ Nguyễn Công Trứ khuyến dân *trồng cói* ở các ruộng bùn lầy sát biển. Cũng từ nguyên liệu này, Kim Sơn đã hình thành những *làng nghề dệt chiếu cói* và những sản phẩm gia dụng, trang trí hay

những mặt hàng mỹ thuật được tồn tại và phát triển tới ngày nay. Nghề dệt chiếu ở Phát Diệm cũng nổi tiếng vì chiếu vừa đẹp lại vừa bền.

Cụ Nguyễn Công Trứ, người đã tạo dựng nên Kim Sơn. Cha Sáu, người đã tiếp tục phát triển công trình của cụ Nguyễn Công Trứ, nhưng không phải về mặt kinh tế mà về tín ngưỡng. Điều đó đã được thể hiện một cách sâu sắc qua kiến trúc nhà thờ Phát Diệm.

Nhà thờ Phát Diệm

Nhà thờ Phát Diệm nằm trong địa phận Phát Diệm, cách thành phố Ninh Bình 28 cây số và nằm cách Hà Nội 120 cây số về phía nam. Nhà thờ có diện tích gần 22 mẫu tây (ha), là một công trình kiến trúc độc đáo và đặc sắc được xây dựng chủ yếu bằng gỗ và đá trong một thời gian khá dài, từ năm 1875 đến 1899.

Quần thể nhà thờ Phát Diệm là một trong những nhà thờ đẹp nhất Việt Nam gồm *một nhà thờ lớn, 5 nhà nguyện*, trong đó có một nhà nguyện được xây dựng bằng đá tự nhiên được gọi là “*Nhà thờ đá*”. Bên cạnh đó còn có những kiến trúc khác như *ao hồ, Phương Đình* tức cổng tam quan và *3 hang đá nhân tạo*.

Chúng tôi đến gần địa phận nhà thờ. Cảnh trí càng ngày càng được mở rộng ra. Nhìn tổng quát toàn khu vực, kiến trúc của quần thể nhà thờ trông thật to lớn, uy nghi, bề thế. Những kiến trúc ấy lại

mang sắc thái của *chùa*, *đình* phương Đông hơn là xây cất theo kiểu kiến trúc gô-tích của phương Tây mà chúng tôi thường gặp.

Cụ Thống đứng lại ngay trước cổng nhà thờ, bên hồ nước lớn, nói cho chúng tôi nghe vài điều tóm lược về tiểu sử của người đã từng là *kiến trúc sư* của toàn bộ công trình thuộc khu vực quần thể nhà thờ Phát Diệm này, đó là Cha Sáu.

Tiểu sử của Cha Sáu ⁽¹⁾



Tên thật là Trần văn Hữu, sinh năm 1825, quê ở làng Mỹ Quan, tổng Cao Vịnh, huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Thân phụ là ông Trần văn Nhu, người Nam Định. Khi rửa tội, ông có tên thánh là Phêrô.

Năm 1845, ông được nhận vào *Tiểu chủng viện* Vĩnh Trị, đổi tên thành Trần văn Triêm. Tốt nghiệp, ông chịu chức Sáu. Năm 1850, được nhận vào *Đại chủng viện* Kẻ Non ở Hà Nam.

(¹) Theo tài liệu của Wikipedia.

Năm 1858 ông bị bắt và bị đi đày ở Lạng Sơn vì lệnh cấm đạo Kitô của vua Tự Đức. Trong tù, người ta thường biết đến tên *cụ Sáu*. Trong họ đạo, vì ông giữ chức Sáu đã lâu năm nên quen gọi là *Cha Sáu*. Ông lấy tên giả là *Trần Lục* để không lộ thân phận. Năm 1862, vua Tự Đức bỏ lệnh cấm truyền đạo, ông được trả tự do.

Năm 1865 ông được bổ nhiệm là Chánh xứ Phát Diệm.

Năm 1875 ông khởi công cho xây dựng nhà thờ Phát Diệm như ta thấy hiện nay.

Người ta đánh giá linh mục Phêrô Trần Lục là một giáo sĩ nhiệt thành, một nhà văn hóa, là người có công xây dựng nhà thờ Phát Diệm. Ông mất ngày 6 tháng 7 năm 1899.

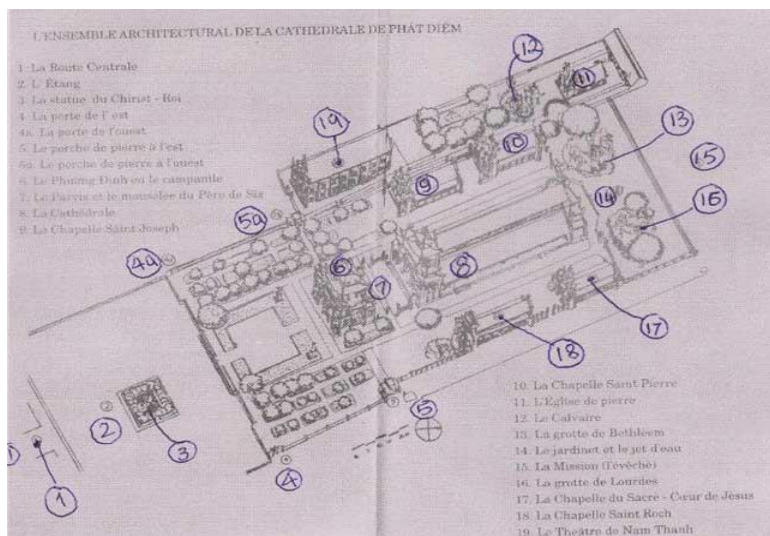
Trước khi ông qua đời, ông trăng trối hãy mai táng xác ông giữa lối ra vào nhà thờ, san bằng “*để người ta đi lại, xéo trên mồ*”. Tuy nhiên giáo dân đã xây dựng mộ phần trên lối đi và làm vòng rào bảo vệ.

Sau khi cho biết xong về tiểu sử Cha Sáu, cụ Thống lại tiếp tục dẫn chúng tôi đi. Cụ vừa đi vừa giảng giải. Gặp điều gì hay, cụ dừng lại giải thích thật cặn kẽ từng chi tiết một. Chúng tôi hết sức lắng tai nghe cụ và coi đây như đang được đọc một tài liệu sống đầy quý giá ⁽²⁾.

(2) Theo tài liệu của Tòa Giám Mục Phát Diệm.

Nhà thờ Phát Diệm gồm 10 công trình lớn nhỏ trên một diện tích là 3000 mét vuông, gồm:

1. Đường dẫn vào nhà thờ (số 1 trong bản đồ mô hình nhà thờ)



Bản đồ mô hình quần thể nhà thờ Phát Diệm

2. Hồ nước (1925) (số 2 trong bản đồ mô hình)



Sau hồ nước, qua một sân rộng tới Phương Đình

Ngay trước khuôn viên nhà thờ là một hồ nước, được gọi là Hồ nước, hình chữ nhật có kè đá bao quanh, diện tích một mẫu tây. Giữa hồ là hòn đảo nhỏ xanh mát bóng cây và trên đó có một bức tượng Chúa Giêsu (số 3 trong bản đồ mô hình) bằng đá trắng, dang rộng hai tay, mắt nhìn thẳng về phía trước. Bức tượng cao 3 mét, làm bằng bê tông, được xây dựng khoảng năm 1925.

Hồ tạo nên quang cảnh của khu vực nhà thờ tăng thêm phần duyên rữ và nên thơ. Trong những ngày nắng đẹp ta có thể thấy bóng của tòa tam quan hay gác chuông Phương Đình uy nghi, lung linh phản chiếu trên mặt nước hồ. Hồ cũng là nơi được sử dụng như nơi để rửa chân trong những ngày mưa lầy lội trước khi khách hành hương bước vào khu thờ phượng. Đứng về mặt kiến trúc, đất lấy từ hồ đào lên được dùng vào việc nâng cao nền cho những kiến trúc tiếp theo.

Ba mặt hồ được xây tường bảo vệ và chung quanh hồ là con đường trải nhựa. Sau khi đi qua bức tường thấp ta đến ba khu vườn: Đây là một trong những lối chính dẫn vào nhà thờ.

3. Phương Đình (Năm 1899) (số 6 trong bản đồ mô hình ở trang 398)

Sau hồ nước là một khoảng sân rộng rãi, thoáng đãng, mát rượi. Từ đây, ta có thể chiêm ngưỡng hình ảnh toàn diện của *tòa Phương Đình*, một cổng tam quan nguy nga.



Mặt sau Phươg Đình với lăng mộ Cha Sáu

Phươg Đình cao 25m, rộng 17m, dài 24m, gồm ba tầng được xây dựng bằng đá phiến xanh, có phiến nặng hàng tấn.

- Trên 4 đỉnh tháp có 4 pho tượng tượng trưng cho bốn vị Thánh Sử.

- Các vòm cửa bằng đá được lắp ghép một cách tinh xảo.

- Phía mặt bên ngoài và phía mặt bên trong là những bức phù điêu được khắc chạm trên đá hình ảnh chúa Jêsu và các vị thánh với những đường nét thanh thoát.

- Trên các bức tường là những phù điêu được sáng tác theo phong cách nghệ thuật dân gian Việt Nam. Những chân song cửa sổ có hình lá trúc và cây trúc mềm mại, uyển chuyển.

- Chóp của Phươg Đình không cao vút kiểu ngọn tháp như những nhà thờ khác, mà được uốn

cong theo phong cách mái đình Việt Nam. Dù trên đỉnh có gắn thánh giá, song nhìn bao quát, Phương đình vẫn mang dáng dấp tam quan chùa hơn là nóc nhà thờ Kitô giáo. Ngay cả các đường nét, tư thế ngồi hay nếp áo của bốn pho tượng Thánh Sử trên bốn đỉnh tháp cũng khiến người ta liên tưởng đến những tượng Phật trong các ngôi chùa.

- Trong khoảng sân giữa Phương Đình và Nhà Thờ Lớn đặt các đài sen, đặc trưng của kiến trúc nhà Phật.



Mặt trước Phuong Đình



Phiến đá giữa

- Phương Đình có chức năng vừa là *tam quan* vừa là *gác chuông* gồm 3 tầng:

* Tầng dưới cùng là những gian rất rộng rãi, phóng khoáng, đơn giản nhưng mang nhiều ý nghĩa. Trong mỗi gian đều có một phiến đá lớn. Ở gian chính giữa, đặc biệt có phiến đá lớn nhất, theo tương truyền đây là sập đá của Hồ Quý Ly ở thành Tây Đô trong Thanh Hóa xưa đem về. Bên ngoài lối vào có khắc chữ “*Nhà tiệc ly của Chúa*”. Phiến đá này được đặt trong khuôn đình, tượng trưng cho sập ngồi ăn bữa cơm cuối cùng với các tông đồ. Điều độc đáo và sáng tạo là chúa Giêsu ngồi ăn cùng môn đồ, mọi

người sẽ ngồi khoanh tròn trên sập đá như người Việt Nam chứ không ngồi trên bàn ăn như bức danh hoạ nổi tiếng của Leonard de Vinci. Ngoài ra phiến đá vuông và hình vòm tròn còn tượng trưng cho “Trời tròn” và “Đất vuông” theo phong cách vũ trụ quan của văn hóa Việt Nam.



* Tầng thứ hai treo một trống lớn.

* Tầng trên cùng. Trên đỉnh gác chuông ta thấy một quả chuông, được đánh bằng vồ. Đó là một điều khá lạ đối với chuông của người Kitô giáo thường dùng chuông kéo bằng dây. Quả chuông được đúc vào năm 1890, cao 1,90 mét, đường kính chỗ lớn nhất là 1,10 mét và trọng lượng khoảng 2 tấn. Khi đánh, tiếng ngân có thể vang xa tới 10 cây số. Một tiếng chuông vang xa cả 3 tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa đều nghe thấy. Quả chuông cũng hài hòa hai nền văn hóa Đông-Tây. Mặt phía tây của chuông có chữ La tinh, phía đông của quả chuông có chữ Hán. Mặt phía tây-nam có chữ Hán “*Phát Diệm xứ công vật*” tức là “vật chung của xứ Phát Diệm”. Niên hiệu của chuông được viết bằng chữ Hán tính theo âm lịch “Thành Thái Canh Dần

tạo”, tức chuông được đúc vào năm Canh Dần dưới đời vua Thành Thái. Chung quanh quả chuông có 4 núm với 4 chữ Hán: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mặt phía tây-bắc của chuông có dòng chữ La tinh in lời Chúa nói: "*Tôi ca tụng Thiên chúa, tôi kêu gọi dân chúng, tôi điểm tô ngày lễ*".

4. Nhà Thờ Lớn hay Nhà Thờ Chính. Tên chính thức là *Nhà Thờ Đức Mẹ Mân Côi* (Năm 1891) (số 8 trong bản đồ mô hình ở trang 398)



Nhà Thờ Lớn nhìn từ phía sau



Nóc Nhà Thờ Lớn

Từ Phương Đình, qua sân rộng, là tới *Nhà Thờ Lớn* đồ sộ, xây dựng năm 1891, có bốn mái và năm lối vào. Dưới các vòm đá được chạm trổ tinh tế, điều luyện với các hoa văn, hoa tiết rất đẹp. Nhà Thờ Lớn có chiều dài 74 mét, rộng 21 mét, cao 15 mét.

- Mặt tiền gồm 5 lối vào, được xây bằng những khối đá lớn chạm trổ công phu, nhẹ nhàng, thanh thoát.

- Phía trên có 3 tháp chuông vuông và mái cong, “vuông” và “cong” là biểu tượng cho âm dương và



Ba bức phù điêu trên mỗi cửa



Chạm trổ như tranh Đông Hồ



Các Thánh mang vẽ mặt Á đông

con số 3 tượng trưng cho “tam tài” theo triết học Á Đông, tức Thiên-Địa-Nhân hay Trời-Đất-Người.

Con số 3 cũng làm cho người tín hữu Kitô ý thức mâu nhiệm của chúa “ba ngôi”. Đứng về mặt kiến trúc, cũng từ mặt tiền ta nhận ngay ra đây là sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc gô-tích, có khuynh hướng vươn cao lên khỏi cảnh vật chung quanh, và kiến trúc Á Đông, có khuynh hướng trải rộng, hoà nhập với cảnh vật chung quanh, với thiên nhiên, vạn vật.

- Trên mỗi cửa vào đều có ba bức phù điêu, tức tổng cộng ngay trên mặt tiền có 15 bức phù

điều, tất cả biểu hiện cho 15 “màu nhiệm mân côi” tạc trên đá.

Từ trái sang phải, bắt đầu là “5 sự vui”, “Thiên thần truyền tin vui”, “5 sự thương” nói về cuộc “tử nạn của chúa Giêsu”... và kết thúc ở những phù điêu phía tay phải là khi “đức Mẹ được hưởng triều thiên trên Thiên quốc”.

Ngoài ra, ta thấy thật thích thú khi nhận ra những bông sen được thay thế cho hoa hồng trong dây tượng trưng cho “mân côi”. Những Thiên thần trong thế đầu vật của tranh Đông Hồ, kéo nhị, thổi sáo. . . tay cầm bình nước phép, phía trên có những dòng chữ La tinh lấy trong thánh kinh. Một trong những dòng ấy được dịch như sau *“Hãy xin mở cửa cho anh em, hãy làm hoà với kẻ thù trước khi đến bàn thờ Chúa”*. Những nhân vật trong kinh thánh đều mang khuôn mặt của người Á Đông. Các Thánh mặc áo gấm, đội mũ cánh chuồn.



Bên trong nhà thờ



Trên cùng là hình Đức Mẹ

- Trong lòng ngôi Chính Tòa Phát Diệm. Cũng như ngoài mặt tiền, kiến trúc bên trong mang sự hài hòa của hai nền kiến trúc Đông Tây: đầu nhà thờ và lòng

nhà thờ cao vút lên của phương Tây, nhưng cách sắp đặt kèo, cột và các chi tiết chạm trổ hoa văn uyển chuyển, nhẹ nhàng, tinh tế của Á Đông.



*Thiên thần bao quanh
là trẻ VN*



Chúa Giêsu và 6 thánh tử đạo



Tượng Đức Mẹ Mân Côi



Bệ thờ bằng đá nguyên khối

Lòng nhà thờ có 6 hàng cột, gồm 52 cột. Hai hàng cột chính giữa có 16 cột là lớn hơn cả, cao 11 mét, vòng chu vi cột lớn nhất là 2,65 mét. Càng lên cao thì trần nhà thờ càng hẹp lại. Cứ cao lên một mét thì cột nghiêng vào bên trong trung bình từ 1 tới 1,5 phân (cm). Có 9 vì kèo chạm trổ công phu, càng gần *cung thánh* thì nét chạm trổ càng tinh vi. Mỗi vì kèo nặng 25 tấn. Ta cứ tưởng tượng vào thời gian ấy, không có cơ giới mà mang được các cây kèo ấy lên cao như thế không phải phải là dễ.

- Gian cung thánh, với bức “phông” vô cùng rộng rãi và rực rỡ.

Ở trên cùng là hình ảnh Đức Mẹ trao tràng hạt *mân cô* cho thánh Đa Minh. Chung quanh là những thiên thần với vẻ mặt đầy đặn của trẻ Việt Nam.

Ở dưới, chính giữa, là hình *Đức Chúa Giêsu* làm vua, chung quanh là 6 vị tử vì đạo Việt nam gồm một vị giám mục, một vị linh mục, một vị quan triều đình, một anh lính, một lý trưởng và một phụ nữ nông thôn.

Ở dưới nữa, chính giữa, là tượng *Đức Mẹ Mân Côi*, chung quanh là những vị Thánh.

Bàn thờ chính giữa làm bằng đá nguyên khối có chiều dài tới 3 mét được chạm trổ cả 3 mặt chung quanh rất đẹp. Mặt chính giữa bàn thờ chạm những cụm hoa hồng đan xen vào nhau hết sức sắc sảo làm toát ra vẻ đẹp rất thanh thoát và tinh khiết.

5. Nhà nguyện Thánh Giuse (Năm 1896) (số 9 trong bản đồ mô hình ở trang 398).



Nhà nguyện Thánh Giuse



Kiến trúc bên trong



“Rèm” vén bằng gỗ tạc

Với nội thất làm bằng gỗ lim. Gỗ đã được tạc thành những bông huệ đan kẽ vào nhau thành những sợi dây mảnh mai, những bức “rèm” vén lên mềm mại. Hai bên



Cảnh ngày Giáng sinh



Làm thợ mộc

cung thánh là 14 bức phù điêu diễn tả cuộc đời thăng trầm, chìm nổi của thánh Giuse: lễ cưới thánh Giuse với Đức Mẹ, thiên thần báo tin cho Thánh Giuse, đi thăm bà Elizabeth nhưng bị xua đuổi đi,



Lúc qua đời

cảnh Giáng sinh, dâng chúa trong đền thờ, trốn sang Ai Cập, chúa Giêsu trong đền thờ lúc 12 tuổi, Thánh Guise làm nghề mộc,... Thánh Giuse qua đời.

6. Nhà nguyện dâng kính Thánh Phêrô (Năm 1896) (số 10 trong bản đồ mô hình ở trang 398).



Nhà nguyện Thánh Phê-Rô



Kiến trúc bên trong



Kiến trúc bên trong

Thánh Phêrô là “quan thầy” của cụ Sáu. Nội thất ngôi đền này làm bằng gỗ mít. Chiếc mũ “ba tầng”, chùm “chìa khóa” thể hiện quyền uy của Thánh Phêrô. Kiến trúc chạm



Bàn thờ đá nguyên khối



Tượng Thánh Phê rô

trở ở đây cũng tinh vi, có chỗ nhẹ nhàng, có chỗ mạnh mẽ, uy nghiêm. Những tác phẩm điêu khắc

thật hài hòa, bổ túc cho nhau để hợp thành một tổng thể vô cùng linh động.

Bàn thờ chính cũng được làm bằng phiến đá nguyên khối với trọng lượng 20 tấn. Hai bên cung thánh là hai bức phù điêu giới thiệu 12 vị tông đồ. Mỗi bức phù điêu là một lời cầu bằng chữ nhỏ của 112 họ đạo của xứ Phát Diệm.

7. Nhà nguyện Trái tim vô nhiễm nguyên tội Đức Mẹ (Năm 1883) (số 11 trong bản đồ mô hình ở trang 398).

Cụ Sáu tiến hành xây dựng những công trình lớn này trước tiên, hầu như hoàn toàn làm bằng đá nên còn được gọi là “Nhà thờ đá”.



Nhà thờ đá

Nhà thờ đá này được chạm trổ rất công phu, người ta ví nó như viên ngọc quý trong quần thể kiến trúc nhà thờ Phát Diệm.

- Mặt tiền, gồm 3 tháp cao đã phối hợp được những cái vững chãi, bề thế giữa những tảng đá lớn với cái mềm mại, tinh vi tạo bởi những bàn tay tài hoa của những nhà chạm trổ, điêu khắc.



Kiến trúc bên ngoài cổng chính



Tượng Đức Mẹ

- Trên đỉnh ngọn tháp, ở chính giữa với bức phù điêu có hình trái tim bị cây kiếm xuyên qua biểu tượng cho *trái tim vô nhiễm của Đức Mẹ*. Trên tháp giữa



Trái tim trên đỉnh ngôi tháp giữa

này có khắc một lời nguyện bằng bốn thứ tiếng, tiếng quốc ngữ được ưu tiên khắc ngay trên hàng đầu *“Lái tim rất thánh đức Bà, chẳng hiểu tội tổ tông truyền, cầu cho chúng tôi”*.

- Hai ngôi tháp hai bên có dáng dấp của cây Tháp Bút ở trước đền Ngọc Sơn bên hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chỉ khác ở đây là cây tháp tự giá thay thế cho ngọn bút lông.

- Bên trong nhà nguyện, kiến trúc thật độc đáo. Từ cột, đà, kèo . . . đều bằng đá nhưng những nét chạm trổ tinh vi và uyển chuyển của nó vẫn giữ nguyên những nét đặc trưng của kiến trúc gỗ.



Kiến trúc bên trong



Bàn thờ đá

- Ở bốn góc Nhà Nguyễn có 4 bức “thông phong” (cửa sổ thông gió) chạm bốn loại cây: mai, trúc, cúc, tùng. Đây là bốn loại cây tượng trưng cho bốn mùa và cũng tượng trưng cho người quân tử.



Một trong bốn bức thông phong

Mai: của mùa Xuân, tượng trưng cho tính cách nhẹ nhàng, thanh cao

Trúc: của mùa hạ. Trúc có thân mọc thẳng tượng trưng cho sự cương trực và ngay thẳng.

Cúc: của mùa Thu. Là loài cây đơm bông khi mọi loại cây khác thu mình lại, tượng trưng vượt lên ngoại cảnh.

Tùng: của mùa Đông. Cây tùng luôn xanh tốt suốt mùa đông trong khi những cây khác rụng lá, tượng trưng cho sự hiên ngang, quân tử.

- Bàn thờ chính cũng được làm bằng phiến đá nguyên khối, có ba mặt chạm trổ hết sức tinh xảo.



Bàn thờ đá



Bên phải bàn thờ

- Mặt trước của bàn thờ nói về mẹ Maria qua thánh kinh.

Ở chính giữa có bức phù điêu có hình trái tim bị lưỡi gươm



Mặt trước bàn thờ

xuyên qua. Đây là biểu tượng cho sự đau đớn của mẹ Maria chịu thay cho con cháu của ngài.

Ở bên trái của bức phù điêu trái tim có một bức phù điêu thứ hai giới thiệu một chiếc giếng cổ kính, trên nắp giếng có khắc hàng chữ La tinh, có nghĩa “Giếng Niêm Phong”.

Ở bên tay phải bức phù điêu trái tim là một bức phù điêu khác giới thiệu một khu vườn hoa, có rào và có khóa. Hai bức phù điêu sau là hình ảnh lấy từ sách “Nhiễm ca”.

- Hai mặt bên của bàn thờ là hình ảnh của mẹ Maria được nhìn dưới con mắt văn hóa của người Việt Nam.

Bức phù điêu mặt bên phải của bàn thờ đá là hình ảnh của một *chùm bông hoa sen* nằm theo một vòng tròn. Chiếc lá sen ở giữa có hình dáng của một thập tự giá. Theo người Việt Nam cũng như theo đạo Phật, sen tượng trưng cho sự trong trắng. Sen mang nhiều biểu tượng với nhiều ý nghĩa của Phật giáo. Hơn nữa trên bức phù điêu này, theo vòng tròn, cái hoa đầu tiên còn là nụ, cái thứ hai là hoa sen đã nở, cái thứ ba hoa già, cái thứ tư kết quả, thứ năm thì rũ xuống. Đây là vòng đời của bông sen hay cũng như *vòng đời* của con người. Cái lá trung tâm biểu tượng cho Kitô giáo.

Một trong những bức chạm lớn trong khuôn viên nhà thờ đá cũng mang một ý nghĩa rất xa lạ với người Kitô giáo. Bức chạm này được khắc cả hai mặt rất công phu.

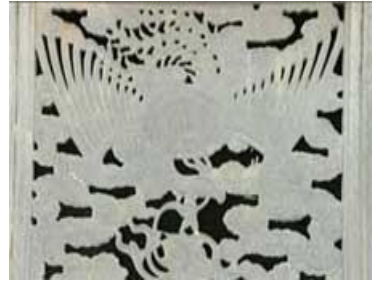
Ở chính giữa bức chạm là hình ảnh một hình “*bát quái*” âm dương theo Kinh Dịch, cái nhìn về vũ trụ quan, cội nguồn và về nguyên lý chi phối vạn vật trong vũ trụ của người phương Đông rất xa lạ với người Kitô. Hình vòng ngoài của bức chạm là *con sư tử* với khuôn mặt đang cười. Theo thánh kinh thì sư tử tượng trưng cho Chúa Giêsu vì chúa Giêsu được gọi là “sư tử chiến thắng nhà Juda”.



Hình bát quái



Sư tử cười



Con chim phượng hoàng

Cũng trên bức chạm này có hình ảnh *con phượng hoàng* tượng trưng cho sự trong trắng và siêu việt của nữ hoàng. Con phượng hoàng lại ngậm mang theo trên mỏ một sợi dây buộc bút nghiên. Phải chăng cụ Sáu muốn nói đến Ngôi Lời Thiên Chúa trên thân xác ngài.

8. Nhà nguyện dân kính Trái Tim Chúa (Năm 1889)
(số 17 trong bản đồ mô hình ở trang 398).



Nhà nguyện



Tháp mặt trời



Kiến trúc bên trong nhà nguyện Trái Tim Chúa



Nội thất hoàn toàn bằng gỗ *lim*. Cửa vào nhà nguyện là một tác phẩm điêu khắc gỗ tuyệt vời. Có thể nói đây là tổng hợp của ngành điêu khắc gỗ. Ở đây ta có thể tìm thấy nghệ thuật tạc gỗ từ những nơi cung đình nhà vua đến những đình, chùa nổi tiếng về nghệ thuật tạc gỗ của Việt Nam. Bàn thờ bằng đá mang hình ảnh của những phù điêu, nơi thì



con chim, nơi thì con chim bồ-nông lấy máu thịt mình nuôi con, nơi khác là con sư tử.

9. Nhà nguyện kính thánh Rôcô (Năm 1895) (số 18 trong bản đồ mô hình ở trang 398).

Tên nguyên thủy là *Nhà nguyện kính thánh Gioan Tiên Hô* làm bằng gỗ mít. Những miếng gỗ lớn ở đây được chạm trổ công phu, mềm mại, nhẹ nhàng, uyển chuyển nên trông như những bức “rèm” buông.

Ta không thể không thán phục tài điêu khắc của người xưa. Từ năm 1923 nhà nguyện này đổi tên là *Nhà nguyện kính thánh Rôcô*.



Nhà nguyện Rôcô



Kiến trúc bên trong

10. Núi Táng Xác (Năm 1875) (số 13 trong bản đồ mô hình ở trang 398).



Núi Táng Xác (Núi Sinh Nhật)

Hang Sinh Nhật

Núi này có tên là *Núi Táng Xác* ⁽³⁾, đây là công trình đầu tiên với mục đích thử độ lún của đất tân bồi.

11. Núi Lộ Đức (Năm 1876) (số 16 trong bản đồ mô hình ở trang 398).



Núi Lộ Đức

Núi này có tên nguyên thủy là *Núi Giêtsimani* (Gethse- mane), Chúa Jêsu cầu nguyện trước đêm ngài chịu chết. Năm 1925, núi này được đổi tên là núi Lộ Đức.

12. Núi Hang Ba Lem (Năm 1878) (số 12 trong bản đồ mô hình ở trang 398).

Núi này có tên là *Núi Hang Bê Lem* ⁽³⁾. Hai bên hang có hai cây đại to.

Sau khi hướng dẫn chúng tôi đi thăm toàn bộ quần thể nhà thờ Phát Diệm, cụ Thống kết luận: “Chúng ta cũng nên biết rằng cụ Sáu là người lớn lên trong giai đoạn



Núi Hang Bê Lem (núi Sọ)

đạo Kitô bị ngăn cấm, lại không được học về kiến trúc, lại không được ra nước ngoài bao giờ. *Thế mà với ý chí bền bỉ, với nhiệt tâm và tha thiết với nền văn hóa dân tộc, Cụ đã làm nên tất cả*”⁽⁴⁾.

TÓM TẮT LỊCH TRÌNH XÂY DỰNG

Nếu tính theo thứ tự thời gian xây dựng các công trình chính của nhà thờ Phát Diệm, có thể tóm tắt như sau:

- Năm 1875. *Núi Xác Táng* ⁽⁵⁾ (La grotte de Bethléem) (The Bethlehem Grotto)

Đây là công trình đầu tiên với mục đích thử độ lún của đất tân bồi.

(3) Đến năm 1957, núi này được đổi tên là núi Sọ.

(4) Theo tài liệu của Tòa Giám Mục Phát Diệm.

(5) Đến năm 1954 núi này được đổi tên là núi Sinh Nhật.

- Năm 1876. *Núi Lộ Đức* (La grotte de Lourdes) có tên nguyên thủy là Núi Giếtsimani (Gethsemane), Chúa Giêsu cầu nguyện trước đêm ngài chịu chết. Năm 1925, núi này được đổi tên là Núi Lộ Đức.

- Năm 1878. *Núi Hang Ba Lem* ⁽⁶⁾ (Le Calvarie – Rocher du Crâne) (Calvary Grotto). Hai bên hang có hai cây đại to.

- Năm 1883. Cụ Sáu tiến hành xây dựng những công trình lớn, trước tiên là *Nhà nguyện Trái tim Vô nhiễm nguyên tội Đức Mẹ* (L'Église de pierre – La chapelle du coeur immaculé de Marie) (Stone Chapel). Công trình này hầu như hoàn toàn làm bằng đá nên còn gọi là *nhà thờ đá*.

- Năm 1889. *Nhà nguyện dâng kính Trái Tim Chúa* (La chapelle du sacré-cœur de Jésus) với nội thất hoàn toàn bằng *gỗ lim*.

- Năm 1891. *Nhà Thờ Lớn* hay *nhà Chính Tòa* (La Cathédrale - The Cathedral). Tên chính thức là *Nhà Thờ Đức Mẹ Mân Côi*.

- Năm 1895. *Nhà nguyện kính thánh Rôcô* (La chapel Saint Roch). Tên nguyên thủy là *Nhà nguyện kính thánh Gioan Tiên Hô* làm bằng *gỗ mít*.

- Năm 1896. *Nhà nguyện thánh Giuse* (La Chapelle Saint Joseph). Với nội thất làm bằng *gỗ lim*.

(6) Đến năm 1957, núi này được đổi tên là núi Sọ.

- Năm 1896. *Nhà nguyện dâng kính thánh Phê-rô* (La Chapelle Saint Pierre - Chapel Saint Peters). Nội thất ngôi đền này làm bằng gỗ mít.

- Năm 1899. *Phương Đình* (Le Phương Đình - The Phương Đình)■

Hình Chụp Của Người Viết



CHƯƠNG 15

Phát Diệm

Phần 15-2

VÀI NÉT VỀ KIẾN TRÚC VÀ ĐIÊU KHẮC TRÊN GỖ VÀ ĐÁ

Trong suốt buổi đi thăm nhà thờ Phát Diệm, Phong luôn luôn đi bên Uyên để giải thích thêm một số chi tiết mà nàng tò mò muốn biết. Xem ra hai người có thiện cảm với nhau mặc dù chỉ mới sơ giao. Có lẽ nó phát xuất từ sự đồng nghiệp, cùng là nhà giáo.

Chúng tôi lại được cụ Thống mời về nhà nghỉ ngơi và Phong được giao nhiệm vụ ra bến xe để hỏi thăm về chuyến đi Hà Nội sắp tới. Chỉ một thoáng Phong chạy về báo tin còn những hơn hai giờ nữa xe mới chạy. Tuy vậy, chúng tôi quyết định ra bến xe sớm một chút.

Cụ Thống ngồi tiếp cụ Từ và hỏi chúng tôi:

- Về nhà thờ Phát Diệm, các cháu có điều gì cần hỏi tôi không?

Chúng tôi cùng hết lời ca tụng vẻ đẹp nguy nga và đầy ý nghĩa của công trình kiến trúc đặc biệt này. Và chúng tôi cũng không quên tỏ lòng ngưỡng mộ trước những lời giảng giải tinh tế của cụ Thống để được am tường về sự hài hòa của hai nền văn hóa Đông-Tây và sự hòa đồng những biểu tượng tôn giáo trong *kiến trúc và điêu khắc* được thể hiện tại nhà thờ Phát Diệm.

Cụ Thống tỏ ra hài lòng về những gì mà chúng tôi thu thập được. Cụ Từ chỉ ngồi nghe, thỉnh thoảng nhìn chúng tôi tìm tòi gật đầu cười. Chợt Uyên lên tiếng hỏi cụ Thống:

- Thừa cụ, cháu thấy nghệ thuật chạm trổ trên gỗ và trên đá của nhà thờ đẹp quá. Không biết những người thợ đó từ đâu đến ạ?

Cụ Từ nhìn cụ Thống cười:

- Cháu Uyên là cô giáo. Cháu nó muốn biết để về dạy học trò. Kể ra, thế cũng là điều tốt cụ ạ!

Cụ Thống nhìn Phong rồi trả lời Uyên:

- Thăng Phong nhà tôi cũng vậy. Đúng là thầy giáo và cô giáo với nhau có khác. Thôi để tôi nói sơ qua cho các cháu cùng nghe nhé. Thì giờ còn dài mà!

Cụ ngừng một chút như để suy nghĩ rồi mới nói tiếp:

- Trước hết, tôi nói qua về *xây dựng và chạm* *trổ* trên gỗ đã nhé, còn trên đá thì sẽ nói sau.

Cụ Thống cho biết:

- Ở cách thị xã Ninh Bình vài ba cây số, làng *Phủ Lộc* chuyên làm nghề mộc từ khi Hoa Lư còn là kinh đô. Làng này chuyên làm những đồ dùng trong nhà như giường, tủ, bàn thờ... tủ chè, sập gụ, trang trí nội thất và xây cất miếu tự. Làng có nhiều kiểu mẫu rất đẹp và có tay nghề cao với những nét chạm trổ tinh vi.

Chính ra thì ở làng nào, xã huyện nào cũng có thợ mộc cả. Hoặc họ làm việc cá thể, hoặc tụ tập lại thành “hiệp thợ” để thực hiện được những công việc lớn hơn và có khả năng đi làm ăn xa hơn. Đứng đầu mỗi hiệp thợ là ông “phó cả” có tay nghề cao. Nhiệm vụ của phó cả là đi nhận việc, huấn luyện cho “phó nhỏ” học việc, cắt đặt, phân công cho toán thợ, và chịu trách nhiệm về kết quả công việc nhận lãnh.

Để thực hiện một công trình lớn và phức tạp như nhà thờ Phát Diệm phải đòi hỏi nhiều hiệp thợ mộc và chạm trổ giỏi, được lựa chọn từ khắp miền đất nước về đây. Trong đó, ngoài Ninh Bình, một phần có thể là những hiệp thợ nổi tiếng đến từ những địa phương khác như :

- Ở Thái Bình có những hiệp thợ làng Riệc, làng Sâm, làng Nứa ở gần nhau, nhưng gọi chung là *mộc Riệc*.

- Ở tỉnh Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, có những hiệp thợ của hai xã Kim Sơn và Phù Khê. Trong ca dao cổ có câu:

*Nghĩa Lập bánh đúc, cháo kê,
Tán Bào nung ngói, Phù Khê chạm rồng...*

Thợ mộc Phù Khê không những giỏi về chạm trổ mà còn giỏi cả về “cắt gỗ dựng nhà”. Vài công trình kiến trúc bằng gỗ nổi tiếng của họ ở Bắc Ninh như đình Bảng, đình Thổ Hà, đình Phù Lão, chùa Dâu, chùa Bút Tháp. Theo những người già làng Phù Lão cho biết, đình làng họ được xây dựng bởi hiệp thợ Phù Khê. Những tác phẩm chạm khắc ở đình Phù

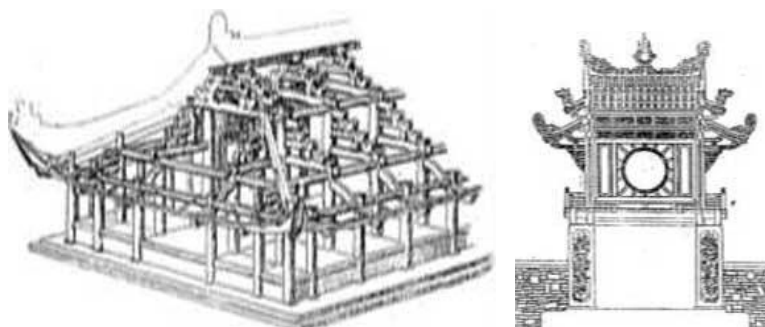


Vài hình chạm khắc tiêu biểu trong kiến trúc cổ bằng gỗ⁽¹⁾

Lão được đánh giá đứng vào *bậc thầy* trong ngành chạm trổ từ hàng trăm năm trước.

⁽¹⁾ *Cảm nhận kiến trúc cổ Việt Nam (tác giả Đinh Ngọc Dũng.)*

Ở Bắc Ninh còn có làng *Kim Thiều*, chỉ chuyên chạm khắc gỗ rất tinh vi. Tương truyền làng Kim Thiều có những thợ giỏi đến độ trên một miếng gỗ nhỏ bằng đồng xu mà khắc được cả trận thủy chiến của Lý Thường Kiệt trên chiến tuyến sông Cầu. Thợ mộc làng Kim Thiều còn được đưa vào làm việc trong cung vua.



Vài kiến trúc cổ bằng gỗ ⁽²⁾

- Ngoài những làng ở ngoài Bắc vừa kể trên. Ở miền Trung, thuộc tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng có làng mộc *Kim Bồng* gần thành phố Hội An cũng rất nổi tiếng về những bộ tứ linh hay tứ quý, bộ cuốn thư, hoành phi, được treo trên các vì kèo, xà đình, xà chùa, những nơi tế tự. Nghe nói nghề mộc làng này có từ trước cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, tức từ thời Đàng trong, Đàng ngoài. Xa thêm nữa thì cụ không biết. Tất nhiên chỉ riêng ở miền Bắc không thôi, còn bao nhiêu làng nghề mộc nổi tiếng khác nữa.

⁽²⁾ *Cảm nhận kiến trúc cổ Việt Nam (tác giả Đinh Ngọc Dũng.)*

Cụ Thống quay sang cụ Từ (cụ Tú):

- Cụ Tú có điều gì nói thêm với các cháu không?

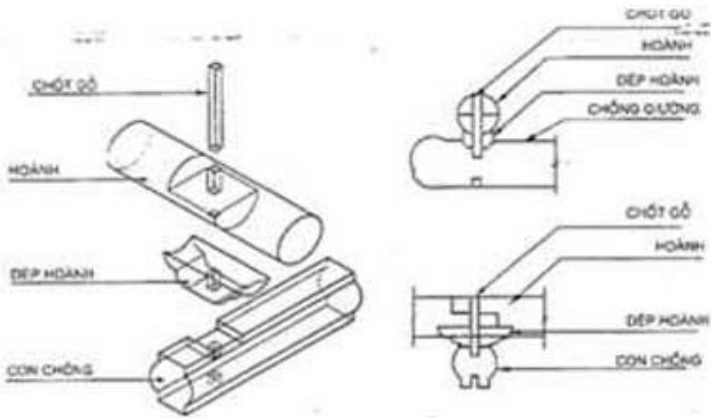
Cụ Từ vội xua tay:

- Không! Không! Xin cụ cứ nói tiếp thêm cho các cháu!

Cụ Thống nhìn khắp chúng tôi:

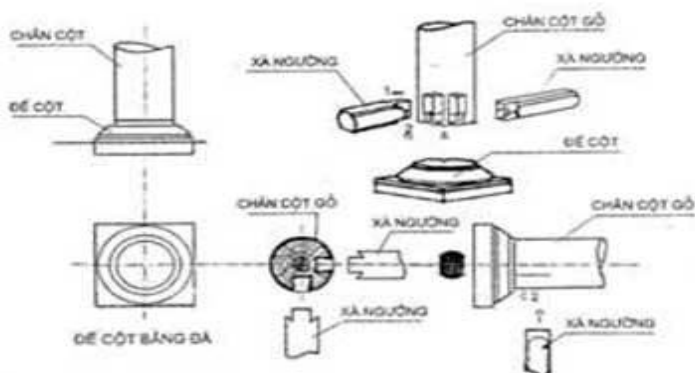
- Về *phần xây dựng*. Để tạo nên được những tòa nhà độ sộ như nhà thờ Phát Diệm, người xưa không phải dùng đến một cái đinh nào, mà chỉ kết hợp các thành phần kiến trúc ấy lại với nhau bằng những mộng như *mộng khóa*, *mộng thắt*, *mộng kìm*.

Bên cạnh phần xây dựng là *phần chạm trổ* đầy nghệ thuật, công phu, tỷ mỷ, đòi hỏi kỹ năng cá



Nói kè nóc ⁽³⁾

⁽³⁾ Cảm nhận kiến trúc cổ Việt Nam (tác giả Đinh Ngọc Dũng.)



Nối chân cột ⁽⁴⁾

nhân rất cao. Có khi nó còn trội lên trên hẳn phần xây dựng.

Các cháu cứ thử tưởng tượng xem, những chiếc xà, vì kèo to lớn như thế mà chỉ là những cây gỗ to trần trụi không thôi, ta sẽ thấy kiến trúc ấy nặng nề và thô kệch lắm. Nay chúng được chạm trổ, điêu khắc một cách có nghệ thuật và hài hòa sẽ làm cho ta có cảm tưởng như chúng nhẹ bót đi rất nhiều và mỹ thuật hẳn lên. Bức chạm nào cũng phải có bố cục mạch lạc, cân đối, đều đặn, tròn trịa và chủ đề chính phải được nổi bật lên.

Nghề thợ mộc là một nghề quý. Chính vì cái quý ấy mà trong văn chương dân gian ta có những câu hát:

*Anh đi làm thợ nơi nào
Để em gánh đục gánh bào đi đưa*

⁽⁴⁾ Cảm nhận kiến trúc cổ Việt Nam (tác giả Đinh Ngọc Dũng.)

*Trời nắng cho chí trời mưa
Để em gánh đục gánh cưa đi cùng...*

Các cháu cũng cần lưu ý một điều. Vì có nhiều hiệp thợ khác nhau cùng làm việc trên cùng một công trình, mặc dù có sự phối hợp thống nhất, nhưng nếu tinh ý ta vẫn có thể nhận ra được những sự khác biệt của từng hiệp thợ hay từng cá nhân. Cũng một cái lá, cũng một bông hoa nhưng mỗi toán thợ, mỗi người thợ lại phô diễn tài năng tinh xảo và óc sáng tạo của riêng mình một cách riêng biệt.

Cụ Thống lại thoáng ngời trầm ngâm như đang suy nghĩ về một điều gì mông lung lắm. Chúng tôi đều yên lặng. Cụ Thống bỗng buông tiếng thở dài:

- Nhìn lại, những người thợ mộc ngày xưa thật tài hoa, đúng là những nghệ sĩ dân gian. Tuy không để lại tên tuổi nhưng họ đã để lại cho chúng ta biết bao nhiêu công trình xây dựng, biết bao nhiêu tác phẩm chạm khắc trên gỗ tuyệt đẹp. Chúng thể hiện được nền văn hóa đặc thù của dân tộc Việt. Những nhà nghiên cứu cần đến đó mà khám phá, tìm tòi, học hỏi. Bồn phận của chúng ta ngày nay là phải bảo tồn nó cho các thế hệ con cháu sau này. Đừng để mỗi ngày một bị tàn phá, bị mai một đi. Uổng phí lắm!

Tôi thưa:

- Chúng cháu xin nghe lời dạy bảo của hai cụ! Thật ra thì chúng ta còn nhiều điều, nhiều thứ cần

phải bảo tồn và phát huy lắm ạ. Bảo tồn những cái cũ, phát huy những cái hay, cái mới.

- Ủ, cháu nghĩ như thế cũng phải. Ta cứ tính thử xem, qua nhiều triều đại, kể từ trước thế kỷ thứ 10, qua mấy triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, rồi đến cuối triều Trần ở thế kỷ thứ 14, đất nước ta đã trải qua mấy trăm năm hưng thịnh đứng vào bậc nhất trong lịch sử nước nhà. Trong khoảng thời gian dài hàng bao thế kỷ đó, *triết lý nhà Phật* đã dự phần ảnh hưởng, chi phối rất nhiều trong việc trị nước và xây dựng một nền văn hóa bản địa. Nền văn hóa ấy càng ngày càng muốn thoát ly ra khỏi ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa sau một nghìn năm bị đô hộ.

Sang đến kỷ thứ 15, từ triều đại nhà Hậu Lê và các triều đại kế tiếp, rồi đến nhà Nguyễn ngày nay, ảnh hưởng của *Nho giáo* đã có phần ảnh hưởng sâu rộng hơn Phật giáo trong chính sách trị nước, cũng như văn hóa của các vương quyền. Mặc dù từ thời gian này, trong xã hội đã bắt đầu có nhiều hiện tượng phân hóa và tiêu cực, nhưng vẫn còn giữ được những kỷ cương, trật tự theo tinh thần Nho giáo.

Cụ Sáu là người thấu hiểu được sự ảnh hưởng rất to lớn của Phật giáo và Nho giáo trong lòng dân tộc nên khi xây dựng cái mới, cụ thể là nhà thờ Phát Diệm, cụ đã không quên bảo tồn nền văn hóa cũ của phương Đông, và đồng thời phát huy, pha trộn với cái mới của văn hóa phương Tây thông qua sự có mặt của người Pháp trên đất nước ta.

Cụ Từ nhìn
Uyên mỉm cười:

- Cháu ghi
chép đi chứ, kéo
về nhà lại quên!

Uyên nhanh
nhẩu thưa:



- Cháu xin vâng ạ!

Cụ Thống cũng nhìn Uyên, chậm rãi nói:

- Nay tôi nói về những làng nghề xây dựng và
chạm khắc đá trong phạm vi hiểu biết của tôi nhé!

Cụ Thống cho biết.

- Ở thị xã Ninh
Bình có làng nghề
chạm khắc đá *Ninh
Vân*, thuộc xã Ninh
Vân, huyện Hoa
Lư. Làng nghề này
đã có từ lâu đời, có
thể cung ứng những



Kiến trúc đá (⁵)

mặt hàng gia dụng bằng đá hay chạm khắc trang trí.
Thợ đá Ninh Vân cũng có thể thực hiện được những
công tác lớn thuộc tín ngưỡng như xây cất đình,
chùa, nhà thờ. . . Họ có tay nghề rất cao.

(⁵) *Thức Kiến trúc cổ (tác giả Đinh Ngọc Dũng.)*

- Ở tỉnh Thanh Hóa có làng *Nhòi*, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn. Từ nhiều thế kỷ trước, thợ đá làng Nhòi đã từng được tham gia xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long-Hà Nội. Những bia đá ở Văn Miếu, ngày nay vẫn được coi như những sản phẩm quý của cả nước đứng về mặt giá trị nghệ thuật. Thời Lý, Trần, đạo Phật phát triển mạnh nên công việc tạc tượng phục vụ cho tôn giáo của làng này cũng theo đó được phát triển theo. Chung quanh làng Nhòi có nhiều núi đá. Đó là nguồn cung cấp nguyên liệu vô tận cho ngành xây dựng và chạm khắc đá trong vùng.

- Ở tỉnh Hải Dương có *thôn Kính Chủ* thuộc huyện Kim Môn cũng có *nghề chạm khắc đá* từ thế kỷ thứ 14. Theo sử liệu, năm 1369, Phạm Sư Mệnh, tướng nhà Trần, đi duyệt binh qua đây, ghé thăm núi Phương Nham. Ông thấy cảnh đẹp, làm thơ và sai thợ đá Kính Chủ khắc bài thơ đó lên cửa động. Cuối thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông đi qua núi Phương Nham, cũng làm bài thơ và cho khắc trên đỉnh động.

Những công trình của thợ đá Kính Chủ còn để lại tới bây giờ như các bậc đá, thềm đá, cột đá, bia đá trên chùa Yên Tử và vài lăng lớn ở Hà Nội. Họ còn làm được những công việc nặng như xây cầu đá, quán đá, tháp đá, dựng bia đá và tạc tượng người, ngựa hay tứ linh (long, ly, quy, phượng). Bia đá thì có hai nơi khắc rất tinh xảo, đó là Nhòi và Kính Chủ. Chữ khắc rất sâu và họ có khả năng tái

tạo được những bia đá có nét chữ khắc đã bị thời gian hay mưa gió bào mòn.

Uyên lên tiếng hỏi:

- Thưa cụ, cháu nghe nói ở Đà Nẵng có thợ chạm khắc đá tinh vi lắm ở núi Ngũ Hành Sơn?

- Cháu nói đúng lắm! Đá ở Ngũ Hành Sơn có màu sắc rất đẹp, kể cả màu trắng tươi, hồng ngọc, bích ngọc. Nhưng ở đây họ thường sản xuất những sản phẩm thuộc loại trang trí, thờ cúng hay trang sức của đàn bà như vòng đá, nhẫn đá.

- Thưa cụ, những người thợ đá, họ làm cách nào để xẻ và chuyên chở những khối đá lớn về đây như ta thấy trong *Nhà Thờ Đá Phát Diệm*?

- Câu hỏi rất hay! Những phiến đá to được phá từ trên núi xuống. Đây là một công việc rất khó khăn và nguy hiểm, có thể chết người. Từ hình thù những tảng đá cỡ trung bình, họ chỉ tĩa gọt “thô” thành cái hình dáng sơ khởi của sản phẩm đã được hình dung trong đầu. Có những tảng đá quá to, họ phải “chẻ” (xẻ) ra từng phiến nhỏ hơn để có thể di chuyển bằng những phương tiện thô sơ.

Bằng những chiếc đục, họ đục từng dãy lỗ tròn dọc theo thớ đá, cách nhau 2 tới 3 gang tay, rồi dùng những “con chèn” bằng thép đóng vào các lỗ. Vừa đóng vừa lắng nghe hướng đi của đá nứt để kịp thời hướng dẫn đường nứt theo ý muốn của mình. Công việc này cần có nhiều kinh nghiệm. Các cháu cứ tưởng tượng, “chẻ” được những tấm đá dùng làm

mái to bằng chiếc chiếu, hay những cột to bằng thân cây xoan, cây lim thì đủ biết những người thợ đá phải khéo tay đến chừng nào.

Di chuyển tảng đá lớn thì người ta dùng những *con lăn* bằng thép.

Các cháu cũng nên biết những công trình xây dựng bằng đá, cũng giống như những công trình xây dựng bằng gỗ, người xưa toàn dùng bằng mộng đá đan xen từ khối đá này với khối đá kia rất vững chãi chứ không dùng xi măng.



Đá
mỹ
nghệ
Ninh
Bình



Cụ Thống vừa chấm dứt sự giảng giải cho chúng tôi về nghề làm đá tại những làng nghề mà cụ cho là có thể đã từng tham dự vào công trình xây dựng quần thể Nhà Thờ Phát Diệm.

Cụ lại lập lại câu hỏi như lần trước:

- Các cháu có câu hỏi nào thêm không?

Chúng tôi nhìn nhau như hỏi ý, rồi lại nhìn cụ Từ. Cụ Từ chỉ ngồi mỉm cười nhìn chúng tôi một cách bình thản. Phong đề nghị với cụ Thống;

- Huyện Kim Sơn mình có một nghề truyền thống rất đặc biệt, đó là *nghề làm chiếu* từ nguyên liệu cói cả trăm năm nay và đã từng nuôi sống biết bao gia đình kể từ khi họ đến đây lập nghiệp. Cháu đề nghị ông mời cụ Tú và các anh chị đây đi xem vài sản phẩm làm từ cói của Phát Diệm.

Cụ Từ nói với cụ Thống:

- Cháu Phong đề nghị như thế cũng hay đấy! Nhân thế đây, tôi cũng muốn đi xem một chút.

Chúng tôi tỏ ra vui mừng khi được cụ Từ đã mở lời cho. Cụ Thống quay sang chúng tôi nói:

- Thế thì, các cháu đi luôn nhé!

Chúng tôi vui vẻ đứng lên cảm ơn cụ Thống và Phong.■

CHƯƠNG 15

Phát Diệm

Phần 15-3

NGHỀ LÀM CHIẾU CỎI Ở PHÁT DIỆM

Trước khi đi thăm những cơ sở làm chiếu cỏi ở Phát Diệm, cụ Thống cho chúng tôi biết một chút ít về *cỏi Kim Sơn*.

Cỏi mọc ở vùng đất bồi ven biển. Đất phù sa bồi đến đâu thì cỏi mọc tới đó tạo thành cả một vùng màu xanh bát ngát, đủ cung cấp nguyên liệu cho cả huyện.

Đất phù sa lán biển, ruộng cỏi lán đất, ruộng lúa lán ruộng cỏi. Và cứ như thế, đất đai hoa màu cứ được mở rộng mãi ra phía biển. Ban đầu cỏi mọc tự nhiên, sau cũng phải trồng và chăm bón thành ruộng cỏi. Cỏi trồng có phẩm chất cao và sản lượng nhiều hơn so với cỏi mọc tự nhiên.

Công việc trồng cói cũng vất vả lắm. Tới mùa thu hoạch, ngoài việc cắt cói ra còn phải phân loại cói *theo chiều dài ngắn*. Sự phân loại này được thực hiện ngay khi cắt ở ngoài đồng lúc cói còn tươi. Chuyên chở một khối lượng lớn cói tươi về nhà bằng những phương tiện thô sơ quả là vất vả, không dễ dàng gì.

Coi tươi được phơi khô. Cói khô lại được phân loại lần nữa theo *độ to nhỏ* của thân cói. Sau đó, cói được giữ màu thô nguyên thủy hay đem nhuộm màu.



Coi được sản xuất ra nhiều mặt hàng khác nhau, sản phẩm chiếu chiếm phần chính, sau đó là những sản phẩm gia dụng, dùng trang trí hay hàng mỹ nghệ.

Chúng tôi ra khỏi nhà cụ Thống để tới một xóm chuyên sản xuất chiếu. Vừa tới xóm, chúng tôi thấy ngay một hoạt cảnh buôn bán thật vui mắt. Chiếu được phơi khắp nơi với nhiều màu sắc. Những

người lái buôn tất tả chất những chiếc chiếu lên xe đạp để “thò” đi. Tiếng dẹt chiếu vang ra từ một vài căn nhà trong xóm nghe cũng rất vui tai.

Cụ Thống đưa chúng tôi vào nhà một gia đình dẹt chiếu thuộc người quen của cụ. Mọi người trong nhà đều bận bịu với công việc của mình. Mỗi người một công việc khác nhau. Chúng tôi được ông bà chủ nhà tiếp đón rất niềm nở. Sau khi được biết mục đích của chúng tôi, ông chủ nhà sẵn sàng giới thiệu những công việc sản xuất chiếu trong gia đình.

Khung dẹt chiếu khá công kênh, chiếm hầu như gần hết một gian nhà. Hai người đàn bà đang miệt mài với công việc của mình. Một người ngồi bên, một người ngồi ở khoảng giữa khung dẹt.

Khung dẹt gồm hai “con ngựa” kê cao để căng những sợi dây dầy (dây gai) chạy dọc. *Những sợi dây dầy* được định vị trí và khoảng cách nhất định nhờ xuyên qua những lỗ của “cái go”. Khi người ngồi bên khung “chao” (lao) cói theo chiều ngang bằng “cây văng” thì đồng thời người ngồi dẹt ở giữa dùng tay dật ép cái go xuống. Công việc đưa cói qua chiều ngang, dật ép cói xuống theo chiều dọc khung dẹt, cả hai động tác ấy được lập đi lập lại cho tới khi hoàn tất chiếc



Khung dẹt chiếu

chiếu. Căn bản, công việc chỉ có thế. Trông có vẻ dễ dàng và nhàn hạ lắm, nhưng thực ra nó cũng đòi hỏi nhiều sức lực và khéo léo.

Người dệt cứ phải “sấp ngựa” suốt ngày. Lại



“Cây văng” đưa cỏi qua chiều ngang



Cái “go”, “răng go” có đục lỗ với những dây đay chạy dọc xuyên qua



còn phải vận người bên này, vận người bên nọ để “vắt biên”. Người chao cỏi phải nhịp nhàng chặt chẽ với người dệt. Chao “văng” phải đúng lúc và chính xác. Nếu cây văng đâm chệch sẽ làm đứt những sợi dây đay chạy dọc.

Ông chủ nhà nói rõ thêm về “cây văng” và “cái go”.

Cây văng có chức năng giống như “con thoi” trong dệt vải. Nhưng con thoi chạy sợi chỉ ngang bằng sức bật của khung cửi, hay “con cò” giạt bằng

tay. Còn cây văng được dùng bằng chính sức của tay mình mà chao cây văng đi sao cho nhanh và chính xác. Cây văng dài chừng 2 mét, thường được làm bằng thân cây cau xẻ ra, vót tròn, nhẵn. Phải thật nhẵn vì nếu “sơ cau” bị tưa ra sẽ đâm sồn dây day dọc.

“Cái go” dệt chiếu có chức năng giống như cái go dệt vải, cũng cái go, cũng “răng go”. Răng go được làm bằng thân cây tre đực già. Sợi day xuyên dọc qua răng go. Khi lỗ răng go bị dây day dọc mài mòn, bị méo lệch, sẽ làm sợi dây day không còn nằm đúng vị trí nữa, phải thay răng go mới. Thợ làm răng go cũng phải có tay nghề cao vì nó đòi hỏi sự chính xác.

Kỹ thuật dệt chiếu không hẳn chỉ có thế. Ngoài dệt “chiếu thường”, người ta còn dệt “*chiếu cải*”. Đó



Hoa văn chiếu cải

là vừa dệt vừa tạo “hoa văn” trên chiếu như hoa, chim phượng, chữ thọ, chữ song hỉ, hay những cảnh trí với màu sắc rất đẹp. Dệt chiếu cải phải là người có tay nghề cao. Mẫu cải thì có thật nhiều. Người ta tưởng chừng như một số mẫu chiếu cải đẹp đến có thể được dùng để trang trí thay tranh vẽ chứ không

phải dễ nằm. Những người dệt giỏi có thể vừa nghĩ mẫu vừa cải theo. Cứ theo đó, ta thấy việc nhuộm cói rất khó. Có thể trên một sợi cói, có đoạn dễ trơn, có đoạn được nhúng màu thích hợp mà không nhem nhuộm.

Muốn có chiếu tốt và đẹp thì phải có *cói tốt*. Cói tốt và quý nhất là “cói tổ lạng” được chẻ làm ba, bỏ ruột, phơi nắng nhẹ. Thân cói ngót lại chỉ còn bằng sợi tăm. Cói này để dệt chiếu cải nên dày, khít. Đánh đổ nước, nước không ngấm qua. Khở rộng của chiếu tùy thuộc vào chiều dài của cói. Cói mọc hoang, chỉ dệt được chiếu có chiều ngang từ 1.2 mét đến 1.5 mét. Cói do người trồng, dệt được chiếu có chiều ngang lên được từ 1.6 mét tới 1.9 mét, có khi lên tới 2 mét.

Ngoài cói ra phải kể đến *sợi đay*. Dệt chiếu cần có đay tơ, nhỏ, săn. Chiếu cải cần hai sợi đay săn nhỏ, chiếu thường chỉ cần một sợi. Sợi đay được căng dọc trên hai “con ngựa” như đã nói. Lâu ngày những sợi dọc để lại trên lưng “ngựa” những vết khứa. Vết khứa sâu quá phải thay con ngựa mới.

Nói đến “con ngựa” thì phải nhắc đến *ông tổ nghề dệt chiếu* làng Hới ở Thái Bình. Ở Thái Bình có câu :

*Ăn cơm Hom
Nằm giường Hòm
Đắp chiếu Hới.*

Cụ Từ cho biết thêm:

- Ninh Bình có mấy làng nghề đã lâu đời như nghề *chạm khắc đá, nghề mộc, nghề thêu*. Nghề dệt chiếu ở Kim Sơn thì chỉ mới có khoảng trăm năm trở lại thôi.

Nghề dệt chiếu nổi tiếng nhất ở miền Bắc phải kể tới làng Hới ở Thái Bình.

Câu chuyện ông tổ dệt chiếu làng Hới được kể như sau. Phạm Đôn Lễ, nhà nghèo, mẹ gốc người làng Hới, đỗ tiến sĩ đệ nhất giáp (trạng nguyên), được bổ làm quan Thượng thư dưới triều vua Lê Thánh Tôn, năm 1495.

Ông được cử đi sứ sang Tàu. Ở bên Tàu ông thấy dân chúng dùng những sợi cỏi dệt thành chiếu nằm. Ông biết sứ ta có nhiều cỏi nên ông cố tâm học nghề làm chiếu để về dạy cho dân. Người Tàu rất dẫu nghề nên ông phải học trộm. Về nước, vì thiếu “con ngựa” nên những sợi đay dọc cứ chùng không dệt được.

Ông lại được đi sứ sang Tàu lần thứ hai. Lần này, ông tìm đủ mọi cách để có dịp nhìn cho thật rõ khung dệt chiếu. Thì ra, ông chưa làm “con ngựa” đỡ sợi dọc. Về nước, ông cho hoàn tất chiếc khung dệt một cách hoàn chỉnh và dệt được thành tấm chiếu. Sau đó, ông dạy cho cả làng nghề dệt chiếu. Chiếu Hới ở Thái Bình thì nổi tiếng lắm. Vừa đẹp lại vừa bền.

Rời khỏi xóm dệt chiếu, chúng tôi lại được cụ Thống và Phong đưa sang xóm khác sản xuất các

mặt hàng bằng cói. Nào đủ các loại mặt hàng gia dụng, trang trí và những sản phẩm mỹ nghệ xinh xinh dùng làm quà kỷ niệm. Mỗi cô trong chúng tôi đều chọn cho mình một vài món để đem về làm quà. Các cô hơn hớ với những món quà nho nhỏ đầy màu sắc, vừa đẹp, vừa dễ mang và tất nhiên là rất rẻ. Phong lúc nào cũng ở bên Uyên và các cô để trả lời các câu hỏi về những sản phẩm về cói.



Thi tất tưởi mang một chiếc túi xách tay đến hỏi tôi:

- Anh thấy cái túi xách này đẹp không?
- Đẹp lắm! Em mua đi!



- Em mua về tặng chị Thìn.

Tôi nhìn Thi mỉm cười rồi nói đùa:

- Độ này em “yêu” chị Thìn quá nhỉ!

Thi véo nhẹ vào cánh tay tôi:

- Anh thật lắm chuyện! Mà em có yêu chị Thìn thì có sao nào? Hồi em còn bé, mỗi lần sang chơi, chị lại hái cho em quả bưởi nhỏ để đánh chuyen mà. Chị hay cho em ăn quà nữa.

Tôi trêu thêm:

- Chứ không phải để bà “chị chồng” đỡ bắt nạt cô em dâu tương lai hả?

Thi định véo tôi thêm cái nữa nhưng khi vừa trông thấy Hội đang nhìn mình thì lại thôi. Tôi cầm lấy chiếc túi xách giấu ghĩa.

- Em để anh trả tiền cho nhé?

Thi giật nhẹ chiếc túi xách lại từ tay tôi:

- Em có tiền mà! Chị Uyên mới cho em.

Tôi chưa kịp có phản ứng gì thì Hội đứng cạnh đã lên tiếng:

- Đừng lo cho thằng này! Nó học giỏi nên nhà trường mới cho nó học bổng, vừa được học, vừa được làm trong trường có lương, lại vừa có thêm kinh nghiệm. Lương đủ để cho hai “vợ chồng son” tiêu pha tăn tiện. Em nhớ giữ tiền cho nó!

Thì nhìn tôi và Hội, ngượng ngùng bỏ ra chỗ mấy cô đang chọn quà.

Hội vỗ vai tôi:

- “Vợ” cậu vừa đẹp lại vừa ngoan. Tớ mừng cho cậu!

Tôi nhìn Hội mỉm cười như một sự đồng ý, kèm theo một chút hãnh diện về lời khen đó.

Trời đã ngả sang chiều. Cũng đã đến lúc chúng tôi phải từ giã Phát Diệm để trở về Hà Nội cho kịp. Trên đường ra bến xe, chúng tôi ngỏ lời hết sức cảm ơn cụ Từ, cụ Thống và Phong đã dành cho chúng tôi những tình cảm ưu ái khó quên và cũng không quên mời Phong đến chơi nhà khi anh trở lại Hà Nội trong vài ngày sắp tới.

Chúng tôi bịn rịn bên cụ Từ cho tới khi bước lên xe. Các cô nước mắt lưng tròng. Thư cứ đứng đấm lưng, bóp cánh tay cho cụ Từ mà hai mắt đỏ hoe.

Cụ Từ sẽ ở lại chơi với cụ Thống qua đêm nay. Phong sẽ đưa cụ trở về Hoa Lư vào sáng sớm ngày mai.

Dù xe đã chạy được một quãng mà chúng tôi vẫn còn thò đầu ra khỏi cửa sổ để vẫy chào tạm biệt ba người ở lại.

Ba ngày đi chơi cố đô Hoa Lư qua mau.■

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-1

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Chúng tôi chuẩn bị sang nhà Hội ăn cơm chiều nay do lời mời của ông bà Xuyên, song thân của Hội.

Uyên trong chiếc áo dài màu da cam và Thi trong chiếc áo dài màu vàng chanh thanh nhã. Tôi thấy Thi đã ra dáng là một thiếu nữ thanh xuân lắm rồi.

Trông nàng hôm nay thật khác hẳn so với bóng dáng của một cô học trò hồn nhiên, tung tăng trong bộ áo dài trắng thanh khiết hàng ngày.

Tôi hỏi trêu:

- Hai công chúa đi dự dạ hội kén chồng hay sao mà diện thế?

Uyên chỉ ngay cô em:

- Anh hỏi cô công chúa này này!

Thi lườm yêu tôi:

- Anh thật lảm chuyện!

Cũng may, tôi đã không phải chờ lâu.

Cả ba chúng tôi cùng đạp xe đến nhà Hội không xa đây lắm.

Chúng tôi vừa gõ cổng thì Thư và hai đứa em trai của cô chạy vội ra, vui mừng mời vào nhà.

Nghe thấy tiếng lao xao, Hội và Mơ cũng từ trong nhà bước nhanh ra sân đón tiếp. Các cô xúm xít tay bắt mặt mừng.

Hai đứa bé trai chạy ra trước mặt chúng tôi khoanh tay lễ phép chào:

- Chúng em chào anh Nam, chị Uyên và chị Thi ạ!

Nhìn hai đứa trẻ cùng lứa tuổi với hai đứa em trai của Thi, tôi chợt nhớ lại câu chuyện Uyên mới kể hôm qua, chúng trêu Thi đến phát khóc. Tôi mỉm cười đưa tay xoa đầu hai đứa.

Thư nạt hai em:

- Lần sau hai em phải chào chị Thi là chị Nam nghe chưa!

Hai đứa trẻ chạy lại nắm tay Thi hỏi to:

- Chị Thi mới đổi tên hả?

Thi chỉ đứng cười, đỏ mặt sượng sùng nhìn tôi chưa biết trả lời ra sao. Thư hỏi hai đứa em:

- Bây giờ hai em gọi chị Mơ là gì?

- Chị Hội!

- Giỏi! Tại sao vậy?

- Vì chị Mơ sắp lấy anh Hội.

- Giỏi! Thế bây giờ hai em biết tại sao phải gọi chị Thi là chị Nam chưa?

Chúng nhìn Thi rồi lại nhìn tôi, cùng nhau vừa cười vừa nhảy lên vỗ tay:

- Em hiểu rồi ạ! Em hiểu rồi ạ! Em chào chị Nam!

Nói xong chúng kéo tay tôi và Thi băng qua con đường nhỏ lát gạch trong sân. Tất cả mọi người cùng cười ồ. Riêng Mơ, tôi thấy cô vui ra mặt, đi nép bên Hội. Họ nắm tay nhau song bước. Thư bỏ chúng tôi chạy vào nhà báo tin cho bố mẹ.

Ông bà Xuyên cùng bước ra đón chúng tôi ở ngưỡng cửa. Lên hết thêm tam cấp, chúng tôi vội chấp tay cùng cúi đầu chào:

- Kính chào hai bác ạ!

Cả hai ông bà đơn đả mời chúng tôi vào phòng khách.

Sau những câu thăm hỏi xã giao về gia đình bố mẹ chúng tôi dưới quê và việc học hành của tôi, ông bà Xuyên quay sang chuyện trò với Thi và Uyên. Hội chỉ ngồi nhìn, thỉnh thoảng mới chêm vào đôi câu lấy lệ. Mơ và Thư xin phép vào nhà trong để chuẩn bị cho bữa ăn. Uyên và Thi định đứng lên theo vào thì bà Xuyên vội ra dấu cản lại.

Bà Xuyên quả thật là một người đàn bà giỏi về giao tế. Bà chuyển từ đề tài này sang đề tài kia một cách khéo léo với vẻ cởi mở, chân tình làm thu hút sự chú ý của người nghe. Ông Xuyên ít nói, thường chỉ ngồi cười góp. Trông ông có dáng vẻ dễ dãi nhưng vẫn làm người đối thoại với ông phải dè dặt bởi sự lịch thiệp và tao nhã của một người được xuất thân từ một gia đình giàu có.

Hết chuyện nọ lại lan sang chuyện kia. Sau đôi ba lần tiếp nước cho chúng tôi, bà quay sang nói với Hội:

- Anh vào xem hai cô đã chuẩn bị cơm nước xong chưa? Anh bảo Mơ lên đây cho bố mẹ nói chuyện.

Hội đứng lên đi vào trong. Một lúc sau thấy Mơ theo Hội lên nhà trên.

Mơ đứng khép nép bên Hội:

- Thưa Mẹ, Mẹ cho gọi con ạ!

Ngước mắt lên nhìn Mơ, bà chỉ tay xuống ghế:

- Ủ, con ngồi xuống đi!

- Con xin phép Bố Mẹ!

Mơ nhìn chúng tôi rồi rón rén ngồi xuống. Hội đứng đằng sau như để hỗ trợ tinh thần cho cô.

Bà nhìn chúng tôi rồi vào đề ngay:

- Hôm nay hai bác mời các cháu sang đây dùng cơm với hai bác, thứ nhất là để cảm ơn các cháu đã làm mai, làm mối em Mơ đây cho “anh” Hội nhà bác để chúng nên vợ nên chồng. Sau nữa là để nhờ các cháu một việc quan trọng.

Bà lại ôn tồn nói tiếp:

- Hai bác dự định làm lễ hỏi cho Hội và Mơ trong tháng tới. Không biết các cháu có thể tiếp tay giúp hai bác trong việc này không?

Chúng tôi vừa nghe đến đây, cùng nhìn sững hai người. Mơ cúi mặt e thẹn, hai má ửng đỏ. Hội đặt hai tay lên vai Mơ chờ đợi câu trả lời của chúng tôi.

Chúng tôi lộ vẻ vui mừng. Uyên nhanh mồm nhất:

- Thừa hai bác được ạ! Thế thì vui quá!

Bà nhìn chúng tôi một cách rất ân cần:

- Được như thế thì tốt quá! Sự nhận lời của các cháu coi như đã giải tỏa cho hai bác một phần gánh nặng trên vai. Thú thật là hai bác đã tính nát óc mới nghĩ ra được giải pháp nhờ đến các cháu.

Bà quay sang Hội và Mơ:

- Xong việc này, anh chị phải trả ơn cho các bạn đây đây nhé!

Mơ vẫn cúi đầu e thẹn, lí nhí trong miệng:

- Thừa vâng ạ!

Hội lên giọng bô bô:

- Tớ đãi các cậu một chuyến đi chơi xa. Chịu không?

Tôi cười nói với Hội:

- Thấy hai anh chị thành vợ thành chồng là chúng tôi vui lắm rồi! Đó là phần quà lớn nhất anh chị dành cho chúng tôi đấy!

Bà Xuyên nhìn tôi rồi quay sang chồng:

- Ông nó xem, cháu Nam đây ăn nói khéo léo hơn thằng Hội nhà mình nhiều. Không biết sau khi lấy vợ, nó có khá ra không!

Mơ vẫn cúi đầu, hai bàn tay cuốn vào nhau, ngược mắt liếc nhìn Hội mỉm cười e thẹn.

Bây giờ ông Xuyên mới lên tiếng:

- Thôi, để bác nói rõ ra nhé!

Ông ngừng một chút như chờ đợi sự chú ý của chúng tôi rồi mới ân cần nói:

- Việc hai bác nhờ các cháu đây là các cháu thay mặt hai bác trong việc tiếp tay tổ chức lễ hỏi cho phía bên nhà gái. Các cháu cũng đã biết bên nhà em Mơ có những khó khăn về mặt tài chính. Công việc

này cũng tế nhị lắm nên hai bác phải trông cậy tất cả vào các cháu thôi, nhất là các cháu đây lại rất thân với em Mơ nữa.

Ông ngừng một chút rồi nói tiếp:

- Miễn là, làm sao cho đẹp cả hai họ! Em Mơ đây cũng có phần vui và hãnh diện với làng xóm. Chi phí bao nhiêu, hai bác cũng không quản ngại. Mong các cháu hiểu và giúp cho hai bác.

Chúng tôi thấy Mơ đưa tay gạt nhẹ dòng nước mắt đang chảy dài trên má. Có lẽ cô đang xúc động trước đề nghị của bố mẹ chồng tương lai.

Bà Xuyên nhìn Mơ, nói với chúng tôi:

- Em Mơ về làm dâu nhà này, một phần là do duyên số của hai đứa, một phần là do Trời Đất cũng đã dun rủ sắp xếp cho hai gia đình được nối lại tình xưa. Bác và mẹ em Mơ đây là chỗ thân thiết như hai chị em lúc còn son trẻ, bác lại còn là người chịu ơn nữa. Câu chuyện dài dòng lắm. Thôi, hôm nào bác sẽ kể cho các cháu nghe sau, chuyện cũ cũng đã mấy chục năm rồi!

Bà nói với Mơ:

- “Chị cả” xuống nói với em Thư dọn cơm lên mời khách nhé!

Mơ nghe thế, vội đứng dậy. Cô như vẫn còn bàng hoàng về những chuyện vừa xảy ra. Trên má cô còn hoen hàng nước mắt vừa mới được lau đi.

- Thưa Mẹ, vâng ạ!

Hội theo Mơ cùng đi xuống nhà dưới.

Bà mỉm cười nói nhỏ với chúng tôi:

- Thằng Hội nhà bác nó bám “vợ” nó lắm!

Bà nói tiếp:

- Thấy chúng nó yêu thương, quấn quít nhau bác cũng mừng! Phải chi thằng Hội nhà bác đã học xong thì chắc hai bác cũng cho hai đứa làm đám cưới sớm. Được cái, em Mơ nó cũng hiền lành, ngoan ngoãn, tính tình lại thật thà, đôn hậu. Bác cho phép em Mơ gọi hai bác là “Bố, Mẹ” cho em nó an tâm. Trước sau gì cũng là con cái trong nhà. Thân phận bác lúc đi lấy chồng nào có hơn gì em nó đâu!

Ông Xuyên từ nãy đến giờ nhường lời cho vợ, nay mới mỉm cười lên tiếng:

- Con giống cha là nhà có phúc! Nó giống tôi ở chỗ là chọn vợ nghèo nhất thế gian.

Bà nhìn chồng mỉm cười:

- Phải rồi, cha con ông giống nhau!

Bà quay sang chúng tôi, chỉ vào chồng:

- “Cậu ấm” đấy! Lúc còn ở trên mạn ngược, cậu đang cưỡi ngựa thì gặp cô gái nhà quê đi buôn bị say nắng ngất xỉu bên đường. Cậu ra tay cứu giúp, thế rồi cậu đòi “cru mang” suốt đời luôn cô gái nghèo ấy. Đeo đuổi cho bằng được, nhất định đòi lấy về làm vợ. Đúng là duyên số các cháu nhỉ. Có nhiều chuyện trên đời xảy ra tưởng như trong truyện

cổ tích ấy. Ai mà biết trước được đâu. Nói ra có người không tin.

Ông cười mở tiếp lời vợ:

- Khó khăn lắm bác mới được bà ấy chịu nhận làm vợ đây. Đâu phải cứ lấy vợ nghèo, vợ nhà quê là dễ đâu. Bác đâu có quyền uy như vua Lý Thánh Tông ngày xưa. Ngài vờ cô gái Ý Lan đang đứng hái dâu bên đường đến, hỏi dăm ba câu rồi cho kiệu rước về làm vợ.

Ông chặc lưỡi, nhìn vợ tủm tỉm cười:

- Thế mà cô gái quê mùa Ý Lan ấy có một thời gian trị nước hay hơn cả vua, nổi tiếng trong thiên hạ. Khi vua mất, bà còn làm *phụ chính* cho con “ở ngôi” lúc vua còn nhỏ tuổi. Ai nói nhà quê, nghèo hèn là không giỏi đâu! Trong lịch sử nước ta thiếu gì những người đàn bà như thế.

Ông quay sang chúng tôi nói thêm như có một chút gì tự mãn:

- Hai bác sống hạnh phúc với nhau được mấy chục năm nay rồi đấy!

Ông nhìn ra ngoài sân trầm ngâm với một chút suy tư trên nét mặt:

- Tuy nhiên, cái khó khăn nhất của hai bác lúc ban đầu là phải vượt qua được một số định kiến, phản ứng hẹp hòi đến trở thành phi lý, thiếu công bằng về sự nhận thức và đánh giá con người của xã

hội. Đôi khi hai bác còn phải đối phó ngay cả với chính họ hàng trong nhà mình nữa.

Ông tiếp:

- Có những cái hết sức tiêu cực của xã hội đã được “đóng khung” thành nề nếp, mọi người cứ thế mà theo. Ai làm khác đi hay nghĩ khác đi là không được. Thế hệ này rồi tiếp nối thế hệ kia chấp nhận nó một cách tự nhiên. Và mọi người coi đó như là một định luật đã được an bài.

Ông ngưng lại một chút, nói tiếp với giọng chắc nịch:

- Bác không muốn đồng tình với những hệ lụy gây ra bởi sự cố chấp, hẹp hòi và đầy sai lầm ấy. Xiềng xích của những định kiến loại này trong xã hội cần phải được quyết tâm tháo gỡ. Mình không tự cứu mình, ai giúp mình đây, để có một cuộc sống có ý nghĩa đích thực hơn!

Ông nói say sưa như để giải tỏa nỗi lòng của chính mình chất chứa lâu nay.

Tôi đồng ý với những điều ông Xuyên vừa nói *trong một giới hạn* nào đó. Tôi tự nghĩ, ông có lên án xã hội này một cách khắt khe và quá đáng chăng? Dù sao, những tiêu cực mà ông vừa nêu, chẳng qua cũng chỉ là một vài trong số những hiện tượng bị đầu độc bởi những tầng lớp xã hội thuộc giai cấp còn nặng về Nho giáo ở thời buổi nhiễu nhương này. Những tiêu cực ấy không thể coi là phổ biến để được đánh giá như làm nền tảng cho cách thức suy nghĩ

và tập tục của xã hội chúng ta. Nền văn hóa *mang nặng tính chất nhân bản lấy con người làm gốc* tự nghìn xưa của cha ông mình để lại mới thật sự là nền tảng cho nền văn minh tiến bộ và đóng góp vào sự trường tồn của đất nước này. Và nền văn hóa đó luôn được gìn giữ một cách trân trọng. Những khó khăn lịch sử ảnh hưởng tới xã hội luôn chỉ là nhất thời so với chiều dài của dân tộc.

Vừa đúng lúc, Thư bước ra phòng khách mời bố mẹ và ba chúng tôi sang phòng ăn dùng cơm.

Sau bữa ăn, mọi người lại trở ra phòng khách nói chuyện. Trong suốt bữa ăn, tôi và Thi đã trở thành trọng tâm để mọi người đem ra hỏi han, trêu đùa. Và cũng chính vì vậy, không khí từ đó được cởi mở hơn và những câu chuyện trở nên gần gũi, có tính cách gia đình hơn so với lúc ban đầu khi chúng tôi mới tới.

Cả nhà nói chuyện vui vẻ, tiếng cười vang lên như pháo ran. Thư sực nhớ tới buổi sinh nhật cô bạn hôm nào nên nhất định đòi tôi và Thi hát chung cho cả nhà nghe. Chúng tôi phải từ chối đến năm lần bảy lượt cô mới chịu tha cho. Những câu chuyện cứ lan man kéo dài ra mãi.

Mơ và Hội ngồi hơi xa chúng tôi một tý. Cũng vẫn chứng nào tật nấy, anh chàng cứ ngồi sát bên “vợ” như sợ ai bắt nạt hay bắt cóc đi mất. Người ồn ào nhất vẫn là Thư. Cô không tha một ai cả. Cô tuần

tự đem hết người này rồi tới người kia ra để làm đề tài chọc phá cho mọi người cùng cười. Tôi không dám đem chuyện anh chàng bạn trai thích ăn phở gánh của cô ra trêu lại vì e ngại có sự hiện diện của bố mẹ cô. Tôi đành để cô “múa gậy vườn hoang”. Thi ngồi nhìn Thư với con mắt đầy ngưỡng mộ về tài khôi hài một cách duyên dáng của cô.

Chợt thấy cuốn sách dày đặt trên bàn bên cạnh, tôi đứng dậy bước tới tò mò liếc xem cuốn sách ấy có tựa đề gì. Ông Xuyên thấy thế liền nói với tôi:

- Cuốn sách viết về sử Việt Nam đấy cháu! Hay lắm! Cháu có thể mang về mà đọc. Bác đọc xong rồi.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Thưa bác, bác nghiên cứu về sử học ạ?

- Không! Nghiên cứu thì không đúng! Bác quan tâm đến sử Việt Nam là nhiều. Sử nước ngoài bác chỉ đọc sơ qua cho biết.

Hội bước lại gần tôi giới thiệu:

- Ông “cụ” nhà mình thích đọc sách lắm. Hễ đi làm về, cụ lại lấy sách ra đọc. Chắc kiếp trước cụ là con “mọt sách” đấy!

Bà Xuyên nhìn tôi phân bua:

- Cháu thấy không! Lớn đầu mà ăn nói chẳng đâu ra đâu cả! Dám nói bố là con “mọt sách”. Không biết bao giờ mới “ra hồn” đây!

Hội gãi đầu cười cười cãi lại mẹ:

- Con nói kiếp trước mà! Các cụ ví con “mọt sách” với những người hay đọc sách. Có gì xấu đâu? Con “mọt sách” chỉ ăn sách thôi. Mấy con “mối” mới đáng sợ, nó ăn cho sập nhà sập cửa đấy mẹ.

Bà Xuyên đuổi lý:

- Chỉ “lý sự cùn” là không ai bằng! Thôi để sau này vợ anh dạy anh. Tôi chịu!

Mơ cũng cười góp vào:

- Con cũng chịu ạ! Anh ấy hay cãi “ngang càn bừa” lắm ạ!

Hội cười to:

- Càn cây nào mà chẳng nằm ngang, cứ gì “càn bừa”.

Hội nhìn Mơ hỏi:

- À! Em có biết “cây bừa” là cây gì không? Anh chịu!

Mơ cũng không vừa, nguýt yêu:

- “Cây bừa” là cây toàn nói chuyện ngang!

Cả nhà cùng cười. Tôi nhìn Thi mỉm cười khi nghe câu nói ấy của Mơ. Thi cũng cúi xuống cười tủm tỉm.

Sau dăm ba câu nói về sử Việt nam, ông Xuyên quay hỏi chúng tôi:

- Tháng trước, mấy cháu cùng với mấy đứa nhà bác đi thăm cô đô Hoa Lư. Học hỏi được gì, các cô các cậu nói cho tôi nghe nào?

Hội dơ hai tay lên trời phân bua:

- Con với Mơ học được nhiều lắm, nhưng hôm nay sao tự nhiên quên hết rồi ạ!

Thư cũng bắt chước ông anh dơ hai tay lên trời:

- Con cũng thế ạ! Bố hỏi anh Nam và chị Uyên ấy!

Ông nhìn Thi:

- Thế cháu Thi nói cho bác nghe đi nào!

Thi mặt ửng đỏ, ấp úng:

- Thưa bác... cháu...

Ông Xuyên mỉm cười:

- Bác biết rồi! Đi bên cạnh người yêu thì còn biết gì nữa đâu mà học với hỏi. Phải không?

Thi cười ngượng nghịu, gãi tai:

- Dạ... Dạ thưa bác... !

Bà Xuyên tủm tỉm cười, lên tiếng bên Thi:

- Ông đừng “bắt nạt” cháu tôi nữa! Nay cháu nó học lấy chồng, học làm vợ, để con chứ học làm gì mấy cái thứ vớ vẩn ấy!

Ông Xuyên khề khà theo bản tính dễ dãi của ông:

- Không nói thì tôi hỏi vậy! Xem có ai trả lời được không nào?

Hội chòm người tới nói nhỏ với tôi nhưng cũng đủ to để mọi người cùng nghe:

- Ai bảo cậu mó vào cuốn sách ấy làm gì! Lại là cuốn sử Việt Nam nữa. Cậu khều đúng vào chỗ ngựa của “ông cụ” nhà tớ rồi!

Bà Xuyên uể oải đứng dậy:

- Thôi tôi vào trong ăn trâu đây! Các cháu cứ tự nhiên nhé!

Ông Xuyên lại khề khà cười:

- Hồi xưa thì bà ấy thích ngồi nghe tôi nói lắm!

Bà vừa đi vào nhà trong vừa nói vọng lại:

- Tôi để cho ông bốn đứa con để ngồi nghe ông nói rồi còn gì nữa!

Thư vội che miệng làm “ổng loa” nói to để bà nghe:

- Mẹ phải để thêm để “đỡ gánh” cho tụi con nữa chứ!

Bà quay đầu lại:

- Bây giờ có thêm “chị cả” (Mơ) nữa rồi đấy!

Ông Xuyên nhìn Mơ, rồi như nói một mình:

- Ừ nhỉ, thế là bây giờ mình có năm đứa con rồi đấy!

Câu nói ngắn ngủi và êm dịu ấy của ông làm mọi người im lặng, đồng hướng nhìn về phía Mơ. Mơ cúi xuống, tay bịt miệng như ngăn tiếng nấc trong cổ họng vì quá xúc động trước câu nói bất ngờ của ông. Thư chạy lại quàng vai Mơ, cúi xuống hôn nhẹ lên má “bà” chị dâu tương lai của mình. Hội vỗ nhẹ lên vai Mơ mấy cái như để vỗ về.

Ông Xuyên tăng hắng mấy tiếng. Đợi chúng tôi yên lặng, ông quay sang nói với tôi và Uyên:

- Còn lại hai cháu này, hai cháu kể cho bác nghe về chuyến “Đi thăm cố đô Hoa Lư” ấy đi!

Không thể né tránh được, chúng tôi cùng cố gắng trình bày cho ông Xuyên nghe về những gì mà chúng tôi học hỏi được ở Hoa Lư. Tôi chỉ có thể đưa ra những nét chính như một “cái khung”. Uyên là người bổ túc thêm những chi tiết quan trọng cho đầy đủ hơn theo phương cách của một nhà mô phạm (sur pham).

Sau những phút im lặng lắng nghe, mọi người đều vỗ tay khen ngợi khi tôi và Uyên vừa trình bày xong vấn đề. Ông Xuyên lên tiếng:

- Khá lắm! Khá lắm! Đúng là *đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Các cháu gặp được cụ Từ là người địa phương lại thông hiểu cả về lịch sử lẫn văn hóa nơi cụ sinh ra và lớn lên như thế quả thật đáng quý lắm.

Ôngغمغم một chút rồi nói tiếp:

- Lần sau các cháu có đi chơi đâu thì cho bác biết, bác sẽ giúp đỡ thêm cho. Bác làm việc cho chính phủ nên cũng thường được đi xa và quen biết nhiều.

Thư nhanh nhẩu:

- Thế bố cho chúng con đi theo được không?

- Đi theo cũng được! Xe chính phủ mà! Nhưng các con có dịp được nghỉ vào những lúc đó để đi theo bố không?

Ông ngừng lại một chút rồi đề nghị:

- Thôi thế này, nếu không theo bố được, bố sẽ gởi gắm các con đi theo với các bác trong sở cùng làm với bố.

Ông quay lại nói với chúng tôi:

- Các cháu cũng có thể cùng đi cho vui. Càng đi xa, càng học hỏi được nhiều điều các cháu à. Đừng ngại gì cả. Lấy chồng lấy vợ đến nơi cả rồi. Có con cái đùm đê cũng khó đi lắm.

Chúng tôi cùng đứng lên cảm ơn ông. Sự cởi mở và hào phóng của ông làm chúng tôi cảm thấy vô cùng gần gũi với ông lẫn trong sự kính trọng.

Ông Xuyên sai Thư:

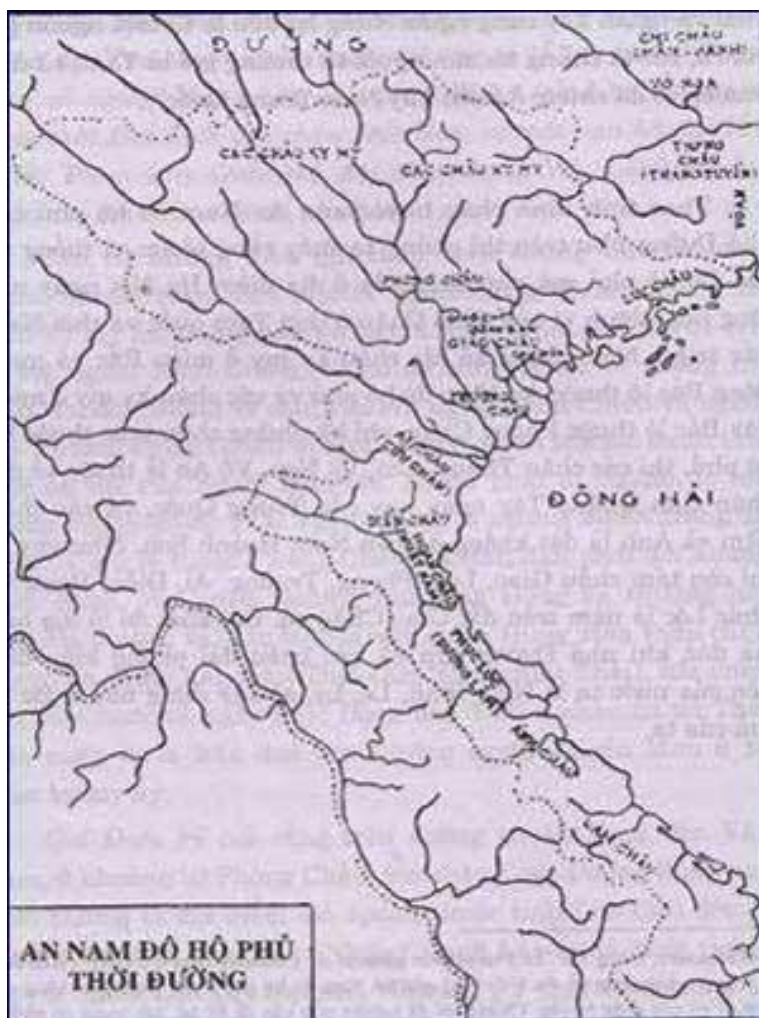
- Con vào đun thêm nước pha trà cho bố!

Mơ nhanh nhẩu đứng dậy:

- Thư! em cứ ngồi đấy đi. Để chị làm!

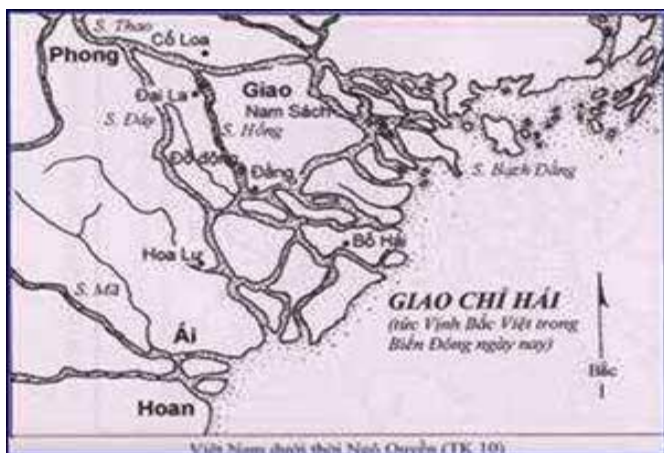
- Em cảm ơn chị!

Ông Xuyên sửa lại thể ngôi cho nghiêm chỉnh rồi bắt đầu vào đề tài *Hoa Lư*:



Bản đồ nước ta thời nhà Đường

(Nguồn: “Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời”
của Đào Duy Anh)



Bản đồ nước ta thời Ngô Quyền (Thế kỷ thứ X)

(Nguồn: “Nhìn Lại Sử Việt” của Lê Mạnh Hùng)



Bản đồ nước ta thời nhà Đinh và Tiền Lê

(Nguồn: “Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời” của
Đào Duy Anh)

- Những điều các cháu trình bày lúc nãy về cố đô Hoa Lư coi như cũng đã tạm đủ lắm rồi. Bây giờ bác chỉ đề cập thêm một số chi tiết cũng nên được lưu tâm. Trước hết bác muốn đóng góp với các cháu về *sự lựa chọn nơi làm kinh đô* dưới thời nhà Đinh và Tiền Lê.

Ông Xuyên cho biết.

Cứ nhìn vào bối cảnh lịch sử của đất nước ta vào thế kỷ thứ X, *ngoài việc* vua Đinh Tiên Hoàng chọn Hoa Lư làm kinh đô dựa trên địa thế thiên nhiên thuận lợi trong việc phòng thủ, ta còn có thể suy đoán thêm được một số yếu tố khác khả dĩ giải đáp được một phần nào cho câu hỏi ấy.

Tại sao không chọn đồng bằng sông Hồng hay Cổ Loa làm kinh đô?

Từ nguyên nhân xa

Kinh nghiệm của “Nghìn năm Bắc thuộc”.

Bắt đầu, ta hãy tính từ thời điểm “Lạc tộc” dưới triều đại Hùng Vương của nước Văn Lang, *kinh đô ở Phú Thọ* thuộc miền núi đồi trung du. Tộc này bị sát nhập vào với “Âu tộc” để thành nước Âu Lạc thống nhất dưới triều đại vua An Dương Vương, kinh đô ở *Cổ Loa*, là *kinh đô lần đầu tiên* nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng⁽¹⁾.

(1) Xin đọc "Ch 5: Đi Thăm Thành Cổ Loa – Thành Cổ Loa"

Không bao lâu, Triệu Đà tiêu diệt triều đại An Dương Vương vào năm 179 trước Công nguyên (TCN). Đất nước ta bị sát nhập vào nước Nam Việt. Đây là khởi điểm của thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc⁽²⁾.

Suốt thời kỳ Bắc thuộc, dân ta phải trải qua nhiều triều đại khác nhau của phương Bắc. Trong đó, có những triều đại thuộc *đế chế Trung ương* nằm ở Trung nguyên hay những triều đại thuộc các vương triều ở địa phương ly khai. Những đế chế hay vương triều này trực tiếp cai trị trên đất nước ta lần lượt gồm: Triệu, Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường. Mỗi triều đều có cách cai trị riêng của họ sao cho phù hợp với tình hình, thời thế lúc đó. Nhưng tựu chung thì trọng tâm của giặc phương Bắc vẫn là cố gắng tìm cách buộc nước ta phải phụ thuộc hoàn toàn vào Trung Hoa để rồi bị đồng hóa và tiêu diệt toàn bộ nguồn gốc dân tộc Việt chúng ta.

Chính sách Hán hóa được thực hiện bằng cách tiêu diệt trước tiên mọi ảnh hưởng và quyền lực của những Lạc hầu, Lạc tướng địa phương, đồng thời chúng dựng nên những thế lực hào trưởng và quý tộc mới, có cảm tình hoặc theo hẳn người Hán để tiếp tay trong việc cai trị.

Bên cạnh đó, có những cuộc *di dân* từ phương Bắc tới, dù không ồ ạt. Trong đám di dân ấy, có một

(²) Theo quan điểm của nhà sử học Đào Duy Anh.

số quan lại bị lưu đày hay lánh nạn trong các cuộc thanh trừng, binh biến xảy ra trong nội địa nước Trung Hoa. Các thành phần trí thức này đã đem theo nền *văn minh và văn hóa Hán* vào nước ta. Đến thế kỷ thứ X, *ảnh hưởng của người Hán trong xã hội Lạc Việt đã trở nên sâu đậm, đặc biệt là vùng châu thổ sông Hồng*.

Trong suốt 1117 (179+938) năm bị trị bởi Hán tộc, nước ta dành lại được độc lập sau chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng của vua Ngô Quyền vào năm 938 Tây lịch (TL).

Ta cũng nên biết, kể từ thời vua Ngô Quyền dành được độc lập (938) đến thời kỳ vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi (968), đất nước ta mới chỉ được độc lập trong 30 năm ngắn ngủi. Trong phần lớn thời gian này, tình hình trong nước lại không ổn định. Các thế lực chia rẽ nhau, phân tán và cát cứ trên nhiều địa phương để trở thành *nạn sứ quân*.



Đến nguyên nhân gần

- Các sứ quân vào thời Đinh Bộ Lĩnh phần lớn tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng. Những sứ

quân này tuy bị diệt tan nhưng những tàn dư và ảnh hưởng của họ còn nhiều. Mặt khác, nạn ngoại xâm dòm ngó nước ta của nhà Tống đang trực chờ.

- Trong khi đó vùng Hoa Lư là nút chặn, là yết hầu giữa vùng Phong châu, Giao châu tức vùng đồng bằng sông Hồng với vùng phía nam thuộc Ái châu, Hoan châu tức Thanh Hóa, Nghệ An bây giờ. Giữ được Hoa Lư là giữ được Ái châu và Hoan châu.

- Ái châu và Hoan châu còn là vùng Thứ sử Đinh Công Trứ (cha của Đinh Bộ Lĩnh) trấn giữ từ thời Dương Diên Nghệ và ngay cả dưới thời vương triều nhà Ngô (Ngô Quyền). Vùng đất này được coi như vùng đất hiểm yếu của toàn quốc và là hậu cứ an toàn của Đinh Tiên Hoàng về mặt quân sự. Nơi đây có thể cung cấp nhân lực, tài lực trong những cuộc chiến tranh sau này, nếu có.

- Ái châu và Hoan châu ít bị ảnh hưởng của văn hóa phương Bắc. Do đó, sự trung thành với Đinh Bộ Lĩnh của dân chúng được đánh giá cao hơn so với vùng đồng bằng sông Hồng. Cô Loa là một dẫn chứng cho kinh nghiệm về sự thất bại của nhà Ngô dù Cô Loa kề gần quê Ngô Quyền là Sơn Tây.

- Hoa Lư là căn cứ địa vững chắc và cũng là nơi xuất phát để Đinh Tiên Hoàng tiến lên phía bắc mà không sợ ai tấn công mình ở phía nam sau lưng trong thời gian ngài đem quân ra Bắc diệt nạn sứ quân để thống nhất đất nước.

Tại sao lại không đóng đô ở thành Đại La?

- Thành Đại La nằm trong vùng châu thổ sông Hồng có những vấn đề như vừa phân tích. Và,

Đứng về mặt biểu tượng, Đại La đã từng là thủ phủ, cơ quan đầu não của hệ thống cai trị phương Bắc. Ta biết, cũng chính vì điểm này vua Ngô Quyền đã không chọn thành Đại La mà chọn thành Cổ Loa làm kinh đô. Và vì thành Cổ Loa đã từng là một biểu tượng của một vương triều độc lập dưới thời vua An Dương Vương khi chưa từng bị Bắc thuộc.

Đứng về mặt thực tế, Đại La là thủ phủ cai trị của người Hán trong nhiều thế kỷ. Do đó, nhiều thế lực tại đây còn ngưỡng vọng về phương Bắc đang nằm phục để chờ cơ hội.

- Đại La gần với biên giới Trung Hoa hơn Hoa Lư. Thế phòng thủ không vững về mặt quân sự. Trong trường hợp giặc phương Bắc tấn công, ta phải chống trả cả hai mặt “thù trong giặc ngoài” cùng một lúc.

Ông Xuyên vừa phân tích một cách cặn kẽ lý do tại sao vua Đinh Tiên Hoàng lại không cho xây dựng kinh đô ở vùng đồng bằng sông Hồng và đặc biệt là thành Đại La. Chúng tôi cảm thấy thật thích thú về sự phân tích này.

Uyên là người duy nhất trong chúng tôi đặt câu hỏi đầu tiên với ông Xuyên.

Vì lý do nào vua Lý Thái Tổ lại chọn thành Đại La làm kinh đô sau khi đổi tên thành Thăng Long?

Câu hỏi của Uyên được ông giải thích về việc dời đô về thành Đại La vào thời nhà Lý.

Sau triều Đinh và Tiền Lê kéo dài gần 50 năm, tới thời kỳ vua Lý Thái Tổ thì tình hình đất nước đã đổi khác. Ta đã tự tin vào sức mạnh của mình sau chiến thắng quân Tống của vua Lê Đại Hành. *Nền tự chủ đã vững mạnh, lòng dân đã quy về một mối.* Những thế lực ngưỡng vọng phương Bắc ở đồng bằng sông Hồng không còn chỗ dựa. Thêm vào đó, đất nước lúc đó cần một nơi có thể phát triển theo quy mô lớn. Sự dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La tức Thăng Long của vua Lý Thái Tổ là một sự sáng suốt và có tầm nhìn rất xa của một minh vương.

Ông Xuyên tỏ ra hài lòng khi ông nhận thấy chúng tôi đang say sưa nghe lời ông giảng giải và phân tích về một giai đoạn lịch sử quan trọng của thời kỳ đầu độc lập của nước nhà.

- Các cháu lĩnh hội được những điều bác vừa nói chứ?

Chúng tôi đồng thanh thưa:

- Thưa bác vâng ạ!

Ông Xuyên mỉm cười:

- Được! Tốt lắm!

Uyên chột vội lên tiếng hỏi:

- Thưa bác, bác cho cháu xin một câu hỏi ngắn ạ!

Ông Xuyên nhìn Uyên, sốt sắng trả lời:

- Cô giáo cứ hỏi đi!

- Thưa bác, trong hoàn cảnh bị trị hơn một nghìn năm như thế, *tại sao đất nước ta không bị đồng hóa* mà lại còn có cơ hội dành lại được nên độc lập và xây dựng một vương quyền vững mạnh ở Hoa Lư?

Chúng tôi nghe Uyên hỏi câu hỏi đó cùng đồng vỗ tay hưởng ứng vì đó cũng chính là những điều chúng tôi muốn biết.

Ông Xuyên vui hân lên như tìm được nguồn cảm hứng từ đám con cháu đang lắng nghe ông:

- Câu hỏi của cháu Uyên không ngắn đâu! Thôi, bác tạm tóm tắt như thế này nhé.

Tại sao đất nước ta không bị đồng hóa?

Có vài sử gia cho rằng:

- Trước tiên là sự quyết tâm của tổ tiên ta, cương quyết không muốn bị Hán hóa.

- Lưu giữ được nhiều truyền thuyết và những ký ức tự hào về tổ tiên, những vị anh hùng dựng nước.

- Nằm xa trung tâm quyền lực và dân cư Trung Quốc. Địa thế lại hiểm trở và khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt.

- Sự di dân của người Hán vào đất nước ta không nhiều và ồ ạt như vùng Hoa Nam. Hầu hết những người nhập cư này vào Việt Nam lại dần dần hấp thụ văn hóa địa phương để trở thành gần gũi hoặc dần biến thành cư dân bản xứ (trường hợp Lý Bý tức vua Lý Nam Đế).

- Nằm trên đường giao thông hàng hải quốc tế nên được tiếp xúc những nền văn minh khác với văn minh Hán tộc. Trong đó có sự du nhập Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang nước ta rất sớm đã được coi là *đối trọng* với Nho giáo và Lão giáo của người Hán trong một thời gian dài. Phật giáo cũng là yếu tố kết hợp sự thống nhất và đoàn kết của mọi tầng lớp dân tộc trong công cuộc chống lại Bắc phương.

- Sự thành lập nước Lâm Ấp, tức Chiêm Thành sau này (thế kỷ thứ II sau Công nguyên), gồm phần đất phía nam và một phần châu quận Nhật Nam thuộc biên địa cực nam của nước ta dưới thời thuộc Hán đã là một trong những *yếu tố kích thích* tinh thần đòi độc lập của dân ta⁽³⁾.

- Tiếng nói và cấu trúc ngôn ngữ của ta khác với cấu trúc tiếng Hán. Riêng mặt *từ ngữ* thì dân ta đã Việt hóa nhiều từ vựng của Hán ngữ, đặc biệt là vào thời nhà Đường. Và cũng trong thời gian mượn nhiều Hán ngữ một cách đặc biệt vào thời Đường này để trở thành những từ *Hán-Việt*, tự nó đã đem

(3) Sẽ được trình bày chi tiết trong “*Những Năm Tháng Ấy – Chiêm Thành và Quá Trình Nam Tiến Của Dân Tộc Việt.*”

đến một hệ quả phát sinh của hai ngôn ngữ ở nước ta là Việt và Việt-Mường. Tiếng Việt chịu ảnh hưởng của Hán ngữ. Tiếng *Việt-Mường* hay còn gọi là tiếng *Việt cổ* còn giữ lại được bản chất nguyên thủy của tiếng nói thuần Lạc tộc khi xưa. Tiếng Việt-Mường vẫn còn được sử dụng ở một số dân tộc thiểu số thuộc vùng biên giới Việt-Trung ngày nay.



Văn miếu

Chúng tôi lại đồng ý tay như đồng ý với sự giảng giải của ông. Ông cười ha hả ra về tự mãn:

- Đã lâu lắm mới có những người chịu khó ngồi nghe tôi nói, nhất là khi nói về “sử nước nhà”. Nhiều người cho rằng đây là một đề tài nhàm chán. Thật sự không phải như vậy đâu. Sử học dính liền với đời sống hàng ngày của chúng ta đây. Sử học, xã hội học, ngôn ngữ học, khảo cổ học . . . nói chung là nhân văn, có liên đới, gắn bó với nhau nên nó đòi hỏi người muốn biết về *Sử* cần phải có óc tìm tòi, phán đoán một cách tinh tế và chính xác các dữ kiện liên quan. Khó chứ không dễ đâu! Khoa học kỹ thuật luôn có nền tảng lý luận chặt chẽ, chính xác, khác hẳn với khoa học nhân văn đôi khi nó mang cả tính trừu tượng và giả định.

Nghe ông Xuyên nói đến đây, Uyên tiếp lời ông:

- Thừa bác, đứng trên cương vị một cô giáo trong ngành giáo dục, cháu xin có ý kiến trong phạm vi nghề nghiệp của mình. Đất nước ta bị ngoại bang thống trị nhiều năm. Kẻ cai trị có bao giờ muốn cho dân bị trị học hỏi hoặc quan tâm về lịch sử oai hùng của dân tộc đó đâu. Họ muốn chúng ta quên đi là dân khác. Càng không biết càng tốt. Đứng cả về mặt văn hóa cũng vậy.

Uyên ngừng lại một chút, nhìn chúng tôi như để dò xét phản ứng rồi mới nói tiếp:

- Cháu e ngại, chương trình giáo dục mới của chúng ta lại theo nề nếp có sẵn của ngoại bang mà sao chép phương thức nguy hiểm này. Môn Sử sẽ lại tiếp tục bị đánh giá thấp so với các môn học khác. Và tất nhiên, học sinh càng ngày càng sẽ lơ là với môn Sử nước nhà. Văn hóa dân tộc trong đó có văn học nghệ thuật cũng cùng chung số phận!

Uyên nhìn thẳng vào ông Xuyên như chỉ nói riêng với ông:

- Sử học, văn học, nghệ thuật truyền thống... là những yếu tố, là những xúc tác quan trọng kích thích lòng yêu nước. Và cũng nhờ vào đó chúng ta mới biết được ngày xưa ông cha ta đã gìn giữ và phát triển đất nước như thế nào để học hỏi, để noi theo.

Sau khi Uyên nói xong, ông Xuyên nhìn nàng một cách chăm chú. Ông không góp ý thêm mà chỉ ngồi gật đầu. Mọi người im lặng.

Hội chợt lên tiếng hỏi. Mọi người trở mặt nhìn Hội vì ai cũng nghĩ anh vốn là người vô tâm, ít quan tâm đến những vấn đề dễ gây tranh cãi này. Anh có ngồi nghe âu cũng chỉ vì chiều lòng mọi người. Ấy thế, câu hỏi của Hội đã làm ông Xuyên phải nặn đầu suy nghĩ một chút trước khi trả lời.

Tại sao trong thời kỳ bị đô hộ, nước ta lại có thể có những thế lực mạnh cát cứ tại nhiều địa phương ở châu thổ sông Hồng một thời gian dài để đưa đến nạn sứ quân sau này?

Ông Xuyên cho đây là một câu hỏi rất hay.

Các nhà sử học cho rằng tình trạng này xảy ra có lẽ khởi nguồn vào thời kỳ quân Nam Chiếu sang xâm chiếm An Nam (tên đặt cho nước ta dưới đời nhà Đường). Nam Chiếu là đất nước của những người thiểu số ở vùng Vân Nam, Quý Châu hiện nay. Một thời, vào cuối nhà Đường, Trung Hoa suy yếu, Nam Chiếu là một vương quốc hùng mạnh trong vùng.

Năm 862, người Nam Chiếu tức vương quốc Đại Lý đã mở cuộc đại tấn công vào An Nam và chiếm An Nam Đô hộ phủ. Quan cai trị nhà Đường phải bỏ chạy về Tàu. Thế lực nhà Đường đang nằm ở vào thời kỳ suy thoái ngay tại chính quốc nên sự chống đỡ với quân Nam Chiếu ở An Nam rất yếu ớt. Nhiều cuộc điều binh của nhà Đường sang nước ta chống quân Nam Chiếu đã không thành công. Có những thành phần trong nước ta đã nhân dịp này liên



minh với quân Nam Chiếu để đánh đuổi người Hán hầu giành lại độc lập. Nhưng tiếc thay, khi người Nam Chiếu đuổi được người Hán ra khỏi An Nam thì họ lại dùng chính sách cướp bóc và giết hại dân ta rất nhiều. Cự Đường thư kể lại : “Dân chúng trốn nạn ra ở các hang động khe núi. . . Một số hào kiệt đã xuất hiện trong đám lưu dân bảo vệ cho dân chống lại sự cướp phá của giặc⁽⁴⁾”.

(⁴) "giặc" đây tức quân Nam Chiếu.

Có lẽ các lực lượng địa phương của các hào kiệt đã được thành lập trong giai đoạn “họa Nam Chiếu” này và tiếp tục cho tới khi Cao Biền được gửi sang đánh đuổi quân Nam Chiếu ra khỏi đất nước ta vào năm 864. Từ đó, trong tư thế nhà Đường ngày càng suy yếu nên các quan cai trị sở tại đã phải dùng chính sách cai trị mềm dẻo. Chính vì thế những lực lượng địa phương có cơ hội còn tồn tại cho đến ngày nước ta thật sự độc lập vào năm 938 của vua Ngô Quyền.

Và một lý do nữa khiến cho các thế lực địa phương phát triển mạnh được do dựa vào kinh nghiệm sau việc thất bại trong cuộc liên minh với quân Nam Chiếu, dân ta không còn tin tưởng vào sự trợ giúp từ bên ngoài và cũng không trông cậy vào sự bảo vệ từ phương Bắc nên đã quay về tin vào sức mạnh của chính mình qua các thế lực địa phương.

Nghe ông Xuyên giảng giải đến đây, chúng tôi lại vỗ tay. Ông sung sướng cười to.

Mơ đứng dậy thưa:

- Xin Bố tạm nghỉ một chút ạ! Con xin mời Bố Mẹ và mọi người ăn chè con nấu. Để con vào trong mời Mẹ ra.

Thư không đợi mọi người lên tiếng vội vỗ tay hoan hô:

- Hoan hô chị Hội! Để em vào phụ chị nhé!

Mơ vội ngăn lại:

- Chị làm một mình được mà!

Tuy Mơ nói thế, nhưng cả Thư, Uyên và Thi cùng đứng dậy theo Mơ vào nhà trong. Chỉ một thoáng sau những bát chè nóng được bung ra đặt trên bàn. Bà Xuyên lẹ xệp đôi dép bước ra.

- Mùi chè khoai từ thơm quá! “Chị cả” nấu hả?

Thư nhanh nhẩu trả lời:

- Con! Con nấu!

Bà cười:

- Đừng nhận vơ! Tôi biết cô con gái của tôi quá mà. Chỉ được giỏi cái miệng!

Mơ nháy Thư, tủm tủm cười:

- Chị sẽ chỉ cho em nấu. Dễ lắm!

Thư vỗ tay nịnh:

- Em cảm ơn chị! Chị em giỏi quá!

Cả nhà cùng ngồi ăn chè. Vừa ăn bà Xuyên vừa nhìn chồng:

- Gớm! Lúc này ông nói chuyện gì mà cả nhà vỗ tay ầm lên thế!

Uyên đỡ lời ông:

- Thưa bác, bác trai đang giảng giải cho chúng cháu về thời ông Đinh Bộ Lĩnh đấy ạ!

- À, cái ông vua hồi còn nhỏ đi chăn trâu ấy chứ gì. Chăn trâu cho chú mà lại giết trâu đem khao bạn,

rồi cắm cái đuôi trâu vào đất nẻ. Xong, về nhà nói dối chú là trâu chui xuống đất mất rồi. Hư quá! Phải truyện đó không?



Hình minh họa (Việt Sử bằng tranh)

Chúng tôi đồng vỗ tay:

- Dạ! Thưa bác đúng truyện đó rồi đây ạ! Bác nhớ quá!

Bà được chúng tôi khen nên cười thật tươi:

- Nghe ông ấy kể mãi rồi cũng phải thuộc!

Ông Xuyên chỉ ngồi im lặng ăn chè, nhìn bà tủm tỉm cười.

Đợi mọi người ăn xong. Hội đồng dặc tuyên bố:

- Các cô dọn ra, tôi xin tình nguyện dọn vào!

Bà Xuyên lườm yêu cậu con trai cả của bà:

- Gớm sao bây giờ “anh” thay đổi nhanh thế! Thương vợ cực khổ nên mới chịu mót tay đây mà. Bây giờ thì thương thế đấy, sau này “vợ anh” nó mách tôi là anh mè o mỡ với ai hay theo đòi cảnh

năm thê bảy thiếp là anh chết với tôi. Một vợ một chồng thôi nghe chưa!

Hội đứng lên giả vờ khom lưng, cúi đầu xuống, tay gãi đầu gãi tai thưa:

- Thưa... Con nghe rõ rồi ạ!

Thấy Hội đóng kịch làm cả nhà cùng cười.

Mơ nhìn bà Xuyên:

- Nếu anh ấy hư con sẽ mách Mẹ để Mẹ đánh cho anh ấy một trận ạ!

Nghe Hội tình nguyện dọn vào, âu đó cũng chỉ là cách nói đùa vầy thôi. Tất cả các cô cùng vội đứng dậy dọn dẹp sạch sẽ rồi ai nấy quay trở lại ngồi vào chỗ của mình để nghe ông Xuyên nói chuyện tiếp.

Ông Xuyên cao giọng:

- Nhân việc nhắc tới chuyện “*năm thê bảy thiếp*”, bác mở một dấu ngoặc ở đây để nói về vấn đề “*nhiều vợ*” xảy ra vào thời triều Đinh và Tiền Lê nhé.

Có vài sử gia cho rằng để mở rộng quan hệ với nhà Ngô vì còn được dân chúng ngưỡng mộ qua hình ảnh của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh đã dùng sự liên hệ gia đình bằng cách lấy mẹ của Ngô Nhật Khánh làm vợ; gả con gái mình cho Ngô Nhật Khánh và đồng thời đem con trai mình là Đinh Liễn gả cho em gái của Ngô Nhật Khánh (Ngô Nhật

Khánh là một trong 12 sứ quân, thuộc dòng dõi nhà Ngô⁽⁵⁾).

Sự liên minh qua liên hệ gia đình được áp dụng tiếp nối từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Đại Hành, cả hai, mỗi người 5 vợ đều được phong Hoàng hậu. Đến Lý Thái Tổ cũng 5 người vợ nhưng chỉ có một Hoàng hậu. Mỗi người vợ đều mang một lý do chính trị khác nhau. Sử gia Lê Văn Hưu, thuộc giới Nho học sau này, trong Đại Việt Sử ký có chê trách sự việc nhiều vợ của các vị vua trên vì cho rằng các vị vua ấy đam mê sắc dục: *“Tiên Hoàng không kê cứu cổ học, mà bày tôi đương thời không ai biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi say đắm trong tình riêng, cùng lập 5 Hoàng hậu. Sau đến hai triều Lê, Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, ấy là do Tiên Hoàng khởi xướng sự rối loạn thứ bậc ấy vậy”*.

Thực ra, ngay cả suốt triều Lý lẫn triều Trần sau này đã đều dùng sự liên hệ gia đình để tạo liên minh bằng cách gả các công chúa cho những tù trưởng miền thượng du để canh phòng an ninh ở vùng biên giới Việt-Trung. Chính sách này rất hữu hiệu trong những trận chiến với quân Tống vào đời nhà Lý. Riêng nhà Trần cũng đã gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân để phục vụ cho hòa bình ở vùng biên giới giữa hai nước Việt-Chiêm và đồng thời nhà Trần nhận được hai châu Ô, Lý của Chiêm Thành làm của hồi môn. Hai châu Ô, Lý nay thuộc Thừa Thiên.■

(5) Xin xem Chương VII, phần 4 "Phụ Lục."

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-2

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Cả nhà đang nghe ông nói một cách say sưa. Bỗng ông ngừng lại:

- Các cháu đợi bác lên gác lấy vài cuốn sách rồi ta lại nói chuyện tiếp nhé! *Nói có sách mách có chứng* vẫn hơn.

Vừa nói xong, ông đứng dậy bỏ lên gác.

Bà Xuyên ngồi tiếp chuyện chúng tôi thay ông. Bà tò mò hỏi chuyện của tôi và Thi. Cũng may có Uyên đỡ lời cho hai chúng tôi một số câu hỏi.

Bà lại nhìn tôi và Thi hỏi thêm:

- Thế bao giờ hai cháu định làm đám cưới đây? Nhớ mời hai bác tới dự nhé!

Tôi chỉ trả lời câu sau:

- Thừa bác vâng ạ!

Thì cứ ngồi cúi mặt e thẹn trước những cái nhìn của mọi người.

Thư nhìn Thi cười:

- Mình tình nguyện làm phù dâu cho bạn. Chịu không?

Thì ngừng lên e thẹn trả lời:

- Cám ơn bạn nhiều lắm!

Hội lớn tiếng đề nghị:

- Hay tớ với cậu, hai cặp làm đám cưới chung đi!

Tôi cười:

- Thế thì tốt quá!

Tôi sợ Hội tưởng thật nên vội nói ngay:

- Anh ra trường trước lập gia đình trước, tôi ra sau lập gia đình sau thì phải hơn!

Hội vỗ vai tôi:

- Biết rồi! Tớ chỉ nói đùa thôi mà!

Bà Xuyên lườm con trai của mình. Vừa lúc ông Xuyên bước vào phòng khách với vài cuốn sách trên tay. Câu chuyện về tôi và Thi cũng được chấm dứt ở đây.

Ông đặt vài cuốn sách lên bàn rồi nhìn mọi người hỏi:

- Mọi người đã sẵn sàng để nghe tôi nói rồi chứ?

Chúng tôi đồng thanh:

- Dạ! Chúng cháu sẵn sàng rồi ạ!

Bà Xuyên quơ chân vào đôi dép đứng dậy:

- Các cháu cứ tự nhiên nhé! Bác vào trong một tý.

Bà chợt hỏi:

- Hai thằng nhỏ đâu rồi nhỉ?

Thư cũng đứng bật dậy:

- Chắc hai đứa lại vào phòng con lục đồ đạc rồi!

Thư chạy phóng về phía phòng mình. Một chốc sau Thư quay lại với vẻ mặt vui tươi, nói với Hội:

- Không phải ở trong phòng em. Mà ở phòng anh. Chúng nó đang chơi “đá đẽ”.

Hội cười:

- Cô làm mọi người tưởng cô dầu vàng trong phòng không bằng! Quýnh cả lên!

- Hai “ông mãnh” đó! Tức ghê! Hôm qua chị Mơ đi chợ mua cho em mấy quả ổi chín để trên bàn học. Quay đi quay lại, chúng nó ăn hết, chỉ chừa lại cho em còn có một quả.

Hội cười vang:

- Anh ăn chứ không phải chúng nó ăn! Chúng nó ăn thì em chẳng còn quả nào đâu!

Thư chạy tới đâm lưng ông anh:

- Bắt đèn! Bắt đèn!

Cả nhà đều cười. Mơ đưa tay che miệng cười nhỏ:

- Thôi, Thư tha cho anh Hội đi. Ngày mai chị đi chợ mua đèn!

Thư quay sang Mơ phụng phịu:

- Chị phải mua đèn cho em nhiều gấp đôi cơ đấy!

Hội nói với Mơ:

- Em phải mua một rô, gấp đôi chỗ ấy thì làm sao đủ cho cô ấy “tráng miệng”.

Thư cũng không vừa, vênh váo với ông anh:

- Phải rồi! Anh chỉ “ném” thôi cũng đã hết nửa rô của em rồi!

Cả nhà lại cười sau câu nói của Thư. Bà Xuyên tùm tùm bước vào nhà trong. Bà nói nhỏ một mình nhưng cũng đủ lớn để mọi người cùng nghe:

- Sắp lấy vợ lấy chồng cả rồi mà vẫn còn tranh nhau mấy quả ổi!

Mọi người cùng tùm tùm cười. Tội nháy mắt Thi, nằng cúi xuống mím môi một cách duyên dáng nhưng cũng hàm ý đe dọa: khi về anh sẽ biết tay em!

Đúng là hai cô con gái (Thư và Thi) cùng lứa tuổi có nhiều điểm giống nhau, *cái tuổi mười sáu trắng tròn, nửa là người lớn nửa còn trẻ con.*

Bỗng có tiếng đuổi nhau từ phía trong nhà chạy ra. Té ra là tiếng chạy của hai đứa trai. Chúng chạy ủa tới Mơ thì nhau mách nên chẳng ai hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Mơ ôn tồn nói:

- Từ từ! Hai em tranh nhau nói thế này thì làm sao chị phân xử được! Anh nói trước, em nói sau. Nào, Tùng nói trước đi.

- Thằng Bảo nó thua, nó ngắt râu đế của em!

- Ủ, chị hiểu rồi, con đế của Bảo đấu thua con đế của em. Sau đó Bảo vặt râu con đế của em. Phải không?

- Đúng rồi ạ!

Mơ quay sang đứa em tên Bảo:

- Sao em lại vặt râu đế của anh Tùng?

Đứa em vừa rơm rớm nước mắt vừa nói:

- Anh ấy thua! ... anh ấy lấy tăm chọc vào đít con đế của em làm nó sợ, nó chạy... Anh ấy... anh ấy lại nói em thua! Em mới vặt râu con đế của anh ấy chứ!

Cả nhà nín bưng không cười vì sợ làm mất vẻ trang nghiêm trong việc phân xử của Mơ.

Vừa kể đến đây hai đứa lại quay ra cãi nhau. Mơ vội vàng kéo chúng ra sân.

Thư thở phào:

- Nếu không có chị Mơ, em phải phân xử vụ này rồi!

Tôi nghĩ vị thế của Mơ trong gia đình này kể ra cũng được tôn trọng và được mọi người thương yêu nhờ cách cư xử khôn khéo của cô trong mọi trường hợp.

Chẳng mấy chốc thấy Mơ trở lại, hai đứa trẻ cũng hớn hở chạy thẳng về phòng.

Hội hỏi Mơ:

- Em làm thế nào mà chúng im vậy!

- Em dọa là làm ồn, Bố sẽ đánh đòn vì nhà đang có khách. Em hứa ngày mai sẽ đưa hai em ra chợ mua cho mỗi đứa hai con dế thật khỏe.

Hội tùm tùm cười:

- Dế khỏe đâu hẳn đã phải là dế đá hay! Coi chừng em mua phải dế cái đấy!

- Dế đực thì cánh nó có vằn, dế cái thì không có. Hội nhỏ em hay nuôi dế trong hộp diêm và cho nó ăn cỏ non. Thầy (Bố) em cứ dọa vứt đi vì dế nó “gáy” to lắm. Em cũng biết chơi đá dế mà!

Thư lên tiếng:

- May mà chúng ra mách chị chứ mách em là em “phát dít” cho mỗi đứa mấy cái, đuổi đi là xong!

Cả nhà nhìn Thư cùng cười.

Sau vài câu chuyện vui bên lè, ông Xuyên lại xoay câu chuyện về *văn hóa nghệ thuật thời Hoa Lư*. Thấy Uyên như nôn nóng điều gì nên ông Xuyên hỏi:

- Chắc cháu Uyên có câu hỏi gì muốn hỏi bác?

- Thưa vâng ạ!

- Cháu hỏi đi!

- Thưa bác, cứ như điều bác vừa nói về văn hóa nghệ thuật Hoa Lư, thì nghệ thuật “múa rối nước” cũng phát nguồn từ Hoa Lư như nghệ thuật chèo. *Chèo* dưới thời vua Đinh, *múa rối nước* dưới thời vua Lê Đại Hành. Hai môn nghệ thuật này có liên quan gì tới nhau không ạ?

Ông Xuyên nhìn lên trần nhà, ngẫm nghĩ một chút mới trả lời:

- Câu hỏi của cháu hay lắm! Để trả lời được câu hỏi của cháu, bác phải *chia câu hỏi đó ra hai đoạn* để dần giải cho dễ.

Múa rối nước

Dựa vào một số tài liệu, ông Xuyên cho biết.

- *Nguồn gốc của “múa rối nước”.*

Một số nhà nghiên cứu cho rằng những mô tả ngày Sinh nhật của vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư viết “*Mùa thu, tháng 7 rằm là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền ở giữa sông, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền gọi là*

Nam Sơn, rồi đặt lễ vui đua thuyền, về sau thành thường lệ”. Về sau này, sinh nhật của vua thường rất lớn gọi là Khánh tiết hay Đại khánh... là hình thái mở đầu của nghệ thuật “múa rối nước”.

Lại có một số tài liệu cho rằng nó xuất xứ từ những hoàn cảnh và địa danh khác nhau.

Một tài liệu cổ nhất còn giữ lại được có mô tả rõ cảnh múa rối được khắc ở bia Sùng Thiện Diên Linh ở núi Đọi (Duy Tiên, tỉnh Hà Nam bây giờ), vào thế kỷ thứ 12 (1112), đời vua Lý Nhân Tông. Bia tả như sau:

“Lòng sông rung rinh. Rùa vàng nổi lên bùng đội ba quả núi. Nước chảy nhịp nhàng, nở phô vẩy đẹp và chuyển động bốn chân, nhe răng, trợn mắt và phun nước biểu diễn, điệu sáng sủa trên mặt nước tràn đầy. Động này cửa nọ tranh nhau mở, xuất hiện những thần tiên nhuần nhị, nét mặt thanh tân, há đầu phải vẽ đẹp người dương thế. Tay nhỏ nhấc mềm mại múa điệu hồi phong. Nhìn mây nước ca khúc vân hội. Chim phượng có sừng hợp nhau thành đôi, tất cả đều ra múa phô diễn.” (Trích trong “Văn học dân gian Việt Nam” của tác giả Đinh Gia Khánh...)

Như thế, vào đời nhà Lý, nghệ thuật “múa rối nước” đã phát triển cao. Điều này chứng tỏ nó đã có trước đó rất lâu trong dân gian. Sau đó “múa rối nước” mới vào cung đình ở mức độ nghệ thuật tinh vi và chuyên nghiệp hơn.

Vào đời nhà Trần múa rối cũng thường được đưa vào cung. Sứ thần nhà Nguyên là Trần Phu kể lại, trong buổi yến tiệc thết đãi, ở tầng dưới có trò leo dây, múa rối.

Các đền, chùa cũng có nơi có *thủy đình* để diễn “múa rối nước” như chùa Thầy ở Sơn Tây. Chùa Thầy được xây từ thời nhà Lý, thờ Phật và thờ ngài Từ Đạo Hạnh. Sách *Hí phường phả lục* lại cho Từ Đạo Hạnh là *ông tổ của chèo*.

- *Vài điểm tương đồng và khác biệt của nghệ thuật “múa rối nước” với chèo.*

Múa rối ở nước ta có hai loại: múa rối trên cạn gọi là *múa rối cạn*, múa rối dưới nước gọi là *múa rối nước*.

Múa rối cũng là một loại nghệ thuật dân gian như chèo. Và cũng như chèo, múa rối phát xuất từ những nghệ sĩ dân gian, khởi đầu là bán chuyên nghiệp, trình diễn gần hay xa cũng chỉ giới hạn trong thời gian nhàn rỗi chờ thời vụ canh tác nông nghiệp.

Múa rối nặng về phần trình diễn kỹ năng, kỹ xảo, thuật khéo, tài lạ. Tuồng tích thường đơn giản và ít đi sâu vào tâm lý nhân vật như chèo. Nhưng ngược lại khi diễn tuồng tích thì múa rối, qua kỹ năng biểu diễn, lại thực hiện được những động tác khó khăn mà nhân vật của chèo không thực hiện nổi (như nhảy vòng lửa).

Múa rối lể, không có tuồng tích, trọng tâm là biểu diễn những động tác lao động, chạy, múa, đánh võ, ... múa tứ linh, múa sư tử, đấu vật, đánh đu, nhảy vòng lửa thuộc hình thức cá thể.

Trong múa rối có chú “*Tễu*”, nhân vật pha trò mua vui, phản ánh tính chất như *hề* trong chèo, không thể thiếu được. Hình ảnh điển hình của chú “*Tễu*” béo tròn phốp pháp, đóng khố, mặc áo phong phanh, cổ đeo khánh bạc, tóc để trái đào là hình ảnh khó quên cho người xem.

Múa rối nước tiếp xúc với khán giả qua những con rối đi mời trầu, giữ trật tự, mở trò, khép trò...

Các nghệ sĩ cũng *tùy tình huống mà tự ứng biến vai trò* qua con rối một cách linh hoạt cho phù hợp với sở thích của người xem.

Thế kỷ 17, “múa rối nước” đạt tới trình độ chuyên nghiệp cao. Và tới thế kỷ thứ 18, “múa rối cạn” cũng đã tiến tới trình độ chuyên nghiệp ngang hàng với múa rối nước.



Múa rối nước



Thủy đình ở chùa Thầy để biểu diễn múa rối nước



Chú Tễu

Ông Xuyên say sưa nói, chúng tôi say sưa nghe. Uyên luôn tỏ ra là người năng động nhất. Nàng thỉnh thoảng lại chêm vào vài câu hỏi nhỏ để cho vấn đề giảng giải được rõ nghĩa thêm. Mỗi lần như thế ông Xuyên cứ gật gù nhìn Uyên ra chiều đặc ý lắm.

Nhân dịp được nghe về “múa rối nước”, nàng không quên hỏi thêm về hát chèo. Bỗng Hội vỗ tay lên trán, như nhớ ra một điều gì, vội nói với tôi:

- Nam nói thêm về chèo đi! Hôm trước tớ thấy cậu đọc cuốn sách về chèo. Cậu ngồi ở sân trường say sưa đọc miết cho tới khi tớ rủ cậu đi uống nước cậu mới chịu ngưng!

Tôi chỉ tùm tùm cười, không nói gì. Uyên “xốc nổi” tin ngay lời Hội:

- Sao anh không kể cho bọn em nghe!

- Uyên tin lời anh Hội à! Ừ, anh có đọc nhưng đâu có đọc say mê đến thế!

Uyên cười hóm hỉnh:

- Em chỉ hỏi tội anh là tại sao anh không kể cho bọn em nghe thôi mà!

- Thì phải có dịp chứ!

- Thôi được rồi! Bây giờ có dịp rồi đó. Anh xin phép bác cho anh nói đi!

Mọi người thấy Uyên tấn công tôi tới tấp nên cùng cười. Ông Xuyên xua tay can:

- Được rồi! Bác cho phép nói đây.

Nói xong ông đùa hỏi tôi:

- Xin phép bác thì được rồi. Cháu còn phải xin phép “ai” nữa chứ?

Tôi đùa quay sang Thi. Nàng ngượng ngịu:

- Em không biết!

Thi cúi xuống, e thẹn, mặt ửng đỏ.

Hội lại lớn giọng:

- Thôi “vợ” cho phép rồi thì nói đi! Cái chuyện “chèo kéo” gì đây.

Thư đang đứng nhìn soi mói xem phản ứng của Thi ra sao trong khi Thi vẫn cúi xuống. Thư chạy lại đứng đằng sau Thi, ghé vào tai nàng nói nhỏ nhưng cũng đủ để mọi người cùng nghe:

- Mình đề nghị bạn hát tặng anh Nam một bài hát đi. Bạn hát hay lắm mà!

Tôi nghĩ sao hai anh em nhà này tính tình lại giống như thế. Ông Xuyên nhìn Thư xua tay như để cứu Thi rồi quay sang tôi dục:

- Thôi, cháu Nam nói về chèo đi!

Tôi thưa với ông Xuyên:

- Thưa bác, cháu xin phép nói sơ lược một vài điều được đọc trong sách để *bổ túc thêm* cho những gì chúng cháu học hỏi được ở Hoa Lư về chèo ạ.

Chèo ⁽¹⁾

Ảnh hưởng từ bên ngoài

Chèo phát triển ở đồng bằng sông Hồng xuất phát từ nhu cầu giải trí trong quân đội thời Đinh Tiên Hoàng vào thế kỷ thứ 10. Vào thời đó, chèo *chỉ có phần nói* (tức nói nhái) và *ngâm các bài dân ca*. Nhưng cho tới thế kỷ thứ 14 có một sự kiện lớn ảnh hưởng tới chèo. Đó là sự đóng góp của một người

(¹) *Xin đọc thêm chi tiết về chèo ở Chương 13, Phần 13-4.*

lính Mông Cổ bị bắt làm tù binh. Người tù binh này là một nghệ nhân nên đã mang kịch của Trung Hoa vào chèo. Từ đó *chèo có thêm phần hát*.

Đến thế kỷ thứ 19 thì chèo tiếp thu *ảnh hưởng của tuồng* qua một số tuồng tích như Tống Trân, Phạm Tải, hoặc mang tuồng tích của Trung Hoa như Hán Sở Tranh Hùng, Tiền Hán, Hậu Hán.

Tuồng được phát triển từ đời nhà Trần và được triều Nguyễn nâng đỡ từ thế kỷ 17 trong địa vực Đàng trong của chúa Nguyễn. Và sau đó, tuồng đạt đến thời kỳ hoàng kim ở thế kỷ 18 và 19 trong toàn quốc, chủ yếu trong các đô thị hay nhà quan.

Vì ảnh hưởng của tuồng nên vào đầu thế kỷ 20, chèo cũng đã *chuyên nghiệp hóa* để trình diễn trên sân khấu ở những vùng đô thị. Đôi lúc chèo có những ông tướng mặt đỏ và những điệu hát Nam, hát Khách của tuồng cùng hòa với làn điệu hát chèo.

Tuy nhiên chèo vẫn khác tuồng về phần nội dung.

- Tuồng ca tụng những vị anh hùng, những nhân vật thuộc giới quyền quý.

- Chèo miêu tả đời sống giản dị của người dân nông thôn với những ước vọng của họ và đả phá những bất công trong xã hội.

Chèo trong thời vua Hậu Lê và thời Lê-Trịnh.

Chèo cũng có những bước thăng trầm của nó.

- Từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15.

Vào những thế kỷ này, qua những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, tuy là những triều đại phong kiến nhưng lại gần gũi với dân theo truyền thống văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo. Những văn nghệ truyền thống dân gian được đưa vào cung đình một cách dễ dàng không phân biệt rõ ràng giữa hai ranh giới *nhạc dân gian* và *nhạc cung đình* (nhã nhạc). Triều đình còn biết đem những thành quả của sự phát triển văn nghệ dân gian làm cầu nối chính trị và kinh tế với quần chúng. Trong đó chèo còn được đưa vào làm trò giải trí trong quân đội.

- Từ thế kỷ 15 trở về sau.

Vào giữa thế kỷ 15, triều đại nhà Hậu Lê được thành lập sau khi đánh đuổi quân Minh. Trong triều đại này, Nho giáo chiếm ưu thế so với Phật giáo.

Nhà Hậu Lê chú trọng việc phát triển truyền thống dân tộc và dùng Nho giáo như một phương thức làm nền tảng cho sự phát triển xã hội với một nền văn hóa kỷ cương và một chính thể pháp trị. Người tiêu biểu cho sự thay đổi mạnh mẽ để đem sự cường thịnh cho nước Đại Việt không ai khác hơn là vua *Lê Thánh Tông*, một vị vua anh minh bậc nhất vào thời Hậu Lê.

Riêng về nhạc dân gian, vua Lê Thái Tông cũng đã bắt đầu có sự thay đổi. Trong buổi lễ ở Thái miếu, ngài đã ra lệnh *bãi bỏ hát chèo* và *cấm “dâm nhạc”*. “Dâm nhạc” ở đây là gồm loại nhạc dân gian và

những loại nhạc khác với “nhạc cung đình” đã được quy định vào năm 1437 do *Lương Đăng soạn*⁽²⁾.

(²) *Lễ nhạc của Lương Đăng soạn :*

Vua Lê Thái Tông giao cho cụ Nguyễn Trãi cùng hoạn quan đương triều soạn Lễ nhạc (hay Nhã nhạc) vào tháng Tư năm Thiên Bình (1437). Lương Đăng đưa ra 8 loại cho triều đình :

1- *Giáo nhạc (nhạc dùng khi tế)*

2- *Miếu nhạc (nhạc tế ở các miếu)*

3- *Ngũ tử nhạc (5 cái tế)*

4- *Đại triều nhạc (khi có lễ Thọ của vua hay tiếp phái đoàn ngoại giao nước ngoài)*

5- *Thường triều nhạc (ngày thường cũng đánh được)*

6- *Trung cung chi nhạc (nhạc đánh trong cung)*

7- *Đại yến nhạc (nhạc ở đại yến)*

8- *Trú nhật nguyệt Giao trùng nhạc (nhạc đánh khi có nhật thực hay nguyệt thực- dùng tiếng trống đồng để đánh đuổi “con gấu” to nuốt mặt trời, mặt trăng).*

Những loại nhạc này Lương Đăng lấy của nhà Minh.

Sau khi cụ Nguyễn Trãi biết được vua chấp nhận (vua còn bé) 8 loại nhạc này vì Lương Đăng là hoạn quan nên rất được trọng dụng, cụ Nguyễn Trãi xin từ chức viện cố sự hiểu biết của cụ còn nhiều chỗ non kém, thiếu sót. Tháng Mười năm đó cụ dâng sớ lên vua cho là những Lễ nhạc ấy là nhạc của Trung Hoa. Một điểm nữa cụ phản bác khi vua rời cung ra ngoài thì đánh 108 tiếng trống, 108 tiếng chuông.

Mà con số 108 là cái gì? Là số hạt trong chuỗi tràng hạt của Phật giáo. Mà sao số hạt trong tràng hạt Phật giáo lại dùng khi vua rời cung. Khi vua trở về cung thì lại đánh khác. Thành ra chính Lương Đăng cũng không hiểu ý nghĩa công việc mình định.

Vì những Lễ nhạc này không từ dân tộc mà ra nên chẳng bao lâu thì mai một, không ai dùng tới nữa

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông lên ngôi tiếp nối vua Lê Thái Tông, tiếp tục phân chia ra hai loại nhạc:

- *Nhạc cung đình* còn gọi là *quan nhạc*.

- *Nhạc dân gian* hoặc *nhạc giáo phường*. Tuy nhạc dân gian và “dâm nhạc” không bị cấm đoán nhưng không được coi trọng nữa.

Tới thế kỷ thứ 16 thái độ phân biệt và kỳ thị nhạc dân gian càng được vua Lê - chúa Trịnh triệt để áp dụng như *chèo không được diễn lâu quá 3 ngày trong những kỳ hội hè đình đám*. Sự kỳ thị này được các nhà nghiên cứu cho rằng do nguyên nhân chính là sự xa cách giữa triều đình và dân chúng càng ngày càng nhiều và quần chúng đã dùng âm nhạc, nghệ thuật, văn học dân gian để chống báng lại sự thối nát của cung Vua - phủ Chúa, quan lại và những tệ trạng xã hội đương thời. Hệ lụy của sự phân chia này đã đưa đến việc ông Đào Duy Từ⁽³⁾ phải bỏ Đàng ngoài vào Đàng trong phục vụ cho nhà Nguyễn.

Tôi vừa dứt lời, ông Xuyên khen:

(Ghi lại sơ lược trong một buổi nói chuyện của giáo sư Trần Văn Khê.)

⁽³⁾ Đào Duy Từ là con nhà hát chèo nên không được dùng tuy đã đỗ đạt, ông bỏ Đàng ngoài vào Đàng trong giúp chúa Nguyễn xây dựng Lũy Thầy, một chiến lũy nổi danh thời đó, để chống lại quân Đàng ngoài tức quân Lê-Trịnh

- Khá lắm! Khá lắm!

Nói xong ông cứ gật gù như vừa khám phá ra một điều gì mới lạ. Mọi người vỗ tay thay cho lời khen thưởng. Hội chỉ vào tôi lớn tiếng:

- Thằng bạn con nó còn giỏi nhiều thứ lắm. Trong trường nó cũng học giỏi được các thầy yêu thích, cho nó làm thêm trong trường, vừa học vừa có lương nữa. Nhưng sau này chẳng biết có nên com cháo gì không hay chỉ khổ vợ. Về nhà, cứ ôm quyển sách.

Mơ đánh nhẹ vào tay Hội:

- Thế còn anh thì sao?

Hội ưỡn ngực, cung tay phô diễn bắp thịt:

- Anh khỏe thế này! Đường đường một đấng “nam nhi tri chí”, “đầu đội trời chân đạp đất” mà em còn phải hỏi anh câu đó à! Anh sẽ làm tất!

Mơ nhìn Hội cười cười:

- Lúc nãy anh nói "con đẻ khỏe chưa hẳn là con đẻ đá hay" cơ mà! Cái gì cũng chừa cho vợ làm thì sao? Nếu thế, em sẽ mách Mẹ!

Thư bênh Mơ, xía vào:

- Đúng rồi! Anh ấy sợ em vì em hay mách Mẹ!

Hội phản công Mơ:

- Thế có những chuyện không mách Mẹ được thì sao?

Mơ cũng không vừa, không trả lời, cười cười đưa nắm tay ra dứ dứ dọa. Hội thách:

- Thách “đăng” ấy đấy! ... Nhìn “tớ” đây này! Hội lại ưỡn ngực, cung tay cho nổi hai "con chuột"⁽⁴⁾ cứng chắc:

- Dám! ... Dám không? ... Thử đi nào!

Cả nhà cười lớn. Riêng ông Xuyên vẫn trầm tĩnh, tùm tùm nhìn các con diễn trò.

Ông Xuyên cầm lên một trong những cuốn sách ông mang từ trên gác xuống lúc nãy. Ông mở vài trang như để tìm kiếm điều gì trong ấy rồi ông ngừng lên nói với chúng tôi:

- Lúc nãy chúng ta đã lược qua vài điểm về nghệ thuật dân gian thời Đinh và Tiền Lê ở Hoa Lư, nay ta bàn thêm một chút về *Văn học* vào thời kỳ đó nhé. Bác chỉ đan cử hai nhân vật có thể đại diện, đó là nhà sư Đỗ Pháp Thuận và nhà sư Ngô Chân Lưu mà các cháu đã từng được cụ Từ nhắc tới trong chuyện đi chơi vừa rồi. Nay bác chỉ bổ túc thêm.

Sư Đỗ Pháp Thuận (915-990)

Pháp sư Đỗ Pháp Thuận là thiền sư đời thứ 10 của dòng thiền *Tì-ni-đa-lưu-chi*, không biết tên thật và quê quán ở đâu. Ông được vua Lê Đại Hành phong làm Pháp Sư. Ông cùng với sư Khuông Việt

(⁴) Bắp thịt nơi cánh tay trên.

được cử tiếp sứ giả nhà Tống là Lý Giác. Cả hai cùng làm sứ giả nê phục vì tài ứng biến.

Tác phẩm còn lại của ông là bài thơ trả lời vua Lê Đại Hành hỏi về *đạo trị nước*.

Phiên âm:

Quốc Tộ

*Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vi cư điện các,
Xử xử tức đao binh.*

Nội dung:

Câu (1-2): Ngai vàng và đất nước liên hệ quần quít với nhau nên nếu biết chăm sóc đất nước như săn sóc ngai vàng thì cả nước sẽ được thái bình.

Câu (3-4): Nếu đem đạo Vô vi vào việc trị nước thì chẳng cần đến gươm đao, mà loạn lạc khắp nơi sẽ tự chấm dứt.

Phỏng dịch:

Ngai vàng Và Đất Nước

*Ngôi, nước: mây quần quit,
Trời Nam cảnh thái bình,
Vô vi nơi điện các,
Bốn phương hết đao binh.*

(V. Ng.)

Uyên lên tiếng hỏi:

- Thưa bác, xin bác giải thích cho cháu thêm về hai chữ vô vi ạ?

Ông Xuyên tùm tùm cười vì có vẻ hài lòng về câu hỏi này của Uyên:

- Trong nghệ thuật trị nước có thể chia ra 3 loại.

Bá đạo: Lấy hình phạt nặng làm dân sợ để cai trị.

Vương đạo: Lấy nhân nghĩa làm dân yêu mến để cai trị.

Đế đạo: Luật pháp tuy có mà cũng như là không. Cai trị dân mà dân không thấy mình bị cai trị. Đế đạo cũng chính là Vô vi, tuyệt đỉnh cao siêu của nghệ thuật trị nước.

Sư Ngô Chân Lưu (933-1011)

Sư tu dòng thiền Vô Ngôn Thông ở chùa Khai Quốc, thành Đại La. Sư được vua Đinh Tiên Hoàng ban cho pháp hiệu là Khuông Việt. Qua triều vua Lê Đại Hành, ông cùng sư Đỗ Pháp Thuận được mời tham dự việc triều chính.

Tác phẩm của ông còn lưu lại được có bài “Vương Lang Quy”, thừa lệnh vua Lê Đại Hành làm tặng sứ giả nhà Tống là Lý Giác khi về nước.

Phiên âm:

Vương Lang Quy

*Trường quang phong hảo cảm phạm
trương,*

*Dao vọng thần tiên phục đế hương.
Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang,
Cửu thiên quy lộ trường.
Tình thâm thiết,
Đối ly tràng,
Phan luyến sứ tình lang.
Nguyện tương thâm ý vị biên cương,
Phân minh tấu ngã hoàng.*

Đại ý:

Chàng Vương Trở Về

*Gió lành, nắng đẹp, căng buồm gắm,
Xa ngóng thần tiên lại đế hương.
Sông nước muôn trùng, vượt biển biếc.
Trời chín tầng, xa biên biệt.
Tình thâm thiết,
Rượu biệt ly.
Lưu luyến vịn xe tình sứ.
Xin râu rõ cùng mình thánh,
Ý tình dằng dặc chốn biên cương.*

Dịch thơ:

*Gió xuân đậm ấm, cánh buồm dương,
Ngóng vị thần tiên lại đế hương.
Non nước nghìn trùng vượt đại dương.
Trời xa bao dặm trường!
Tình thâm thiết,
Chén đưa đường.
Vịn xe sứ giả vẫn cương!*

*Dám xin râu rõ cùng thánh thượng:
Lưu ý chốn biên cương.*

(Trần Thanh Mai)

Sau khi đọc xong bài thơ, Ông Xuyên không đợi chúng tôi hỏi liền giải thích thêm:

- Bài “Vương Lang Quy” thực ra không phải là bài thơ mà là một bài “tù”. Từ chuyên diễn tả tình cảm, và đời Tống là thời kỳ cực thịnh của “tù”.

Nhà Đường nổi danh với Đường thi, nhà Tống nổi danh với những “tù khúc”. Bậc tài danh số một về “tù” là *Tô Đông Pha*. Thơ thường dùng để đọc hoặc ngâm, còn “tù” thì chuyên dùng để ca nên gọi là *Tù Khúc*. Từ cũng vần điệu như thơ, nhưng lời của “tù” thường theo dòng nhạc của bài ca nên thường diu dặt, du dương, biến ảo hơn thơ. Từ vẫn có vần điệu của thơ nhưng số câu và số chữ trong một câu hoàn toàn phóng túng không phải gò bó như thơ. Những bài “tù” thường có nội dung ủy mị, than thở ⁽⁵⁾.

Thấy trời cũng đã ngả chiều tối, chúng tôi đứng dậy xin phép ra về. Bà Xuyên ở trong nhà cũng vội bước ra để cùng tiễn chúng tôi ra tới tận cổng. Ông bà Xuyên cứ khen Thi đẹp và trông hai chúng tôi thật xứng đôi. Ông bà không quên ngỏ lời cảm ơn chúng tôi lần nữa về việc ông bà đã nhờ giúp đỡ.

(5) “*Văn Học Đời Ngô-Lê-Lý*” của tác giả Phạm Khắc Hàm.

Các cô cứ bịn rịn như chưa muốn rời nhau. Tôi phải giục mấy lần mới chịu chia tay.

Ba chúng tôi cùng đạp xe về nhà.■

Vài Hình Ảnh Do Người Viết Chụp:

Múa rối nước



CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-3

ĐÊM SAO



Uyên
Hình minh họa (internet)

Trời bắt đầu ngả tối, chúng tôi lại rủ nhau ra ngoài sân ngồi nói chuyện và không quên đem theo cây đàn “Tây ban cầm” để hát cho nhau nghe. Những câu chuyện vui bên nhà Hội đã được nhắc lại. Chúng tôi không thể không mừng cho Mơ. Một gia đình hạnh phúc đang chờ đón cô trước mặt. Hẳn cô phải có cuộc sống sung sướng bên người chồng thương yêu cô hết mực và được sống yên bình trong gia đình chồng có nhiều cỗi mả, cùng hết lòng che chở cho cô. Chỉ mới ít tháng trước đây thôi, cô lái đò trên suối Yến chùa Hương nghèo khổ đã nghiệm nhiên có được những điều bất ngờ, mà trước đó, chắc cô chẳng bao giờ dám mơ ước tới.

Tôi ngồi nhìn Thi với ánh mắt say đắm. Thi e thẹn ngoảnh mặt đi nơi khác để tránh cái nhìn ấy, miệng tủm tỉm cười. Tôi chợt hỏi:

- Thi, Em có bao giờ ngồi đếm sao không?
- Không ạ!
- Anh chỉ cho em đếm nhé! Đếm theo anh đi!

*Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao
Ba ông sao sáng
Bốn ông sáng sao.*

- Đếm làm gì hở anh?

- Vì “Em đếm được bao nhiêu thì anh sẽ yêu em còn nhiều hơn thế nữa.”

Tôi kéo dài chữ “yêu” ra để trêu nàng. Thi ngồi quay mặt nhìn thẳng vào tôi:

- Anh đếm theo em đi! Nào!

Một ông sao sáng

Hai ông sáng sao

Ba ông sao sáng

Bốn ông sáng sao.

Tôi biết Thi định giở trò gì nên không đếm theo, chỉ ngồi nhìn. Thi giục:

- Đếm đi anh!

Tôi vẫn không đếm, hỏi lại:

- Sao?

- Vì ... Vì ... (Thi che miệng cười) “*Anh đếm được bao nhiêu thì em sẽ “ghét” anh còn nhiều hơn thế nữa.*”

Thi cũng kéo dài chữ “ghét” ra như tôi đã làm với chữ “yêu” trước đó. Tôi và Uyên cùng cười lớn.

Bỗng chúng tôi nghe tiếng ai gọi ngoài cổng. Thi vội chạy phóng ra. Nghe tiếng Thi chào khách:

- Kính chào hai bác! Xin mời hai bác vào nhà chơi ạ!

Thi gọi to về phía chúng tôi:

- Chị Uyên ơi! Hai bác Toàn sang chơi!

Biết là hai ông bà chủ nhà trọ, chúng tôi cùng đứng dậy bước ra chào. Uyên cúi đầu lễ phép:

- Kính chào hai bác ạ!

Tôi cũng cúi đầu chào:

- Kính chào ông bà ạ!

Ông bà Toàn tươi cười chào lại rồi cùng bước vào sân. Ông lên tiếng:

- Hai bác “phá đám” các cháu phải không? Chắc các cháu đang nói chuyện gì vui nên hai bác nghe thấy tiếng cười to lắm.

Chúng tôi đưa hai ông bà vào nhà. Ông Toàn vội nói ngay:

- Thôi khỏi vào nhà! Cho hai bác hai cái ghế. Đem lại đặng bàn kia ta ngồi nói chuyện chung với các cháu cho mát. Ngồi chơi một chốc rồi hai bác phải về.

Chúng tôi nhìn nhau chưa dám quyết định thế nào. Ông quay sang Thi:

- Vào trong nhà lấy cho bác hai cái ghế ra đây!

Thi ngập ngừng nhìn hai chúng tôi như hỏi ý rồi mới chạy đi lấy ghế ra mời ông bà ngồi. Thi đứng cho tới khi ông bà ra dấu cho phép nàng mới dám ngồi xuống.

Ông chủ quay sang Uyên:

- Hai bác đi vắng. Lúc về thấy thằng Hiếu đưa bức thư của bố mẹ cháu gửi cho hai bác mời về ăn giỗ. Em Hiếu nói chị Uyên và chị Thi đem sang.

Uyên thưa:

- Vâng ạ! Chúng cháu sang thăm hai bác nhưng hai bác lại vắng nhà.

Uyên nói thêm:

- Em Hiếu bây giờ đã lớn quá rồi ạ!

Bà Toàn xen vào:

- Ủ, thằng Hiếu nhà bác, nó thua tuổi cháu Thi đây đâu hai tuổi. So với cháu Thi thì nó còn ngờ nghệch, ham chơi lắm.

Ông Toàn nhìn vợ:

- Con gái bao giờ cũng trưởng thành sớm hơn con trai mà!

Ông quay sang Thi, rồi nói với Uyên:

- Nhanh thế đấy! Cháu Thi lúc còn ở chung với hai bác, sáng nào bác cũng phải chở hai chị em nó đi học, cho tới khi Thi nó dọn sang bên đây ở riêng theo đề nghị của bố mẹ cháu mới thôi.

Ông nói tiếp:

- Hồi đó, thằng Hiếu hôm nào cũng bắt chị Thi phải đợi. Mắng nó thế nào cũng vẫn “chứng nào tật nấy”. Quay đi quay lại chúng nó đã lớn cả rồi đấy. Chẳng mấy chốc...

Bỏ lửng câu nói, ông quay sang tôi và Thi:

- May có cháu Nam đây! Hai cháu thân nhau nên bác cũng an tâm!

Ông hỏi tôi:

- Bác nghe nói hôm giỗ này có bố mẹ cháu cũng sang dự phải không?

Không đợi tôi trả lời, ông nói với Uyên:

- Cháu về thưa với bố mẹ, hai bác sẽ về nhé! Cũng đã lâu lắm rồi ... Hai bác đi làm ăn xa quên cả làng xóm!

Bà Toàn nhìn Thi tủm tủm cười:

- Bố mẹ cháu đã có lời mời, hai bác không về sao được! Chắc phải có chuyện gì đặc biệt lắm đây!

Thi cúi mặt e thẹn. Bà nói với Uyên:

- Cháu về nhắn dùm, hai bác gửi lời cảm ơn bố mẹ cháu!

Bà nhìn tôi một cách tò mò không nói gì, chỉ tủm tủm cười.

Uyên nhanh nhẩu trả lời:

- Thưa vâng ạ!

Nàng khéo léo tiếp:

- Em Thi cháu may mắn được hai bác chăm nom cho. Bố mẹ cháu cứ nhắc tới ơn của hai bác.

Ông Toàn xua tay:

- Ôn nghĩa gì! Hai bác và bố mẹ cháu là chỗ thân tình mà. Hai bác coi cháu Thi đây như con cái trong nhà. Thấy cháu Nam (ông quay sang tôi) là người

đứng đắn lại là người cùng làng nên thấy hai đứa thân nhau hai bác cũng mừng.

Ông quay sang Thi:

- Cháu Thi có óc tự lập từ bé! Cái gì cũng làm lấy được cả, lại còn giúp hai bác việc nhà nữa thì có. Sống xa cha mẹ thì tập được cái tính tháo vát. Tốt lắm!

Thi xin phép vào nhà bùng nước ra mời. Uống xong tách nước trà, thêm vài ba câu chuyện ngắn, hai ông bà đứng dậy ra về. Ông bà không quên gửi lời hỏi thăm bố mẹ tôi. Chúng tôi đưa ông bà ra tới cổng rồi mới quay vào.

Uyên nhìn Thi tùm tùm cười:

- Thế là chuyện của hai người đã được “loan báo” chính thức rồi đấy. Chắc bố mẹ mình đã nói chuyện này với hai bác trong thư.

Bổng Uyên vỗ vai Thi:

- Hay bố mẹ mình muốn nhắc khéo từ đây hai bác không cần phải viết thư “báo cáo” về cô con gái yêu đi học xa nhà nữa đấy?!

Chúng tôi cùng cười. Trong cái cười của Thi mang chút gì e lệ.

Sau khi thêm vài câu chuyện gẫu, thấy Uyên còn phải về lại Sơn Tây ngày mai nên tôi dục Uyên đi ngủ. Chúng tôi cũng sẽ đưa nạng ra bên xe sớm mai trước khi đến trường.

Còn lại hai đứa, Tôi nhìn Thi âu yếm, nắm nhẹ bàn tay nàng thủ thủ:

- Chúng ta sẽ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi em nhé!

Thi e then cúi xuống rồi ngừng lên nhìn tôi mỉm cười trong ánh mắt hân hoan.

Tôi nói nhỏ bên tai Thi:

- Anh yêu em!

Thi cúi xuống cười nhỏ:

- Em ghét anh!

Tôi nhẹ kéo Thi sát về phía mình:

- Anh “ghét” em còn nhiều hơn thế nữa! Chữ “ghét” tôi hơi kéo dài ra.

Hai chúng tôi cùng cười.

- Chúc em ngủ ngon!

- Chúc anh ngủ ngon!

Thi nhẹ đẩy tôi ra xa hơn một chút, chột hỏi:

- Mai anh muốn ăn gì để em nấu?

Tôi trả lời ngay:

- Gà kho gừng!

Thi cười khúc khích:

- Em biết rồi! Thức ăn của Mẹ nấu ngon hơn phải không? Anh rán chịu khó chờ cho tới khi em biết nấu ngon hơn nhé!

Thi nhõng nhẽo:

- Mà, gà kho gừng Mẹ gửi lên cho cũng sắp hết rồi đấy! Muốn ăn gì anh phải nói chứ! À, mà anh giỏi nấu ăn mà. Anh phải dạy em đấy!

Tôi không trả lời Thi, chỉ hôn nhẹ lên mái tóc nàng rồi đi về cuối sân, “phóng” lên phòng mình trên gác. Tôi nhìn xuống sân, hai tay làm “ống loa” nói vọng xuống to đủ nàng nghe:

- Anh “ghét” em nhiều lắm!

Thi đứng dưới sân cũng dùng hai tay làm “ống loa” nói vọng lên chỉ đủ tôi nghe:

- Em cũng “ghét” anh!

Cả hai cùng cười.

Bước vào phòng, lòng tôi lâng lâng với niềm hạnh phúc vô biên!

Tôi không bật đèn, đứng trong bóng tối nhìn qua cửa sổ, ngắm những ngôi sao lấp lánh trên trời cao... Sao tôi bỗng thấy nhớ thương!

*Buồn trông chênh chếch sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ.*

(Ca dao)

Bên lề bài viết xin mời xem:

Tây Hồ Hoài Cổ

<https://www.youtube.com/watch?v=wpnlG--lgqA>

VỊNH TÂY HỒ

Dập dìu trắng mạn gió lèo,
 Lòng ngâm vãn thủy lôi chèo yên ba.
 Cảnh Tây hồ khen ai khéo đặt,
 Trong thị thành riêng một áng lâm tuyền.
 Bóng kỳ đài giăng mặt nước như in,
 Tàn thảo thụ lum xum toà cổ sát.
 Chiếc cô vự, mảnh lạc hà bát ngát,
 Hởi năm nao vũ quán điệu đài.
 Mà cỏ hoa man mác dấu thương đài,
 Để khách rượu làng thơ ngơ ngẩn.
 Yên tiêu Nam quốc mỹ nhân tận,
 Oán nhập đông phong phương thảo đa.
 Đồ thiên nhiên một áng yên ba,
 Để khiến hứng câu thơ chén rượu.
 Buồm nửa lá trắng thanh gió dịu,
 Chiền đâu đây một tiếng chuông rơi.
 Tây Hồ cảnh biết mấy mươi.

(Nguyễn Công Trứ)

vân thủy : mây nước – yên ba : khói sóng – lâm
 tuyền : rừng và suối, chỉ nơi ẩn dật – kỳ đài : cột cờ
 – thảo thụ : cỏ cây – cổ sát : chùa cổ (Trần quốc)
 – cô vự : con cò lẻ loi – lạc hà : ráng chiều – vũ
 quán : quán múa hát – điệu đài : đài câu cá – thương
 đài : rêu xanh – Yên tiêu Nam quốc mỹ nhân tận :
 hương tàn người đẹp phương Nam hết –
 Oán nhập đông phong phương thảo đa : Buồn thấy
 gió đông thổi vào cỏ thơm nhiều – áng yên ba : đám
 khói sóng. (Nguồn: từ internet)■

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-4

PHỤ LỤC

A. SƯ QUÂN ⁽¹⁾

Cục diện của các sứ quân

Trong thời kỳ Ngô Quyền giành lại độc lập cho đất nước năm 938, để lập nên nền độc lập tự chủ đầu tiên trên đất nước ta, các thế lực địa phương đã cùng ủng hộ, tham gia trong việc chiến đấu chung chống giặc và phục vụ cho vương triều nhà Ngô *bởi uy tín lẫn tài thao lược cá nhân* của Ngô Quyền.

(1) PHỤ LỤC A: Được lược trích trong “Nhìn Lại Sử Việt” của Lê Mạnh Hùng để độc giả tiện tham khảo.

Khi vua Ngô Quyền mất, vương triều nhà Ngô suy yếu đi bởi sự soán nghịch của Dương Tam Kha. Mầm mống sứ quân đã bắt đầu xuất hiện trở lại chứ không phải đợi tới khi Ngô Xương Văn (con vua Ngô Vương Quyền) chết mới có. Những sứ quân ấy có nhiều người đã từng là thuộc hạ của Ngô Quyền theo đánh quân Nam Hán, hay những quan chức đã tham chính trong triều đình nhà Ngô. Họ thuộc giới quan lại, quý tộc hay lãnh chúa *có thể lực riêng trước đó* chứ không phải xuất thân đột ngột từ giới nông dân nổi lên như trường hợp của Đinh Bộ Lĩnh.

- Ngay thời còn nhà Ngô, Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn (Hai con của Ngô Quyền / Ngập là anh, Văn là em) đã phải vất vả đi đánh dẹp khắp nơi. Kết quả, Ngô Xương Văn đã chết trong trận chiến chống nội loạn nổi lên ở Thái Bình.

- Con số 12 sứ quân đây chỉ là con số tượng trưng vì trên thực tế chắc còn nhiều hơn thế nữa mà sách sử không nêu thêm ra, như thế lực của Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư không được liệt kê trong danh sách 12 sứ quân. Tuy nhiên, vào thời gian này, lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh cũng đã mạnh lắm rồi. Đó là một thí dụ điển hình. Có thời kỳ cả Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đích thân đem quân tiến đánh Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư mà không thắng được, phải rút về.

Danh sách 12 Sứ quân

1) Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam Chế chiếm giữ Phong Châu (nay thuộc Bạch Hạc, Vĩnh Yên.)

2) Kiều Thuận, em ruột Kiều Công Hãn, xưng là Kiều Lệnh Công, giữ đất Hồi Hồ (nay thuộc huyện Cẩm Khê, Phú Thọ.)

3) Nguyễn Khoan, xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ đất Nguyễn Gia Loan (nay thuộc huyện An Lạc, Vĩnh Yên.)

4) Nguyễn Thủ Tiệp, xưng là Nguyễn Lệnh Công, giữ đất Tiên Du, Bắc Ninh.

5) Nguyễn Siêu, xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ đất Phù Liệt (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Đông).

6) Lý Khuê, xưng là Lý Lãng Công, giữ Siêu Loại (nay thuộc Thuận Thành, Bắc Ninh).

7) Lữ Đường xưng là Lữ Tá Công, giữ Tề Giang (nay thuộc Văn Giang, Hưng Yên).

8) Phạm Bạch Hổ, xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu (nay thuộc Kim Động, Hưng Yên).

9) Trần Lãm, xưng là Trần Minh Công, giữ Bồ Hải Khẩu, Thái Bình.

10) Ngô Nhật Khánh, xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm, Sơn Tây.

11) Ngô Xương Xí, con Ngô Xương Ngập, giữ Bình Kiều.

12) Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công, giữ Đỗ Động (nay thuộc Thanh Oai, Hà Đông).



*Nguồn bản đồ: "Tầm nhìn chiến lược của Đinh Bộ Lĩnh"
của Phạm Như Thom.*

Vài nét đặc thù về 12 sứ quân

- Đa số các sứ quân tập trung ở Phong Châu và Giao Châu tức vùng trung du và đồng bằng sông Hồng như những tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ, Hà Đông, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hưng Yên, Thái Bình ngày nay, mà không nhắc gì đến vùng phía nam của Hoa Lư là Ái Châu và Hoan Châu tức Thanh Hóa-Nghệ An ngày nay.

Lực lượng và vùng ảnh hưởng của các sứ quân *không lớn lắm*, có thể chỉ là vài huyện hay vài làng chia nhau trong cùng một tỉnh:

- Kiều Công Hãn, Nguyễn Khoan cùng nổi lên ở Vĩnh Yên.

- Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Khuê cùng nổi lên ở Bắc Ninh.

- Nguyễn Siêu, Đỗ Cảnh Thạc cùng nổi lên ở Hà Đông.

- Lữ Đường, Phạm Bạch Hổ cùng nổi lên ở Hưng Yên

- Vài sứ quân lại có *quan hệ* mật thiết với nhau:

- Kiều Công Hãn và Kiều Thuận *cùng là cháu nội* của Kiều Công Tiễn, người đã giết Dương Diên Nghệ. Về sau Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết đi nhưng cả hai người cháu này vẫn được làm quan dưới triều Ngô.

- Nguyễn Khoan, Nguyễn Tiệp, Nguyễn Siêu là ba *anh em ruột*.

- Ngô Xương Xí và Ngô Nhật Khánh là *dòng tộc nhà Ngô*.

- Vài sứ quân đã từng trong cùng phe nhóm đem Ngô Xương Ngập đi trốn về Nam Sách (Hải Dương) khi Dương Tam Kha đoạt ngôi nhà Ngô như Kiều Thuận, Kiều Công Hãn, Đỗ Cảnh Thạc, Ngô Nhật Khánh và Phạm Bạch Hổ *đều là quan trong triều Ngô*.

Tiến trình cuộc chinh phạt

Trong chính sử thì không thấy nói đến tiến trình chinh phạt này. Nhưng một một số sử gia đã từng phân tích và phỏng đoán dựa trên cơ sở lý luận để cho ta một số dữ kiện có thể tạm dùng trong việc truy tìm một *sự thật gần đúng nhất*:

- Lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh vào lúc 12 sứ quân nổi lên đã mạnh lắm rồi. Đinh Bộ Lĩnh được đông đảo dân chúng trong vùng hưởng ứng và ủng hộ, trong đó có nhiều người tài giỏi như Phạm Hạp, Lê Hoàn, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ...

Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đích thân đem quân triều đình đi đánh mà không dẹp được. Có thể lúc này Đinh Bộ Lĩnh đã chiếm lĩnh hay ít ra đã tạo được ảnh hưởng mạnh ở Thanh Hóa và Nghệ An qua ảnh hưởng của cha ông là Đinh Công Trứ đã từng là thứ sử ở vùng này.

- Sự gia nhập của Đinh Bộ Lĩnh vào lực lượng của Trần Lâm ở Thái Bình dưới hình thức làm con

nuôi, nhưng đúng thực ra đó là một liên minh quân sự giữa hai lực lượng với nhau. Nay, Đinh Bộ Lĩnh đã có trong tay vùng đất của Trần Lãm là Bồ Hải Khẩu (Thái Bình), cửa sông thông ra biển, một địa bàn kinh tế quan trọng kể cả về nội thương lẫn ngoại thương. Vừa có lực lượng quân sự mạnh, vừa có nền kinh tế thuận lợi, lại có nguồn cung cấp nhân lực từ hậu cứ thuộc hai châu Ái và Hoan cung cấp cho chiến tranh. Đinh Bộ Lĩnh đã có đủ điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa để xuất quân chinh phạt các sứ quân khác.

(Khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp được loạn sứ quân lên ngôi Hoàng đế, Trần Lãm được phong làm Phụ Dực Quốc Chính Thượng Công. Em Trần Lãm là Trần Thăng được Bộ Lĩnh gả con gái là công chúa Minh Châu cho và sau được phong là Phò mã đô úy.)

- Sứ quân Phạm Bạch Hổ, chiếm giữ Đằng Châu (Hưng Yên). Đằng Châu nằm ở ngay bờ sông Hồng, phía trên Bồ Hạ Khẩu. Kinh tế của Đằng Châu phụ thuộc vào Bồ Hạ Khẩu. Đinh Bộ Lĩnh đóng ở Bồ Hạ Khẩu như bóp nghẹt yết hầu kinh tế của Phạm Bạch Hổ. Khi Đinh Bộ Lĩnh xuất quân, việc đầu tiên là tiến đánh Đằng Châu. Phạm Bạch Hổ phải ra hàng. Đó là chiến thắng đầu tiên của Đinh Bộ Lĩnh.

- Sau khi Phạm Bạch Hổ đầu hàng. Đinh Bộ Lĩnh liền tấn công những sứ quân thuộc dòng họ nhà Ngô. Ngô Nhật Khánh phải xin hàng.

- Tiếp đó Đinh Bộ Lĩnh đánh Kiều Công Hãn ở Phong Châu (Bạch Hạc, Vĩnh Yên ngày nay). Kiều Công Hãn chạy xuống phối hợp với Ngô Nhật Khánh. Được tin Nhật Khánh đã đầu hàng. Công Hãn tiếp tục chạy xuống tới Ninh Bình thì chết.

- Bộ Lĩnh sai Nguyễn Bặc dẹp ba anh em họ Nguyễn và tự mình tiếp tục đi dẹp những sứ quân khác.

Thế là chỉ trong vòng 3 năm, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan 12 sứ quân vào năm 968 để lên ngôi Hoàng đế, lấy quốc hiệu *Đại Cồ Việt*, đóng đô ở Hoa Lư.

GHI CHÚ THÊM: Khi vua Đinh Tiên Hoàng mất. *Ngô Nhật Khánh* sang cầu viện nước Chiêm sang đánh ta. Chiêm Thành đem 1000 chiến thuyền sang toan tính tiến chiếm Hoa Lư. Nhưng khi vừa tới cửa biển sông Đáy đổ vào Hoa Lư thì bị bão đánh chìm tất cả chỉ trừ vua Chiêm chạy thoát. Ngô Nhật Khánh chết trong trận bão này.

B. LÊ ĐẠI HÀNH ⁽²⁾

Một vài việc làm của vua Lê Đại Hành được coi như *xảy ra lần đầu tiên ở nước ta*.

*- Vị vua đầu tiên đi cày “*tịch điền*” (Đinh Hợi - 987) ở cánh đồng dưới chân núi Đọi. Sự kiện này mở ra thông lệ nhà vua đích thân xuống ruộng đi

⁽²⁾ PHỤ LỤC B: Được lược trích trong “*Việt Sử Những Dấu Ấn Đầu Tiên*” của Lê Thái Dũng.

cày hàng năm để khuyến khích phát triển nông nghiệp.

*- Vị vua đầu tiên có tục *phong Vương và phong đất cho con* để giữ những nơi hiểm yếu. Chính vì vậy, khi vua Lê Đại Hành vừa băng hà thì các Vương đem quân chém giết lẫn nhau dẫn đến sự việc nhà Tiền Lê không giữ ngôi báu được bao lâu thì lại rơi vào tay người khác.

*- Vị vua đầu tiên *đặt nhiều niên hiệu*. Khi vua Lê Đại Hành lên ngôi, tiếp tục dùng niên hiệu của Đinh Phế Đế (Đinh Toàn) trong 8 năm (980-988).

- Đổi niên hiệu là Hưng Thống vào tháng Giêng năm Kỷ Sửu (989-993)

- Đổi niên hiệu là Ứng Thiên vào tháng Giêng năm Giáp Ngọ (994). Niên hiệu này được dùng cho đến khi ngài mất.

*- Vị vua đầu tiên có *tôn hiệu* dài.

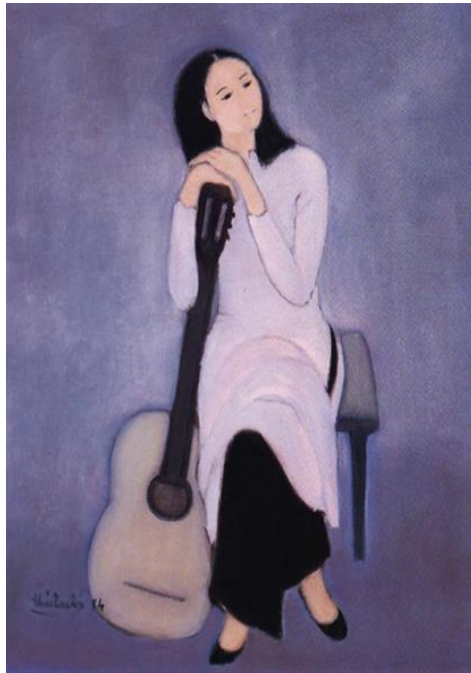
- Đinh Tiên Hoàng sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, được bầy tôi dâng tôn hiệu là *Đại Thắng Minh Hoàng Đế*.

- Lê Đại Hành sau khi thắng quân Tống, được bầy tôi dâng tôn hiệu là *Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thắng Bình Chí Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế* ⁽³⁾.

*- Vị vua không có *thụy hiệu* khi chết.

(³) Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Thông thường khi vua chết thì con cái đặt thụy hiệu cho cha. Nhưng khi vua Lê Đại Hành mất, các con đem quân tranh dành ngôi báu liên tục trong 8 tháng nên không người con nào đặt thụy hiệu cho cha. Thụy hiệu có hai loại: *công thụy* và *tư thụy*. Công thụy do vua hay triều đình đặt ra để tránh gọi tên thật, tư thụy là tên do con cháu, bạn bè, môn đồ đặt cho khi chết. Như Lê Hoàn có công thụy là Đại Hành Hoàng Đế, tư thụy của ngài khi chết không có nên dùng công thụy của ngài thay vào. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có phê phán “*Vì Ngọa Triều là đứa con bất hiếu (không giống cha), lại không có bề tôi Nho học giúp đỡ bàn về phép đặt thụy cho nên thế*”.■



CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-1

VÀI NÉT VỀ DÂN NHẠC VIỆT NAM

*(Để tưởng nhớ cố giáo sư Trần Văn Khê
và cố nhạc sĩ Phạm Duy)*

Lời tác giả: Bài này được viết dưới hình thức truyện ngắn để tránh ngộ nhận đây là một bài khảo cứu về âm nhạc Việt Nam, một lãnh vực mà người viết không am tường.

Nhận được thư Uyên, nàng cho biết sẽ ghé về Hà Nội thăm chúng tôi vào áp cuối tuần này. Tin đó làm Thi háo hức chờ đợi mấy hôm nay mong gặp lại người chị thân yêu của mình. Tính ra, chúng tôi đã không gặp lại Uyên từ cả tháng nay rồi.

Không phải chỉ mình Thi háo hức mà ngay cả chính tôi cũng muốn gặp lại Uyên. Tôi vẫn coi Uyên như một người em vì nàng ít tuổi hơn, và tôi cũng còn coi nàng như một người bạn thân thiết vì chúng

tôi quen biết nhau từ thuở nhỏ và có cùng một sở thích giống nhau.

Uyên có cái đam mê của riêng mình, đó là sự ham học hỏi; sẵn sàng thu nhận những kiến thức mới mà không có thành kiến trước, kể cả những vấn đề có thể dễ gây ra tranh cãi. Ý kiến nàng đưa ra thường dựa trên cơ sở lý luận thận trọng chứ không hời hợt hay phỏng đoán. Những đặc tính ấy của Uyên làm cho những người đối thoại với nàng luôn cảm thấy dễ chịu.

Ngay từ sáng sớm, Thi đã nhắc nhở tôi đến đón nàng ở nơi hẹn sau giờ tan học để tiện đường cùng ra bên xe khách Sơn Tây - Hà Nội đón Uyên chiều nay.

Chiều Hà Nội, trong giờ tan sở, đường phố có nhiều xe cộ và người đi lại tấp nập ở vùng trung tâm thành phố. Tiếng tàu điện leng keng, còi xe inh ỏi. Chúng tôi phải cố gắng lắm mới có thể đạp xe song song bên nhau. Ra khỏi khu trung tâm thành phố, đường phố bớt đông đúc nên chúng tôi mới có thể nói chuyện với nhau dễ dàng hơn.

Nhìn Thi qua dáng người thon thả với tà áo dài trắng học trò đang bay nhẹ ra phía sau làm tôi liên tưởng tới những hôm chúng tôi cùng từ Hà Nội về quê thăm nhà.

Trên con đường cái dài vắng vẻ dẫn từ đường liên tỉnh vào làng, chúng tôi đi bộ bên nhau giữa cánh đồng lúa xanh bát ngát. Hai tà áo dài của Thi

bay bay theo từng cơn gió nhẹ, đôi khi chúng cuốn vào cánh tay tôi làm tôi có cảm giác man mát, mơn trớn nơi cánh tay ấy. Những lúc như thế, trong lòng tôi xao xuyến, muốn dùng chân nắm lấy hai bàn tay êm ái và đặt lên má nàng một nụ hôn. Chỉ là ước mơ thôi vì tôi chưa bao giờ thực hiện được điều đó trong hoàn cảnh ấy. Thế mà hôm nay đạp xe bên Thi, tôi đã có thể nghĩ về một ngày, chúng tôi sẽ cùng được chung sống trong một mái ấm gia đình.

Đạp xe bên nhau, chúng tôi toàn nói chuyện chẳng đâu ra đâu và cũng chẳng đâu vào đâu. Ấy vậy, mà cả hai cùng cảm thấy con đường dài trở nên ngắn hơn. Rồi cuối cùng, chúng tôi cũng đã tới bến xe. Bến xe tuy vào buổi chiều nhưng vẫn còn khá tấp nập.

Chờ đợi không bao lâu thì chiếc “xe khách” của Uyên cũng đã tới. Uyên từ trong xe, thò tay ra khỏi cửa sổ vẫy gọi. Thi vội vàng phóng xe đạp về hướng đó để đón chị. Tôi cũng đạp nhanh theo.

Uyên bước xuống xe với chiếc va-li nhỏ và một cái “bị cói” (bị làm bằng sợi cói) xách tay trông ra có vẻ khá nặng. Tôi chạy lại đỡ lấy chiếc bị trên tay Uyên, còn Thi đỡ chiếc va-li cho chị. Chẳng phải đoán già đoán non, tôi cũng biết trong bị có một quả mít chín bởi mùi thơm của nó. Uyên đứng chờ lấy chiếc xe đạp của nàng đang được anh “lơ xe” (phụ tài) đem từ nóc xe xuống.

Trên đường về, chúng tôi đạp xe bên nhau. Bị mít trong giỏ xe phía trước, với sức nặng của nó, đôi

khi làm tay lái của tôi bị chao đi mỗi khi quẹo gắt hay tránh vội người băng qua đường.

Càng vào gần trung tâm thành phố, xe cô càng trở nên đông đúc hơn. Tuy trời vẫn còn sáng nhưng đèn đường cũng đã được bật lên trên vài con phố chính. Sinh hoạt về đêm gần như đã bắt đầu.

Chẳng bao lâu chúng tôi cũng về tới *nhà trọ học* trước khi trời tối hẳn.

Mỗi khi có Uyên lên chơi, sau những bữa cơm chiều, cả ba chúng tôi thường ra ngồi bên chiếc bàn con kê dưới dàn cây leo trong sân để chuyện trò. Tối nay không có ánh trăng như những lần trước nhưng ánh đèn đường hắt vào chỗ chúng tôi ngồi cũng đủ sáng thay cho ánh trăng kia. Tuy vậy, tôi cũng thắp thêm một ngọn nến để khung cảnh thêm phần lung linh, huyền ảo và nên thơ hơn.

Dưới ánh sáng lung linh của cây nến, hai cô gái trông đẹp và lộng lẫy hẳn lên. Nước da trắng mịn với đôi mắt đẹp long lanh trong sáng của Thi đã làm nổi bật lên sự thông minh và tinh khiết của nàng.

Thi “điện” ngay chiếc áo cánh bằng tơ tằm màu vàng óng ả do chị Thìn tôi mới nhờ Uyên mang gửi tặng cho. Lại thêm chiếc “kiềng bạc” (vòng bạc) đeo cổ, mẹ tôi đã cho Thi nhân dịp đầu năm. Thi vừa mang hình ảnh của một cô gái miền quê xinh xắn, lại vừa mang dáng dấp thanh lịch của một thiếu nữ tỉnh thành. Cách trang phục, quả thật có ảnh hưởng

không ít tới vẻ đẹp của người phụ nữ, nhất là đối với những cô gái đang ở tuổi mơn mớn dậy thì như Thi.

Uyên cũng nhận ra ngay vẻ đẹp của em, nàng buột miệng:

- Cô em của chị đêm nay đẹp quá! Đẹp như cô dâu sắp về nhà chồng ấy!

Thi tỏ ra bẽn lẽn trước lời khen của chị.

Những múi mít vàng đưng trong đĩa được bày trên bàn đưa mùi thơm ngát. Chúng tôi thưởng thức những múi mít chín cây, vừa giòn, vừa ngọt, lại không dính tay. Tôi nhớ lại câu chuyện “ôi nhân thịt” (quả ổi có con sâu bên trong) hôm nọ, hỏi đùa Thi:

- Có “mít nhân thịt” không em?

Thi bụm miệng cười:

- Mít không có sâu, ổi mới có sâu!

Uyên và tôi cùng cười khi nghe câu trả lời của Thi.

Bỗng Thi dơ một múi mít lên cao khỏi đầu hỏi:

- Em đọc sách thấy có câu người ta ví người con gái cứ “*thơm như múi mít*” nghĩa là làm sao? Con gái sao lại được ví thơm như “múi mít”, con gái thơm như “mùi mít” mới đúng chứ!

Tôi cúi xuống tùm tùm cười, đưa một tay lên đầu gãi gãi vài cái như tỏ ý: thật là một câu hỏi vớ vẩn.

Uyên cũng chúm chím cười. Nàng ngẩng mặt lên trời như suy nghĩ một chút rồi mới trả lời cô em:

- Thi nói đúng rồi! Phải là thơm như “múi mít” mới đúng. Nhưng ở đây, người ta dùng thể tượng hình để ví người con gái như “múi mít”. Nó vừa thơm ngon, vừa óng ả đẹp để đáng yêu.

Tôi nhìn Uyên một cách thán phục về câu trả lời ấy. Uyên quay lại nói với tôi và cũng để Thi nghe:

- Thi nó sống hồn nhiên và bình an như hơi thở vậy!

Tôi nói tiếp theo ngay sau lời nhận xét ấy của Uyên:

- Uyên nói đúng đấy! Thi cũng là hơi thở bình an của chính bản thân anh.

Thi nhìn tôi với ánh mắt cảm động và đầy yêu thương. Im lặng một lúc, Thi mới ôm cánh tay tôi, quay sang không nhìn chệch với lời phân bua:

- Chị đừng tin anh Nam! Anh ấy hay “nịnh” em bằng những lời như thế. Em nghe quen rồi!

Sau câu nói đó, Thi tựa đầu vào vai tôi. Bất chợt nàng thối mạnh vào tai tôi rồi bỏ chạy vào nhà. Thi nói với lại:

- Để em mang nước trà ra uống và mang cây đàn ra cho chị Uyên hát nhé!

Thi quay trở lại với ấm nước trà và một cây đàn “Tây ban cầm” tôi thường đánh. Uyên cũng đứng

lên, đi vội vào trong nhà tiếp tay Thi đem ra mấy cái tách nhỏ.

Thế là không khí nói chuyện, ăn mứt đã chuyển sang không khí văn nghệ.

Chúng tôi thay phiên đánh đàn và hát cho nhau nghe. Uyên hát thật hay. Giọng nàng trong trẻo, lúc trầm ấm, lúc cao vút. Tiếng hát trầm bổng, luyến láy, du dương của nàng có khả năng đưa tâm hồn, cảm xúc của người nghe vào cõi thật xa xăm, bay bổng. Thi hát cũng hay nhưng không thể sánh được với Uyên.

Tôi ngồi đánh đàn cho Thi hát, tôi lại nhớ về một câu chuyện hôm nào mà tôi chưa có dịp kể lại cho Uyên nghe.

Hôm ấy, cách đây đâu ba tuần lễ thì phải, tôi và Thi cùng được mời tới dự một buổi tiệc sinh nhật của một cô bạn cùng lớp với Thi. Chúng tôi đã phải mất gần nửa ngày trời, Thi mới chọn được món quà mừng vừa ý.

Cũng như mọi buổi họp mặt mừng sinh nhật khác, bao giờ cũng bắt đầu bằng một vài lời tuyên bố lý do, chúc tụng rồi tới phần ăn uống và cắt bánh. Phần cuối chương trình được dành cho văn nghệ “bỏ túi” trong vòng thân mật. Buổi mừng sinh nhật hôm đó cũng không ra ngoài thông lệ.

Buổi sinh nhật rất vui, sống động và tự nhiên vì đa số những người tham dự đều là những người bạn

học cùng lớp với nhau. Nếu kèm theo, chỉ là vài ông anh hay bạn trai của mấy cô trong số đó.

Thì cứ chạy lăng xăng với mấy cô bạn học, để mặc tôi ngồi một mình. Thỉnh thoảng mới chạy lại ngồi với tôi dăm ba phút rồi lại bỏ đi. Tới phần văn nghệ, sinh hoạt buổi tiệc trở nên sống động hẳn lên. Vài cô đã lần lượt lên hát giúp vui.

Bỗng tiếng hát của Thi chọt vang lên từ phía “sân khấu” (tạm gọi là sân khấu cho oai). Tôi nhòm người lên hướng nhìn về phía nàng. Thi vừa hát vừa chăm chú hướng nhìn và vẫy tay về phía tôi như tỏ ý nàng hát chỉ để tặng cho riêng tôi. Trông Thi thật duyên dáng làm sao. Tôi mỉm cười tự hào. Đứng sát đằng sau Thi là một thanh niên đệm đàn “Tây ban cầm” cho Thi hát, một anh chàng khá đẹp trai có dáng vẻ hào hoa và lịch lãm.

Tôi phải công nhận là Thi hát thật hay. Hay trội hẳn lên so với những cô khác vừa mới trình diễn trước đó.

Thi vừa hát xong, nàng chạy ngay lại ôm lấy cánh tay tôi.

- Em hát có được không? Em hát tặng anh bài đó đây! Em không cho anh biết trước vì em muốn làm anh bất ngờ.

Tôi vuốt tóc Thi nói nhỏ:

- Em hát hay lắm! Hát hay như chưa bao giờ hát hay như thế! Anh cảm ơn em đã hát tặng anh!

Thì cảm động nhí nhảnh ghì chặt cánh tay tôi.

Một cô bạn thân của Thì, tên Trang, ngồi cùng bàn bật đứng dậy nắm tay tôi và Thì kéo lên “sân khấu” giới thiệu:

- Xin giới thiệu với các anh chị và các bạn. Anh Nam cùng bạn Thì sẽ song ca một bản nhạc giúp vui cho đêm nay.

Mọi người vỗ tay. Những câu đối thoại, cười đùa lao xao trong đám bạn học của Thì ngồi tùm tùm cùng bàn kê gần ngay đó.

- Anh con Thì đẹp trai nhì!

- Có vẻ là người yêu của con Thì thì đúng hơn chúng mày ạ!

- Tao có thấy con Thì nói nó có người yêu bao giờ đâu! Nó bé nhất lớp mà!

- Nó lại phải khai với tụi mình à! Thối thế!

- Nếu “hắn” là anh nó, tao xí phần!

Sau câu nói đó cả bọn cùng cười khúc khích.

Một cô đưa ngón tay lên môi “suyt suyt” mấy cái để cả đám giữ im lặng:

- Chúng mày có im ngay đi không! Để tao còn nghe hát chứ!

Tôi chỉ mỉm cười khi nghe thấy vài câu lao xao ấy. Chắc hẳn Thì cũng đã nghe như thế.

Thì cứ nắm chặt lấy bàn tay tôi một cách lo lắng vì sự giới thiệu của Trang thật bất ngờ cho cả hai

chúng tôi. Tôi mượn cây đàn “Tây ban cầm” để đệm và cùng hát với Thi một bản nhạc đang thịnh hành. Bản nhạc này chúng tôi đã thường hát với nhau ở nhà nên cũng không bị lúng túng lắm.

Thi đã lấy lại được bình tĩnh và tỏ ra có tự tin hơn. Tôi đứng hát bên Thi với trọn trái tim mình. Chắc Thi cũng thế. Hai tâm hồn, hai trái tim đương độ yêu nhau nên đã xuất thần, cả hai tiếng hát đã nhanh chóng trở nên nồng nàn, tha thiết, quyến vào nhau đầy đam mê, quyến rũ. Cả phòng yên lặng lắng nghe. Gian phòng chỉ còn lại hai tiếng hát vượn lên trong lời nhạc yêu đương tình tứ, hòa trong âm thanh của tiếng đàn lúc trầm bổng, lúc sôi nổi mà tôi đang say sưa đánh.

Khi chúng tôi vừa dứt câu hát cuối cùng của bài hát, cả phòng đứng lên vỗ tay cuồng nhiệt. Chúng tôi tự biết là cả hai đã hát và đã diễn tả bản nhạc này thật trọn vẹn trong đêm nay.

Thi được vỗ tay nhiều nên cứ nín lấy cánh tay tôi mà nhảy lên như đứa trẻ con. Các cô bạn cùng lớp của Thi cũng chạy tới ôm lấy Thi và không quên khen tôi hát hay và đánh đàn giỏi.

Chúng tôi trở lại bàn. Trang vẫn ngồi đó vỗ tay khen thưởng tiếp.

Tôi nhớ lại đêm đó như một kỷ niệm vui.

Và cũng từ sau hôm ấy, Thi cảm nhận được một điều rất quan trọng là tôi không muốn nàng đi hát ở ngoài như thế nữa. Tôi tự biết, tôi đã ích kỷ với nàng

một cách vô lý nhưng điều đó thật cần thiết đối với tôi.

Chúng tôi tạm ngưng hát để quay sang ăn mít, những múi mít giòn, thật ngon và ngọt. Như nhớ một điều gì, Uyên sững nhìn tôi rồi chợt lên tiếng:

- Hôm đi chơi Hoa Lư, nhân nghe cô lái đò hát bài “*Hát ru*”, anh nói về nhà sẽ nói thêm cho em nghe mà!

Tôi vờ ngừng ăn, lấy tay vuốt vuốt cổ như cố gắng đưa miếng mít xuống cho khỏi nghẹn. Tôi nói với Uyên:

- Anh nghe Uyên nhắc làm anh nghẹn không nuốt nổi miếng mít!

Uyên đánh nhẹ vào tay tôi:

- Anh hứa chứ em có tự nhiên đòi đâu mà anh đổ tội!

Thi cũng trợn mắt đánh vào cánh tay tôi:

- Anh làm em sợ! Tưởng anh bị nghẹn thật.

Tôi xoa nhẹ đầu Thi rồi nói với Uyên:

- Ủ, thôi được! Anh sẽ nói với Uyên những điều về *hát ru* và vài làn điệu dân ca miền Bắc mà anh có dịp được nghe và được đọc trong sách nhé. *Anh nhật nhậm mỗi nơi một tý của các nhà nghiên cứu âm nhạc thôi đấy.*

Uyên cười:

- Em biết rồi! Anh cứ rào đón mãi! Ghét ghê!

Uyên quay sang Thi:

- Nếu anh Nam không nói, em “cấn” cho anh ấy một cái thật đau dùm chị!

Thi vờ nhe răng dọa cắn. Chúng tôi cùng cười vang.

Tôi hỏi Uyên:

- Uyên còn nhớ bài “Hát ru” của cô lái đò hát hôm đó không?

- Thưa anh, em còn nhớ! Bài này ai mà chẳng thuộc. Để em hát lại cho anh nghe nhé!

Uyên hăng giọng mấy cái trước khi hát.

Hát RU

À... à... ời! À... à... ời!

Thằng Bờm có cái quạt mo

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu

Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu

Phú ông xin đổi một xâu cá mè

À... à... ời! À... à... ời!

Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè

Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim

Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim

Phú ông xin đổi con chim đồi mồi

À... à... ời! À... à... ời!

Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi

Phú ông xin đổi năm xôi. Bờm cười!

À... à... ời! À... à... ời!

Sau khi nghe Uyên hát xong, tôi mới bắt đầu đóng góp ý kiến.

- Cứ dựa vào *nội dung* và *âm điệu* của bài hát ru này ta thấy hai điểm:

Về nội dung: tính chất thực tế và công bình.

Thằng Bờm tượng trưng cho người nông dân chất phác. Bờm có óc thực tế nên nhận đổi quạt mo lấy năm xôi vì năm xôi có thể ăn được liền. Bờm có óc công bình vì chiếc quạt mo chỉ có giá trị tương xứng với năm xôi mà thôi. Đó là những triết lý thực tiễn của người nông dân ta.

Về âm điệu, tiết tấu của điệu hát ru.

Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu dân ca thì cho rằng:

[Tiếng hát ru mang tính chất êm đềm, du dương để đưa đứa bé vào giấc ngủ. Đó là những âm điệu, tiết tấu đầu tiên mà đứa bé được nghe từ người bà hay từ người mẹ, người chị... Dần dần, tiếng hát ru ăn sâu vào tâm thức của đứa bé. Âm nhạc dính liền với đời sống con người nên khi đứa bé lớn lên, những tiếng hát ru nằm trong tiềm thức được thể hiện ra trong tình cảm lứa đôi trai gái. Hát ru trở thành những nhân tố thiết yếu tạo thành những điệu hát dân ca trữ tình.] (Dựa theo Gs Trần Văn Khê)

Làn điệu hát ru được thay đổi tùy theo địa phương. Và cũng vì vậy, những điệu hát dân ca thuộc mỗi địa phương thường cũng bị ảnh hưởng phần nào bởi điệu hát ru đặc thù của địa phương đó.

Hát ru miền Bắc thường được bắt đầu bằng tiếng À ơi! hoặc Bồng bồng!

*À ơi! Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về.*

Hoặc:

*Bồng bồng mẹ bé con sang
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo;
Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn cho hay chữ thì yêu kính thầy.*

Hoặc:

*Bồng bồng ! cái bóng là cái bóng bình
Thối cơm gánh nước một mình bóng xoi !
Bồng bồng ! Cái bóng là cái bóng bang
Mẹ bóng yêu bóng, bóng càng làm thơ.*

Nhiều khi nội dung của bài hát ru không mang một ý nghĩa gì cả. Chỉ cần âm điệu du dương, êm đềm để đưa đứa bé vào giấc ngủ.

Uyên nhìn tôi với nét mặt đắm chiêu, suy nghĩ:

- Lúc nãy anh nói hát ru trở thành *những nhân tố thiết yếu tạo thành những điệu hát dân ca trữ tình*. Anh có thể nói rõ hơn cho em được không?

Tôi trả lời Uyên:

- Có nhiều điệu hát dân ca có âm điệu, tiết tấu, thang âm *rất gần gũi với hát ru* như điệu hát *xẩm, cò lả* và một số làn điệu *quan họ*... chẳng hạn. Mà những điệu hát ấy cũng thường chứa đựng những giai điệu trữ tình rất phong phú.

Tôi đơn cử một vài điệu dân ca miền Bắc để chứng minh.

Hát cò lả: Hát cò lả là loại hát dân gian, nơi đồng quê thuộc vùng đồng bằng sông Hồng. Người ta cũng thường *dùng những bài hát cò lả để thay thế cho những bài hát ru*. Nội dung của những bài hát cò lả tương tự như bài hát ru vậy. Người hát chỉ mượn chuyện con cò để tỏ bày tâm sự, những nỗi nhớ nhung, những lời nhắn nhủ với người tình. Loại này thường hát một mình như để tự sự, kể lể.

Con cò cò bay lả lả bay la.

Bay từ từ cửa phủ, bay ra là ra cánh đồng.

Tình tính tang là tang tính tình.

*Anh chàng rằng ới anh chàng ới, rằng có
biết là*

biết hay không?

Rằng có nhớ là nhớ hay không? ...

Rằng có nhớ là nhớ em không?

Một nét hết sức độc đáo trong điệu hát “cò lả” là có nhiều *điệp ngữ*. Những điệp ngữ và “*tiếng đệm*” này không có nghĩa gì cả ngoài trừ thể hiện sự mềm mại như cánh vạc bay của điệu hát. Hình thức này gọi là “*xếp mái ngói*”, nghĩa là tiết tấu phía trước gối lên lên tiết tấu phía sau.

Hát quan họ: Quan họ là thể ca trữ tình sâu sắc, vui tươi yêu đời với lời ca tinh tế và trau chuốt của vùng Bắc Ninh. Về *âm điệu*, hát quan họ đã đa dạng, thăng hoa đến tuyệt đỉnh, có đến cả trăm làn điệu khác nhau, trong đó người ta thấy lẫn vào đủ các điệu ca, kể cả hát ru, cò lả, hát xẩm, trống quân, chèo ... Về *nội dung*, bài hát cũng thường mang những nét tâm tình giữa trai gái, gửi gắm nỗi lòng sâu kín cho nhau. Thông thường người ta hát cặp đôi hay hát nhóm, một bên trai và một bên gái gọi là liên anh, liên chị.

*Người ơi! Người ở đừng về,
Người về em vẫn (i i i i i)
(Có mấy) khóc (i) thầm,
Đôi bên (là bên song như) vạt áo,
(Mà nay cũng có a ướt đầm)
Uớt đầm như mưa.*

...

Người ơi! Người ở đừng về.

(Tục ngữ Ca dao Dân ca Việt Nam – Vũ Ngọc Phan)

Sau khi nghe vài lời ngắn gọn về làn điệu hát “cò lả” và “quan họ” có chút liên quan tới hát ru của tôi, Uyên lại ngồi ngẩn người ra như đang suy nghĩ điều gì. Thi cũng nhận ra sự khác thường của chị mình nên khều tay tôi, bịt miệng cười, chỉ về phía Uyên. Tôi quay sang hỏi Uyên:

- Uyên có chuyện gì mà ngồi thù người ra thế?

Thì tình nghịch:

- Chắc chị Uyên em đang mơ màng tới anh chàng nào ngồi hát cho chị em nghe bài quan họ “Người ơi người ở đừng về” đấy mà.

Uyên lườm yêu cô em, mỉm cười:

- Gớm! cô em của chị cũng biết chuyện lắm đấy chứ! Sắp lấy chồng rồi có khác!

Thì vênh mặt lên với chị:

- Em lớn rồi chứ bộ! Em đã mười sáu tuổi rồi, mười sáu trăng tròn. Chị không được coi em là còn bé nữa!

Tôi hỏi lại Uyên:

- Anh thấy lúc nãy, hình như Uyên có thắc mắc gì mà cứ thù người ra. Nếu có câu hỏi nào, anh sẽ nói lại cho.

Uyên tỏ ra vui hẳn lên khi nghe tôi nói thế. Uyên hỏi ngay:

- Em chỉ sợ anh chê em dốt. Em thấy trong dân ca của mình hay có những chữ *liền láy*, *điệp ngữ* và *những tiếng đệm* hay quá anh nhỉ. Anh cho em biết thêm về vấn đề này được không?

Tôi cười với Uyên:

- Anh chê cô giáo Uyên dốt hỏi nào đâu! Anh chỉ thấy có mỗi một người dốt toán mà lúc nào cũng

tưởng mình giỏi. Mình sai mà cứ cãi mình đúng. Lúc ít điểm, về nhà ngồi khóc.

Thi đứng bật dậy:

- Em khóc bao giờ?!

Tôi cười:

- Anh xin lỗi! Em chỉ mới “mếu” thôi!

Thi cười cười ngồi xuống.

Tôi nhìn Thi rồi đưa tay vuốt nhẹ tóc và kéo nhẹ nàng về phía mình. Thi nũng nịu đẩy tôi ra:

- Em ghét anh lắm!

Thấy Thi tất tả bỏ vào nhà, tôi gọi giật lại:

- Thi! Em đi đâu đấy! Giận anh thật đấy hả?

Thi quay lại cười:

- Không... ! Em đi lấy thêm mít!

Tôi và Uyên nhìn nhau cười. Tôi bắt đầu giảng giải cho Uyên về những tiếng đệm trong dân ca Việt Nam.

Những tiếng đệm

(Dựa theo ý trong bài nói chuyện của Gs Trần Văn Khê)

Một số nhà nghiên cứu về âm nhạc dân tộc cho rằng có những bài hát dân ca có khi chỉ vồn vện có vài câu thơ hoặc câu ca dao ngắn ngủn. Nó cần được kéo dài bài hát ra bằng những *điệp ngữ*, những *tiếng*

đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi... để hoàn thành cấu trúc của một bản nhạc mà không làm mất ý nghĩa của lời ca. Thêm vào đây, tiết tấu của nó lại trở nên thêm phần linh hoạt, mềm mại, mang nhiều màu sắc, thấm vị đậm đà.

@/ Như trong bài hát “ru cháu” trong hát ru miền Bắc.

*Cái ngủ mà ngủ (í í a)
(Á a a) cho (à) lâu
Mẹ mà đi cấy (í í a)
(Á a a) ruộng sâu chưa (à) về
Bắt được con diếc (í í a)
(Á a a) con (à) trê
Nắm cổ (í í a) (á) lôi về
Cho cái (í í a)
(Á a a) ngủ ăn...*

("Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam" – Phạm Duy)

@/ Như trong bài hát “cây trúc xinh” trong quan họ.

*Cây trúc xinh (tang tình là) cây trúc mọc,
(Qua lối nọ như) bên đình...
Chị Hai xinh (tang tình là) chị Hai đứng,
(Đứng) một mình (qua lối như) cũng xinh...
Cây trúc xinh (tang tình là) cây trúc mọc,
(Qua lối nọ như) bên chùa,
Chị Ba không yêu (tang tình là) tôi cũng*

lấy,
(Lấy) đạo bùa (qua lời như) cùng yêu,
(Lấy đạo bùa, qua lời như cùng yêu...)

(Tục ngữ Ca dao Dân ca Việt Nam – Vũ Ngọc Phan)

@/ Như cùng trong bài “*Qua cầu gió bay*” được trình bày qua nhiều điệu dân ca khác nhau với những tiếng đệm khác nhau.

Chỉ trong hai câu:

*Yêu nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay.*

*/- Được trình bày theo điệu *quan họ* :

*Yêu nhau cởi áo (ới a) cho nhau
Về nhà dối (rằng) cha dối mẹ (ơ ớ ơ) . . .
(Này a ới a) qua cầu
(Này a ới a qua cầu)
(Tình tình tình) gió bay
(Tình tình tình gió bay).*

*/- Được trình bày theo điệu *cò lả* :

*Yêu nhau (nhau) cởi áo (áo) cho nhau,
Về nhà (nhà) dối mẹ (mẹ) qua cầu (cầu) gió
bay.
(Tang tính tình, tình tính tang)...*

*/- Được trình bày theo hát *chèo* :

*Cởi áo cho nhau (chứ) yêu nhau (dầu
mà) cởi áo cho nhau,
Về (í) nhà (í mà) dối mẹ (í a) qua cầu (í) gió*

bay.

*/- Được trình bày theo điệu *trống quân* :

*Cởi áo cho nhau (chứ) yêu nhau (mà) cởi
áo cho nhau,
Về nhà (mà) dối mẹ (chứ) qua cầu (bay) gió
bay.*

*/- Được trình bày theo điệu *ngâm sa mạc* hay *bồng mạc*⁽¹⁾ :

*Yêu nhau (ư ư) cởi (ư ư) áo (ư ư ừ) cho
nhau,
Về nhà dối mẹ (ư) qua cầu (ư ư) qua cầu
gió (ừ ư) gió bay (i i i).*

*/- Được trình bày theo điệu *tuồng Tàu* (Hát bội)

*Yêu nhau (ừ ư ư) cởi (ư ư) áo (ừ ư ư) cho (ừ
ư) nhau,
Về nhà (ư ư) dối mẹ (ừ ư) qua (ư ư) cầu (ư
ừ) gió (ừ ư) bay (ừ ư ư).*

[Nói chung, những quy luật thơ văn của lời ca rất chặt chẽ, gò bó nhưng nhờ những tiếng đệm này ta có thể tháo gỡ được những quy luật chặt chẽ đó. Gò bó bao nhiêu thì mình vượt ra bấy nhiêu. Nhưng phải nhớ, những tiếng đệm của số đông bài hát, không thể hoán chuyển cho nhau. Như bài hát quan

(¹) *Ngâm sa mạc* và *bồng mạc*: Những câu “lục bát” *ngâm* theo lối *sa mạc*, những câu “song thất lục bát” thì *ngâm* theo *bồng mạc* (Theo nhạc sĩ Phạm Duy)

họ với những tiếng đệm “i a ư ơ... “không thể thay bằng tiếng đệm của tuồng Tàu như “ừ ừ ư...”, hay ngược lại. Điệu hát nào thì có tiếng đệm riêng của điệu hát ấy. Ngoài ra ta còn có những chữ đệm kép như “ới a”, “ấy mấy”, “dẫu rằng”, “rằng là” ... mỗi chỗ có cái hay riêng của nó.] (Dựa theo ý của Gs Trần Văn Khê)

@/ Như trong điệu hát trống quân

Tôi mới (chứ) tới đây.

Ở nhà (thời) tôi mới (chứ) tới đây

*Lạ thung (này) lạ thổ (ừ ư) tôi nay (lại) lạ
nhà (ỳy)*

Ba cô (nàng) tôi lạ (chứ) cả ba,

*Bốn cô (tôi) lạ bốn (ừ ư) biết là (mấy) quen
ai (ỳy).*

Đến đây (thời) lạ cả (mấy) bạn giai.

*Lạ cả (này) bạn gái (ừ ư) biết ai (bên) mà
chào (ỳy).*

Bây giờ (thời) biết nói (là) làm sao.

*Biết ai (nào) quen thuộc (í a) mà vào (thưa
là) trình thưa (ỳ y)*

(Dân ca trống quân – Nguyễn Gia Liên trong
Đặc san Bắc Ninh)

@/- Như trong những “câu hò”.

**/ Hò làm việc trên bờ thường có hò kéo gỗ, hò
đẩy xe với những tiếng “dô”, “hò dô ta”.*

Hò cái : Ta dô ta !

Hò con : Dô !

- *Ta kéo gổ !*
- *Dô !*
- *Gổ làm đình !*
- *Dô !*
- *Đình là đình !*
- *Dô !*
- *Bao nhiêu ngói !*
- *Dô !*
- *Ta thương mình !*
- *Dô !*
- *Nhiều bấy nhiêu !*
- *Dô !*

(Đặc Khảo Về Dân Nhạc Ở Việt Nam – Phạm Duy)

Sau mỗi tiếng “Dô” hay “Hò dô ta” là cùng nhau kéo.

*Dô ta kéo gổ làm đình
Con gái vô tình thì để vủ ra !
Hò dô ta !*

(Cầm Ca Việt Nam – Toan Ánh)

*/- Hò làm việc *dưới sông nước* thường có hò chài lưới hay hò chèo thuyền với những tiếng đệm “rổ khoan rổ khuấy” hay “rổ khoan rổ hây” :

*Chồng chài là chài vợ lưới...
Rổ rổ khoan rổ khuấy !
Vợ lưới vợ lưới con câu...
Rổ rổ khoan rổ khuấy !
Sông là Ngô bể Sở...*

*Rổ rổ khoan rổ khuấy !
Biết đâu biết đâu bến bờ...
Rổ rổ khoan rổ khuấy...*

(Đặc Khảo Về Dân Nhạc Ở Việt Nam - Phạm Duy)

Thấy câu chuyện cũng tạm đủ và trời cũng đã khuya, tôi đề nghị mọi người giải tán để đi ngủ. Trước khi chia tay, tôi gõ nhịp lên bàn, hát điệu trống quân bài ca dao:

*Ngồi buồn may túi đựng trời
Đan xẻ, sẩy đá, giết voi xem giò,
Ngồi buồn lấy thước ra đo,
Đo từ núi Sở, Núi So, núi Thầy ⁽²⁾
Lên trời, đo gió đo mây
Xuống sông đo nước, về đây đo người,
Đo người mười sáu mười lăm ^(*)
Đo được một người vừa đẹp vừa xinh!*

(* Nguyên bản "mười tám đôi mươi")

Hai nàng lại rũ ra cười. Đến hai câu cuối Thi nhìn tôi cảm động.

Hát xong tôi “xướng” to như anh “giáo tuồng”:
- Kiếm được “người xinh” rồi thì phải làm sao?
Tôi lại vỗ tay theo nhịp *trống quân* và hát tiếp.

⁽²⁾ *Núi Thầy ở Sơn Tây.*

- Trong dấu []: Trích hoặc lược trích.

- Hình minh họa lấy trên internet.

Uyên cũng vỗ nhip theo. Riêng Thi biết tôi sắp trêu nàng nên không vỗ tay theo, chỉ đứng tùm tùm cười chờ đợi.

*Rủ nhau lên hiệu cầm khăn
Cầm được đồng bạc, để dành cưới em.
Ba hào thì để mua tem
Tư giấy mời khắp anh em xa gần.
Trăm năm kết ngãi Châu Trần
Nhớ ngày kết ngãi giao loan với mình.
Hai họ ăn uống linh đình
Sơn Tây, Hà Nội đồn mình lấy nhau (**)*

(** Nguyên bản : "lấy ta") (Ca dao)

Uyên cười nói:

- Nghèo gì mà nghèo đến nỗi phải cầm khăn để cưới vợ vậy? Nghèo quá! Không gả em gái tôi cho anh đâu!

Thi cứ đứng nhìn chị cười cười. Hết nhìn chị nàng lại nhìn tôi.

Uyên bỏ mặc chúng tôi đứng lại ngoài sân. Nàng tự dọn dẹp rồi tắt tả bỏ vào trong nhà.

Còn lại hai người. Tôi nắm tay Thi hồi lâu. Nàng cúi mặt xuống đất tránh ánh mắt nhìn âu yếm của tôi. Tôi cúi xuống hôn phớt lên mái tóc nàng.

Thi vẫn cúi xuống trong im lặng, nắm tay tôi bóp nhẹ:

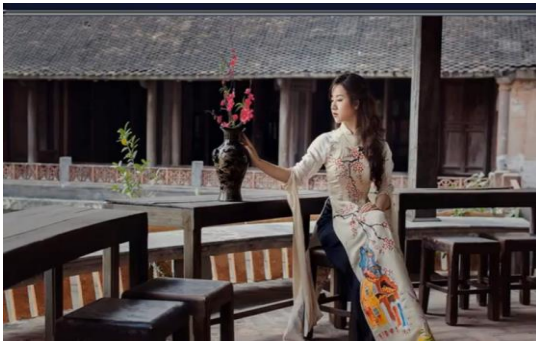
- Chúc anh ngủ ngon!

- Em cũng ngủ ngon!

Tôi buông tay Thi ra rồi quay đi về phía cuối sân, leo lên cầu thang về phòng. Phòng gác của tôi cách phòng Thi một quãng sân nhỏ.

Thi đứng nhìn theo tôi trước khi nàng quay bước. Tôi cũng đứng lại ở cửa phòng gác nhìn xuống sân đợi cho tới lúc Thi khuất bóng sau cánh cửa phòng nàng.

Tôi lâng lâng, ngây ngất với niềm hạnh phúc vô biên.■



CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-1

MỘT BUỔI SỚM MAI



Hà Nội chưa thức giấc!

Tôi, Thi và Uyên, cả ba chúng tôi đạp xe song song bên nhau trên đường phố Hà Nội. Chẳng ai nói với ai lời nào, nhưng sao tôi vẫn thấy thật gần gũi và thân thương với nhau quá. Gần gũi như những cây sấu mọc dọc hai bên đường, đương vươn cành, khoác vai nhau thủ thủ dưới ánh đèn điện lơ mơ trong sương sớm.

Tất cả cảnh vật chung quanh, bỗng dưng tôi cảm nhận như có một cái gì rất “của riêng mình” để yêu chúng hơn, để thấy mình là chúng và chúng cũng chính là mình. Cái cảm giác lâng lâng đầy hòa ái ấy, phải chăng nó xuất phát từ sự tinh khiết, yên tĩnh của một buổi sáng sớm thanh bình. Hay nó đến từ hình ảnh của Thi, người con gái đang đạp xe bên tôi mà tôi hết mực yêu thương. Tôi tự mỉm cười với ý nghĩ đó.

Hình ảnh của tôi và Thi không thể tách rời nhau và cũng không thể tách rời ra khỏi thành phố Hà Nội. Thành phố này đã ghi lại biết bao nhiêu kỷ niệm kể từ những ngày chúng tôi vừa mới thân nhau. Tôi nhớ lại, những ngày Thi còn như con chim nhỏ truyền cành, tung tăng trên đường phố trong những dịp đi chơi cùng tôi. Nàng thường nắm tay tôi kéo đi cho nhanh hơn mỗi khi tôi la cà dừng chân hay đi chậm lại. Chợt đến một ngày, cái ấm áp mềm mại của đôi bàn tay ấy như có một điều gì khác lạ. Và tôi nhận ra một sự thay đổi lớn sâu kín trong tôi: tôi đã yêu nàng. Sự khăng khít cứ tăng lên mãi theo

ngày tháng bên nhau. Và để hôm nay, không thể nghỉ ngơi, nàng sẽ là người đi bên tôi đến trọn cuộc đời như định mệnh đã an bài.

Tôi đưa tay sang xoa nhẹ bàn tay Thi. Hai chúng tôi nhìn nhau cùng mỉm cười. Uyên cũng mỉm cười với chúng tôi một cách băng quơ.

Chúng tôi đạp một vòng theo bờ hồ Hoàn Kiếm, một cái hồ mang dấu tích lịch sử của thời vua Lê Lợi, và người ta từng ví nó như hình ảnh của một đóa hoa đẹp được đặt giữa lòng thủ đô Hà Nội. Vài cây cỏ thụ quanh hồ chìa cành nằm xoài mình trên mặt nước, soi bóng lung linh dưới ánh đèn đường. Tháp Rùa mờ mờ trong sương.

Tàu điện chưa chạy nên thiếu tiếng leng keng. Lác đác vài chiếc xe xích lô đi tìm khách sớm, chậm chạp, uể oải như người còn đang ngái ngủ. Thịnh thoảng lăm mới có một hai chiếc ô-tô con chạy đi vội vã, phá tan bầu không khí yên tĩnh của phố phường.

Hà Nội vẫn ngủ!

Ba chúng tôi vui chân đạp xe về hướng Hồ Tây. Hồ Tây là hồ lớn nhất Hà Nội. Xung quanh Hồ có nhiều thắng cảnh, cộng thêm vào với nhiều truyền tích dân gian. Có những truyền tích ngàn năm, tới bây giờ vẫn chưa ai giải mã được.

Gió mát quá!

Chúng tôi khóa xe bên cây cổ thụ rồi lững thững đi bộ trên con đường nhỏ dọc theo bờ hồ. Bóng chùa Trấn Quốc ẩn hiện mờ mờ. Đèn điện dọc đường Cổ Ngư và ven Hồ Tây không đủ sức phá tan đi sương sớm đang bao phủ mặt hồ. Không gian nơi đây trở nên huyền ảo, trầm mặc và thật nên thơ.

Tôi nắm tay Thi cùng chạy lên phía trước. Uyên bước vội theo sau. Chạy được một quãng ngắn, trong lúc “ngẫu hứng”, tôi nhắc bổng Thi lên quay một vòng. Thi ép mặt vào vai tôi cười khúc khích. Tôi đặt nàng xuống rồi lại nắm tay nhau chạy tiếp. Chạy thêm một quãng nữa mới dừng chân, cùng dang tay rộng hít thở vài hơi thật dài. Tôi khoác vai Thi đi ngược trở lại phía sau đón Uyên cũng đang bước tới.

Ba chúng tôi lại cùng đi bên nhau. Tôi hứa với Uyên, có dịp nào thuận tiện, tôi sẽ đưa Thi và nàng đi chơi một vòng Hồ Tây. Tôi sẽ giảng giải cho nàng về những thắng tích quanh vùng. Uyên nhìn tôi cảm động với đề nghị ấy.

Vừa đi, tôi vừa kể cho Uyên nghe về những kỷ niệm ban đầu của tôi và Thi đã từng trải qua trên con đường này, thường vào những buổi chiều nhàn rỗi hay trong những ngày nghỉ học cuối tuần. Uyên bóp nhẹ vào cánh tay Thi như để chia sẻ niềm hạnh phúc của cô em. Thi không thể che dấu được sự sung sướng của mình trên nét mặt. Đôi lúc, Thi bụm miệng cười mỗi khi tôi “kể xấu” về nàng.

Trời bắt đầu sáng dần. Hà Nội đã tỉnh dậy. Sinh hoạt của thành phố bùng lên rất nhanh. Tiếng xe cộ, tiếng rao hàng, tiếng người qua lại chẳng mấy lúc đã trở nên ồn ào, huyên náo.

Giữa những tiếng ồn ào của nơi đô hội ấy, tiếng chuông chùa Trấn Quốc bỗng ngân lên và văng vẳng vang xa. Tiếng chuông chùa đồng đặc, điểm từng tiếng một, bình thản như bước chân *thiền hành* của các vị thiền sư, đi để mà đi chứ không phải đi để tới nơi nào. Đồng đặc, bình thản nhưng nó vẫn huyền diệu, có khả năng đưa lòng người về với “*chân như*”.

Chúng tôi nhìn nhau như hỏi ý. Và cũng không cần ai phải lên tiếng, chúng tôi cùng quay bước về phía chùa Trấn Quốc, nơi phát ra tiếng chuông ngân.



Chùa Trấn Quốc nằm trên một ốc đảo ngay ven bờ Hồ Tây. Những hàng cây cau và những cây cổ thụ quanh chùa in bóng trên mặt nước.



Chùa Trấn Quốc

Chùa có lịch sử lâu đời. Nơi đây, Thái hậu Ý Lan - thời nhà Lý - thường có những buổi đàm luận với các vị sư nổi tiếng đương thời về

những đề tài liên quan đến Phật giáo. Cũng nhờ vào đó, ngày nay chúng ta mới có thêm những tài liệu quý báu để truy tìm ra được phần nào về lai lịch và sự phát triển của Phật giáo Việt Nam ở vào thời kỳ đầu. Chùa đã bị đổi tên nhiều lần và cũng mang nhiều dấu vết thăng trầm. Trịnh Sâm đã từng biến chùa này thành “cung hành lạc” để vui thú cùng cung nữ. Bà Huyện Thanh Quan đã có bài thơ trách cứ về sự việc này. (Xin đọc bài “Những Năm Tháng Ấy-Hà Nội ngày xưa” của cùng người viết)

Chúng tôi bước theo dải đất dài, nối liền từ bờ hồ vào ốc đảo, dẫn đến cổng chùa. Chùa mang dấu vết rêu phong của thời gian hàng nhiều thế kỷ. Càng vào sâu bên trong, chùa càng được mở rộng ra. Ngoài chính điện to lớn là dãy nhà ngang dùng làm nơi sinh hoạt và tiếp khách thập phương hàng ngày. Bên trong chính điện, ngoài *thờ Phật* ở chính giữa, còn *thờ thần* như các bà Thánh Mẫu ở hai bên hông điện, một hình ảnh về sự hòa hợp của hai tôn giáo Phật-Nho.

Tiếng chuông “đại chung” vẫn đồng dục ngân vang. Tôi và Thi tò mò trèo lên tháp chuông. Nơi đây, một chiếc chuông to treo trên “giá” gỗ. Tôi nghe nói chuông này được đúc vào năm Cảnh Hưng thứ ba đời Tây Sơn. Một chú tiểu độ chừng mười tuổi, ngồi bên đánh chuông với nét mặt thật hồn nhiên. Tôi bấm tay Thi đi xuống cầu thang để đừng làm kinh động tới chú.

Bước vào chính điện, tôi thấy Uyên đang thắp hương, đứng lẩm bẩm khấn vái trước bàn thờ các bà Thánh Mẫu. Tôi và Thi cùng thắp hương lễ Phật. Đứng bên nhau, tôi liếc mắt sang Thi thấy nàng nghiêm trang và “người lớn” hẳn lên. Tôi mỉm cười.

Lễ xong, Thi quay sang hỏi tôi:

- Em liếc thấy anh mỉm cười. Đang lễ Phật mà anh cười à?

Tôi không trả lời Thi. Ra tới ngoài sân tôi mới hỏi đùa lại:

- Đang lễ Phật mà em liếc anh à?

Thi che miệng cười nhỏ.

Uyên vén vạt áo dài ngồi xuống thềm chùa, trên nét mặt vương vất một chút gì trầm mặc, ưu tư. Nàng nói với tôi:

- Mỗi lần bước vào chùa, em thấy lòng mình thật thanh thản. Mọi hình ảnh trầm luân của cuộc đời dường như được xóa đi trong tâm trí em. Mùi nhang thơm đưa em về một nơi nào thật an bình. Em mới

hiếu các vị vua đời Trần, các ngài không muốn làm vua mà chỉ thích đi tu. Vừa làm hết trọng trách với đời là vội vàng tìm về với đạo. Người xưa hay hơn chúng ta bây giờ nhiều anh nhỉ?

Tôi nhìn Uyên và chia sẻ với lời tâm sự của nàng:

- Anh hoàn toàn đồng ý với Uyên. Cứ như vua Trần Thái Tông, ngài trốn triều đình lên núi Yên Tử tìm cầu làm Phật. Triều đình phải đến tận nơi đó mời ngài trở về cung. Khi thắng quân Nguyên năm vừa tròn bốn mươi (40) tuổi, ngài nhường ngôi cho con là vua Trần Thánh Tông rồi vào Hoa Lư lập cung Thái Vi để tu hành. Nhưng thật ra, ngài đã thực hiện con đường đời-đạo song hành: khi làm vua lo việc nước, ngài vẫn chăm lo tu học; khi đi ẩn tu, ngài vẫn để tâm lập hậu cứ ở Hoa Lư để phòng chống quân Nguyên sau này. Uyên còn nhớ câu chuyện ấy chứ?

- Thưa anh, em còn nhớ!

- Tốt lắm! Về nhà nhớ nhắc anh nói thêm cho Uyên nghe về một bản văn của ngài, tức bài tựa “Thiền Tông Chỉ Nam” của vua Trần Thái Tông còn lưu lại tới ngày nay.

Uyên nhìn tôi với ánh mắt biết ơn:

- Em cảm ơn anh nhiều lắm!

Thì cũng nắm cánh tay chị nói thêm:

- Anh ấy đọc quên cả ăn! Em phải dục mãi anh ấy mới chịu buông sách. Anh nói phải đọc gấp vì chị sắp lên chơi.

Uyên nắm tay Thi:

- Chị cũng cảm ơn em luôn! Hai người là một mà!

Chợt Thi xoa bụng mình, không nhẽo:

- Em đói!

Tôi nói đùa:

- “Con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu” có khác, lúc nào cũng kêu đói!

Thi nhăn mặt cãi lại:

- Em mười sáu mà!

Tôi cười to:

- Em thích làm người lớn! Anh tưởng em đòi tăng tuổi mình lên tới mười tám nữa đấy chứ!

Thi biết mình bị lừa nên “véo” tôi một cái nhẹ:

- Em ghét anh!

Tôi và Uyên cùng cười. Tôi cũng bắt chước Thi xoa bụng mình:

- Anh cũng đói! Để anh vào trong bếp xem có cơm chay không nhé! Cơm chay ngon lắm đấy!

Uyên vội cản:

- Mới sáng sớm, nhà chùa làm gì đã có cơm chay!

Thì nhẩy nhẹ lên, khẽ vỗ tay như hoan hô ý kiến “xin ăn” của tôi. Đúng lúc có chú tiểu đi ngang qua sân, tôi liền hỏi:

- Chú tiểu ơi, nhà chùa có cơm chay cho khách thập phương không chú!

- Thừa thí chủ, nhà chùa chỉ ăn một bữa vào giờ Ngọ (giữa trưa) thôi ạ!

Tôi vờ ôm bụng tỏ ra thất vọng. Tôi hỏi đùa thêm:

- Thế nhà chùa còn cơm nguội không chú?

Chú tiểu biết chúng tôi hỏi đùa nên chỉ mỉm cười bước vào chính điện.

Chúng tôi sợ “thất lễ” với chú tiểu nên phải “bấm bụng” nhịn cười cho tới khi chú đi khuất.

Thì lờm tôi:

- Anh không tha cho ai hết! Vào chùa mà cũng còn đùa nghịch. Phật phật anh bây giờ!

Uyên nói ngay:

- Anh ấy không sợ Phật phật đâu, mà chỉ sợ cô em gái của chị phạt đấy thôi!

Tôi nói với Uyên:

- Phạt gì thì phạt! Cô ấy đừng “véo” và đừng “cắn” anh là được.

Thi hỏi:

- Thế phạt anh bằng cách nào?

Tôi đi lủi nhanh ra phía cổng chùa, tay chỉ chỉ vào má tôi như có ý bảo “phạt anh bằng cách hôn anh đây này”. Thi phồng má “không!” một tiếng rồi đuổi theo tôi. Tôi vừa chạy ra khỏi cổng chùa thì đi chậm lại.

Thi nhõng nhẽo:

- Em phạt anh! Anh phải cõng em ra xe!

Tôi vờ ghé lưng như để cõng Thi lên. Thi nhìn chung quanh rồi cười:

- Em tha cho anh lần này đây!

Nói xong nàng quay lại để đi cùng với chị.

Tôi đề nghị:

- Anh mời hai cô đi ăn phở nhé!

Thi nắm tay chị kéo đi:

- Đi ăn phở đi chị! Anh ấy mới “lĩnh lương” mà.

Uyên rút tay ra khỏi tay Thi:

- Ăn ngoài tốn tiền lắm! Về nhà ăn cơm với món gà kho gừng của mẹ. Không ăn mẹ giận đấy!

Thi ngúng nguẩy, nũng nịu đi theo chị.

Nắng sớm đã lên cao. Chúng tôi lấy xe, đạp thẳng về nhà.■

CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-2

THIỆN TÔNG CHỈ NAM



Về tới nhà, chúng tôi vội vàng thay quần áo để chuẩn bị ăn sáng. Uyên luôn tỏ ra nhanh nhẹn trong việc bếp núc. Chỉ một thoáng chúng tôi đã có sẵn sàng một bữa cơm ngon. Nói là ăn sáng, nhưng đúng ra, với những món ăn được đặt trên bàn phải được gọi là bữa ăn trưa mới đúng.

Sau phần dọn dẹp khi ăn xong, cả ba chúng tôi lại có dịp ngồi cùng nhau trò chuyện bên đĩa mít. Thi đang loay hoay đun nước pha trà. Tôi biết, như đã hứa với Uyên, bốn phần của tôi bây giờ là phải nói cho Uyên nghe về bài tựa “Thiền Tông Chỉ Nam” của vua Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên của nhà Trần.

Tôi đưa cho Uyên đọc sơ qua “bài tựa” đó. Tôi không quên nhắc nàng là toàn bộ quyển “Thiền Tông Chỉ Nam” đã bị thất lạc, nay chỉ còn giữ lại được “bài tựa” này mà thôi.

BÀI TỰA THIỀN TÔNG CHỈ NAM⁽¹⁾

Trẫm thâm nghĩ: Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê, để sáng tỏ đường tắt sanh tử, là kinh điển của đức Phật. Đặt mực thước cho đời, làm mô phạm cho người sau, là trọng trách của các bậc Thánh trước (Tổ). Cho nên Lục Tổ nói: "Những bậc Thánh trước (Tổ) cùng Đại sư (Phật) không khác". Nên biết giáo pháp của Phật nhờ các bậc Thánh trước truyền bá

(¹) Bản dịch của Hòa thượng Thích Thanh Từ.

ở đời. Nay trăm đâu không thể lấy trách nhiệm các bậc Thánh trước làm trách nhiệm của mình, giáo pháp của Phật làm giáo pháp của mình.

Vả lại, thuở trăm còn niên thiếu, có chút ít hiểu biết vừa nghe lời dạy của Thiền sư thì tâm tư lóng lặng, bỗng dưng thanh tịnh, nên để tâm nơi nội giáo, tham cứu Thiền tông, dốc lòng tìm thầy, chí thành mộ đạo. Tuy ý nói hồi hướng đã nảy mầm, mà cơ cảm xúc chưa thấu suốt.

Năm mười sáu tuổi, Thái Hậu đã chán cõi đời, trăm nằm rơm gói đất, khóc ra máu mắt, đau đớn nát lòng; ngoài nỗi đau buồn này, đâu rảnh nghĩ việc khác. Chỉ vài năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cũng băng hà, lòng thương mẹ chưa nguôi, nỗi xót cha càng thống thiết, buồn thảm tràn trề khó bề dẹp được. Trăm nghĩ: Công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về không thiếu điều gì, dù con phải xương tan, thịt nát vẫn chưa đủ đền đáp trong muôn một. Huống nữa, Thái Tổ Hoàng đế khai cơ lập nghiệp rất đời gian nan, trị nước giúp đời càng thêm hệ trọng. Người đem đất nước giao cho ta khi còn thơ ấu, khiến ta ngày đêm canh cánh không chút thanh thoi. Ta lòng riêng tự bảo: trên đã không cha mẹ để nương tựa, dưới ngại chẳng xứng lòng dân mong đợi. Phải làm sao đây? Ta suy đi nghĩ lại: chi bằng lui về ở chốn núi rừng, tìm học Phật pháp để hiểu rõ việc lớn sanh tử, lấy đó đền đáp công ơn cha mẹ, chẳng hơn hay sao? Thế là chí trăm đã quyết định.

Đêm mừng ba tháng tư năm Bính Thân, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ năm (1242), trăm đôi y phục đi ra khỏi cửa cung bảo tả hữu rằng: "Trăm muốn đi dạo để ngẫm nghe lời dân, biết được chí dân, mới hiểu thấu nỗi khó khăn của họ". Bảy giờ tả hữu theo trăm không quá bảy, tám người. Giờ Hợi đêm ấy, trăm cười một ngựa lặng lẽ ra đi; sang sông thẳng về hướng đông, mới nói thực lòng cho tả hữu biết. Tả hữu ngạc nhiên, tất cả đều khóc. Giờ mẹo hôm sau, đến bến đò Đại Than bên núi Phả Lại, sợ có người biết, trăm lấy áo che mặt qua sông, đi tắt theo đường núi. Đến tối vào nghỉ chùa Tăng Giác Hạnh, đợi sáng lại đi. Leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mỏi mệt không thể tiến lên được; trăm bèn bỏ ngựa vin vách đá lần bước, đến giờ mùi mới tới sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, trăm trèo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến vị đại Sa môn Quốc sư Trúc Lâm. Quốc sư vừa thấy trăm mừng rỡ, ung dung bảo:

"Lão tăng ở lâu nơi sơn dã, xương cứng mặt gầy, ăn rau đắng cắn hạt dẻ, uống nước suối, dạo cảnh rừng, lòng như mây nổi theo gió đến đây. Nay Bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây".

Trăm nghe nói, hai hàng nước mắt tự trào, đáp lại Sư rằng: "Trăm còn thơ ấu vội mất hai thân, bơ vơ đứng trên sĩ dân không chỗ nương tựa. Lại nghĩ sự nghiệp các bậc đế vương đời trước, thịnh suy

không thường, cho nên trầm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chứ không cầu gì khác".

Sư bảo: "Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết, gọi là chơn Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài".

Bấy giờ ông chú Trần Công, người em họ mà Tiên quân gởi gắm đứa con cô. Sau khi Tiên quân bỏ thế gian và quần thần, trầm phong làm Thái sư tham dự quốc chính. Nghe tin trầm trốn đi, ông liền sai tả hữu đi mọi nơi dò tìm tung tích rồi cùng người trong nước lên đến núi này.

Gặp trầm, ông thống thiết nói: "Thần nhận sự ủy thác của Tiên quân, tôn Bệ hạ làm chúa thần dân. Lòng dân trông đợi Bệ hạ như con nhỏ mong đợi cha mẹ. Huống nữa, ngày nay các cố lão trong triều đều là bề tôi thân thuộc, dân chúng sĩ thứ ai cũng vui vẻ phục tùng. Cho đến đứa bé lên bảy cũng biết Bệ hạ là cha mẹ dân. Vả Thái Tổ bỏ thân mà đi, nắm đất trên mồ chưa khô, lời dặn dò còn văng bên tai. Nay Bệ hạ trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để mong thỏa chí mình. Như thần nghĩ, Bệ hạ tính kế tự tu thì có thể được, còn quốc gia xã tắc thì sao? Chỉ để lời dạy suông cho đời, chi bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về".

Trẫm thấy Thái sư cùng các cố lão quần thần không có ý bỏ trẫm, liền đem lời bày tỏ với Quốc sư. Quốc sư cầm tay trẫm bảo: "Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao lãng".

Vì thế, trẫm cùng mọi người trở về Kinh, miễn cưỡng lên ngôi. Khoảng hơn mười năm, những khi được rảnh rỗi, trẫm họp các vị kỳ đức để tham cứu thiên, hỏi đạo và các kinh Đại thừa... đều nghiên cứu qua. Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", trong khoảng để quỳ xuống ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này viết thành bài ca, để tên là "Thiên Tông Chỉ Nam". Năm này, Quốc sư từ núi Yên Tử về kinh, trẫm mời ở chùa Thắng Nghiêm, trông coi việc ấn bản các kinh. Trẫm đem tập sách này trình Sư, Sư xem qua liền tán thán rằng: "Tâm chư Phật ở trọn nơi đây, sao không nhân khắc in các kinh, khắc in luôn để dạy kẻ hậu học".

Trẫm nghe lời này, sai thợ viết chữ chân phương, ra lệnh khắc bản in. Chẳng những để chỉ đường mê cho hậu thế, mà còn muốn tiếp nối công lớn các bậc Thánh nhơn đời trước. Vì thế tự làm lời tựa này.

Sau khi chúng tôi cùng đọc bài tựa này, tôi tóm tắt và nêu lên vài ý chính cho Uyên thấy, để rộng đường thảo luận sau này

- Mở đầu bài văn, ngài khẳng định *Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu*. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ và ngài sẽ theo chân các Thánh để góp công vào sự truyền bá giáo pháp của đạo Phật.

- Từ thuở niên thiếu (11, 12 tuổi), ngài đã nghe qua về đạo Phật và đem lòng yêu thích. Tuy là vua (lên ngôi lúc 8 hay 9 tuổi) nhưng ngài vẫn phát tâm tìm học Phật pháp, *tìm hiểu Thiên tông*.

- Năm 16 tuổi, ngài mất mẹ; hai năm sau, ngài mất cha. Nỗi thống khổ của ngài đến cùng cực. Bên cạnh đó, ngài lại phải gánh vác trọng trách của ông vua một nước mà cha ngài và cả dòng họ đã vất vả trăm phần mới gây dựng lên được. Ngài phân vân trong việc chọn lựa giữa trách nhiệm với quốc dân, sự đền ơn cha mẹ hay bỏ đi tu. Cuối cùng ngài chọn con đường thứ hai là vào rừng núi tu mới mong đền đáp công ơn sinh dưỡng của song thân.

- Ta thấy ngài đã không kể hay đã động gì tới sự bất mãn, tủi nhục khi phải bỏ vợ mình là Chiêu Thánh để cưới chị dâu - tức vợ của Trần Liễu - là công chúa Thuận Thiên làm vợ dưới áp lực của ông chú ruột là Trần Thủ Độ. Khi Quốc sư hỏi tại sao tới đây, ngài trào nước mắt mà không thổ lộ ra được.

- Ngài tả lại về cuộc hành trình vất vả khi bỏ kinh thành để trốn vào vùng núi rừng hoang vu Yên Tử.

- Ngài kể lại về cuộc đối thoại của ngài với Quốc sư Trúc Lâm. Cuộc đối thoại rất quan trọng đối với vua Trần Thái Tông trong việc tu học sau này. Thiền sư hỏi *“Nay Bệ hạ bỏ ngôi nhân chủ, nghĩ đến nơi quê hèn rừng núi, chẳng hay Bệ hạ mong cầu điều gì mà đến đây”*. Vua trả lời *“trẫm đến núi này chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác”*. Sư bảo: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết, gọi là chơn Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài”*.

- Vua kể về sự thuyết phục của Trần Thủ Độ để ngài phải trở lại triều đình. Câu cuối cùng Trần Thủ Độ dùng như một tội hậu thư để vua không thể không về *“Bệ hạ nếu không nghĩ lại, chúng thần cùng người trong thiên hạ đồng chết ngay hôm nay, quyết chí không trở về”*. Lúc này Quốc sư mới bảo *“Phàm làm đáng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón Bệ hạ trở về, Bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong Bệ hạ đừng xao lãng”*.

- Trong khi trị nước, ngài không ngừng nghiên cứu đạo Phật. Ngài được chứng ngộ và công hiến sự ra đời của cuốn *“Thiền Tông Chỉ Nam”*. *“Trẫm thường đọc kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ*

*nhì sanh kỳ tâm", trong khoảng để quyển xuống
ngâm nga, bỗng nhiên tự ngộ. Liền đem sở ngộ này
viết thành bài ca, để tên là "Thiền Tông Chỉ Nam"*



Uyên và Thi ngồi nghe tôi nói một cách chăm chú. Tôi nhìn thẳng vào mắt Uyên như để nhắc nàng nghe cho kỹ những điều tôi sắp nói thêm:

- Cứ dựa theo bài “tựa” trên ta có thể nhận ra được một vài điểm tương đồng của ngài Trần Thái Tông với ngài Lục Tổ Huệ Năng, vị Tổ thứ sáu trong “Kinh Bảo Đàn” của Thiền Tông Trung Hoa⁽²⁾:

(²) Trích kinh Bảo Đàn :

*Thân phụ của Huệ Năng quê ở Phạm Dương bị giáng đầy ra
Lãnh Nam làm thường dân ở Tân Châu. Cha ngài lại mất sớm, mẹ
góa con cô dãi đến Nam Hải. Cuộc sống của mẹ con ngài gian
nan nghèo khổ, thường ra chợ bán củi. Một hôm có người mua
củi. Ngài gánh củi đến khách điểm, khách nhận củi xong, Huệ
Năng lãnh tiền, lui ra, thấy một người khách tụng kinh. (Xem tiếp
trang sau)*

1- Cùng nói *Phật không có Nam Bắc*, mọi người đều có thể tu cầu thành Phật.

2- Cùng *cầu thành Phật* chứ không cầu gì khác.

Đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Huệ Năng nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng kinh gì. Khách bảo:

- Kinh Kim Cang.

Huệ Năng lại hỏi:

- Ở đâu đến thọ trì kinh này ?

Khách bảo:

- Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn Đại sư làm chủ giáo hóa, đệ tử có hơn một ngàn người, tôi đến đó lễ bái, nghe nhận kinh này. Đại sư thường khuyên kẻ tăng người tục chỉ trì kinh Kim Cang liền được thấy tánh, thẳng đó thành Phật.

Huệ Năng, do đời trước có duyên, được một người khách cho Huệ Năng một số bạc là mười lượng để giúp nuôi dưỡng mẹ già và bảo đến Huỳnh Mai tham vấn Ngũ Tổ. Huệ Năng đưa tiền cho mẹ sinh sống, xong liền từ giã ra đi. Không hơn ba mươi ngày ngài đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ.

Tổ hỏi:

- Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì ?

Huệ Năng đáp:

- Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác !

Tổ bảo:

- Ông là người Lĩnh Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật ?

Huệ Năng liền đáp:

- Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác."

3- Cùng ngộ bằng kinh Kim Cang bởi câu "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*".

Sau khi tôi nêu lên những nét tương đồng, Uyên ngầm nghĩ một chút rồi mới nói:

- Các vị đạt đạo, họ cùng có cái nhìn giống nhau anh nhỉ!

Tôi hỏi Uyên:

- Uyên có nhớ hôm chúng ta cùng đi nghe sư cụ làng mình giảng kinh không?

- Thưa anh, em nhớ!

- Uyên còn nhớ sư cụ giảng kinh Kim Cang. Hiểu được những gì, em nói cho anh nghe!

Uyên cười chữa thẹn:

- Hôm đó em bị phân tâm nên em không hiểu bài thuyết pháp ấy!

Uyên chép miệng:

- Mà có chú tâm nghe, chắc em cũng chẳng hiểu nổi!

Tôi vờ tăng hăng, lên giọng hỏi Thi:

- Thế còn cô này, có hiểu gì không?

Thi nhẹ phùng má nói “không!” một tiếng nhỏ rồi mới cười cười trả lời tôi:

- Không ạ! Hôm đó em ngồi ngủ gật! Mà em không ngủ gật chắc em cũng chẳng hiểu!

Thi nói với giọng thách thức:

- Anh hiểu thì bây giờ anh nói lại cho chúng em nghe đi!

Tôi giữ vẻ nghiêm trang, ngửa mặt nhìn lên trần nhà, đồng dục tuyên bố:

- Anh cũng không hiểu!

Nói xong tôi vẫn nhìn lên trần nhà cười khà khà.

Cả hai cô cười rũ ra. Thi đưa tay cù vào nách tôi:

- Thế mà lên giọng ông thầy! Anh chỉ giỏi bắt nạt chúng em!

Tôi cười:

- Chúng ta đừng xấu hổ vì không hiểu nổi kinh Kim Cang. Cụ Nguyễn Du, trong một bài thơ, cụ tự thú đọc kinh này trên một nghìn lần mà vẫn không “ngộ” được. Chúng ta là “cái thá” gì mà đòi hiểu ngay. Đừng xấu hổ nữa! Kinh này đức Phật dùng để giảng dạy cho những vị hàng Bồ tát thôi mà.

Tôi xoay người về phía Thi:

- Thôi, để anh nói một chút về bộ kinh này, một chút thôi. Nếu không, em lại bảo là anh chỉ biết bắt nạt “trẻ con”.

Thi “véo” nhẹ vào đùi tôi:

- Đây “trẻ con” này! Đã không hiểu lại còn đòi nói. Em không nghe nữa đâu!

Uyên ngồi đối diện với Thi ở phía bên kia bàn, lườm cô em:

- Cái cô này! Để anh ấy nói ra những cái “không hiểu” đã nào!

Thi vênh mặt:

- Thế thì cho anh nói đây!

Tôi cố nhớ lại những điều các sư đã từng giảng kinh này trong những ngày đại lễ Phật. Cả cuốn kinh Kim Cang chỉ tóm tắt để trả lời hai câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề (tên một đệ tử của Phật):

- 1) Làm sao để *hàng phục tâm*.
- 2) Làm sao để *an trụ tâm*.

Chỉ có hai điều đó thôi mà muốn hiểu được nó, thực hành được nó thật vô cùng khó khăn. Ngay đến cụ Nguyễn Du cũng phải tự nhận là đã tụng kinh này hơn một nghìn lần mà cụ vẫn chưa “ngộ” được cốt tủy của kinh Kim Cang. Kể sơ cơ như chúng ta chỉ cầu mong có ý niệm về kinh này thôi cũng đã thấy khó lắm rồi.

- *An trụ tâm là không để cho tâm chạy theo trần cảnh*. Tức là ta sống vẫn mắt thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, thân xúc chạm nhưng tâm không đắm nhiễm, mà chỉ *trụ tâm* vào chỗ không chấp, không vướng mắc, đó là giữ tâm thanh tịnh, tự tại trước sự tham ái, sợ hãi, khổ đau, sinh diệt, vô thường ... của cuộc đời.

- *Hàng phục được tâm phân biệt, vọng tưởng là ta đang an trụ tâm.*

Như vậy *hàng phục tâm cũng chính là an trụ tâm* vậy.

Vậy thì, đối với những kẻ “sơ cơ” như chúng ta, hãy tạm (theo Thích Nữ Chân Liễu):

- *Mắt: Không thấy vật chất là vĩnh cửu, là quý giá, cần nắm giữ cho riêng mình.*

- *Tai: Không nghe nhiều, không chấp vào tiếng khen chê, sanh tâm thương ghét phân biệt.*

- *Mũi: Không để cho mùi vị, hương lạ làm tâm tán loạn, sanh tâm mê đắm, thích hưởng thụ.*

- *Lưỡi: Không để cho cảm giác ngon dở, ưa thích sai khiến, tạo nghiệp chướng lành.*

- *Thân: Không hơn thua, đẹp xấu phô trương, sanh lòng khinh mạn đua đòi.*

- *Ý: Không để cho ý sanh vọng tưởng điên đảo, tâm thức tán loạn sẽ rơi vào tội lỗi.*

Tâm không trụ vào trần cảnh thì tâm sẽ trụ vào đâu? Trụ vào nơi *không hình tướng*, trụ vào nơi *vô niệm* (Sẽ giải thích sau trong phần tác phẩm “*Khóa Hư Lục*” của vua Trần Thái Tông). Nói cách khác là tâm sẽ trụ vào nơi “*vô trụ*” hay cũng còn có thể nói một cách khác nữa là trụ vào nơi “*vô dư niết bàn*”. “*Vô dư niết bàn*” là “*niết bàn*” hiện tại của người còn đang sống; “*hữu dư niết bàn*” là “*niết bàn*” của những người đã nhập tịch (chết).

Sau phần giải thích sơ lược vài điểm về kinh Kim Cang qua những mẩu truyện Thiền cho hai cô dễ hiểu, tôi nói thêm như một lời kết luận:

- “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” ấy cũng chính là cái thân tâm “*đối cảnh vô tâm*” trong bài kệ “*Cư Trần Lạc Đạo*” của vua Trần Nhân Tông. Ở trong trần mà không bị nhiễm bởi trần là cách sống đạt đạo, an nhiên tự tại của ngài. Vua Trần Nhân Tông là con vua Trần Thánh Tông và là *cháu nội* của vua Trần Thái Tông.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc sang hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*

Dịch :

*Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Hễ đói thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà sẵn ngọc tìm đâu nữa
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.*



Thi lại nghiêng nghiêng đầu hỏi tôi:

- Anh có hiểu những gì anh đang nói không?

Tôi mau mắn trả lời:

- Không!

Thì ôm cánh tay tôi, cười trêu:

- Hi! Hi! Hi! ... Thế mà em cứ tưởng anh hiểu!

Thì nép đầu vào vai tôi:

- Em ghét anh lắm!

Nghe thế, tôi véo nhẹ má Thì, nhái theo lời cụ Hồng nói với vợ trong tuyệt phẩm Số Đỏ của nhà văn Vũ Trọng Phụng:

- *“Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !”*

Thì ngúng nguẩy:

- Em ghét anh!

Tôi cười lập lại:

- *“Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !”*

Uyên cũng nhìn tôi, đùa nhái theo lời cụ Hồng hỏi lại bà vợ:

- *“Thế sao nữa, hả bà?”*

Chúng tôi cùng cười to. Thì không quên cắn nhẹ vào cánh tay tôi trước khi bỏ đi lấy thêm nước pha trà.

Tôi tủm tủm cười tự nghĩ cuộc nói chuyện của tôi với Uyên và Thì về Kinh Kim Cang chẳng khác nào như mẫu đối thoại vừa rồi của cụ Hồng với bà vợ trong truyện Số Đỏ.■



Hình minh họa

CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-3

VÀI CÂU CHUYỆN THIỀN



LỜI DẪN NHẬP: VÀI NÉT VỀ THIỀN TÔNG (Trung Hoa)

Đứng về lịch sử và phát triển của thiền, người ta thường nghe thấy có ba pháp thiền quen thuộc của ba thời kỳ khác nhau. Đó là Thiền Nguyên thủy, Thiền Đại thừa và Thiền tông. Những thời kỳ khác nhau đó là những khoảng cách rất lớn về thời gian. Tất nhiên còn nhiều ngành thiền khác như Thiền Mật tông ở Tây Tạng, Thiền Tịnh độ ... chẳng hạn.

Đạo Phật được truyền vào Trung Hoa rất sớm. Từ thế kỷ đầu của Tây lịch, đạo Phật đã có mặt ở Trung Hoa rồi. Vào lúc đó, sự truyền giáo từ Ấn Độ vào Trung Hoa không phải là những pháp tu của Thiền tông như thế này mà chỉ là những giáo lý GIẢI THOÁT *rất căn bản* như *giới, định và tuệ* chẳng hạn: Giữ giới thì việc tu tập thiền định tự nhiên sẽ được tăng trưởng, từ trong thiền định ấy sẽ sinh ra trí tuệ để làm việc lành tránh việc dữ, chiến thắng được dục vọng, phẫn nộ, ngu si, ảo tưởng, ham muốn, và từ đó sẽ đạt được sự giải thoát trong cuộc sống hòa bình an vui.

Muốn phát triển đạo Phật sâu rộng ở Trung Hoa, đường lối truyền giáo cần phải được sửa đổi sao cho thích hợp với bản chất của người địa phương ở vùng Đông thổ (tức Trung Hoa). Người Ấn Độ thì thiên về *siêu hình, bí ẩn* trong khi người Trung Hoa thì thiên về *thực dụng, đơn giản*. Do đó, Thiền tông được thành hình và phát triển bởi các “Tổ Sư” thiền người Trung Hoa sáng lập nên cho phù hợp với hoàn

cảnh. Vì thế, Thiền tông còn được gọi là “Tổ Sư Thiền”. *Thiền tông mang đặc chất hoàn toàn Trung Hoa.*

Đề Thiền tông mang tính chất *chánh truyền*, các Tổ Sư Trung Hoa đã dùng phương pháp truyền “y bát” từ vị Tổ này sang vị Tổ kế tiếp. Các Tổ sau ngài Lục Tổ Huệ Năng, tục lệ kế thừa bằng đường lối truyền “y bát” không còn nữa. Sau Lục Tổ là Tổ Thần Hội (Thần Hội thấy được đạo lúc ngài mới 13 tuổi, vượt lên trên hàng nghìn chúng đồ cùng theo tu học với Lục Tổ).

Nên biết, y bát của các “Tổ Thiền tông” Trung Hoa truyền cho nhau không phải là y bát của Đức Phật. Y bát của Đức Phật, khi ngài nhập diệt, đã được trao cho ngài Ca Diếp giữ để truyền lại cho Đức Phật Di Lặc sau này. Và cũng nên biết thêm, ngay cả giáo đoàn của Đức Phật, Đức Phật cũng không giao cho ai thay ngài cả mà chỉ dặn đệ tử: *lấy giới luật làm thầy và dùng Pháp Tứ Niệm Xứ để tu tập.*

Vị Tổ Sư đầu tiên của Thiền tông là ngài Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề Đạt Ma người Ấn Độ, sang Trung Hoa truyền giáo vào năm 520 sau Công nguyên. Ngài sang Trung Hoa đem theo một tông chỉ rất rõ ràng: *bất lập văn tự, trực chỉ chân tâm kiến tánh thành Phật, chân lý nằm ngoài ngôn từ, kinh điển.*

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma mang tư tưởng ấy đi truyền bá ở Trung Hoa nhưng bị thất bại ngay lần

đầu tiên khi tiếp kiến vua Lương Vũ Đế. Nhà vua hỏi:

- Tôi cất chùa vô số như vậy tôi có công đức không?

Bồ Đề Đạt Ma trả lời ngay:

- Chẳng có công đức gì cả!

Lương Vũ Đế không hài lòng về câu trả lời này.

Thất bại ở nước Lương, Bồ Đề Đạt Ma bỏ sang nước Ngụy, ngồi quay mặt vào vách đá 9 năm để tu. Cả đời Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma không độ được ai, chỉ trừ Thần Quang, tức Tổ Sư Huệ Khả. Sau đời Tổ Huệ Khả, các Tổ kế tiếp theo tuần tự là Tổ Tăng Sáng, Đạo Tín, Hoàng Nhãn, Huệ Năng... *Chỉ có Tổ Huệ Năng là lột tả, ứng dụng và phát huy được trọn vẹn tông chỉ của Tổ Bồ Đề Đạt Ma* (Tổ thứ nhất). Vì Tổ Huệ Năng không biết chữ, đến chữ “nhất” cũng không biết mà vẫn đạt đạo. Điều đó chứng minh được ý tưởng “bất lập văn tự” của ngài Bồ Đề Đạt Ma ngày trước. Người đời sau đã tôn vinh Lục Tổ Huệ Năng là người đã đưa Thiền tông lên đến tuyệt đỉnh của pháp môn “Trực chỉ chân tâm Kiến tánh thành Phật”, đó là tông chỉ ban đầu Tổ Bồ Đề Đạt Ma đưa ra.

Đạo Phật vào Việt Nam ta rất sớm, có thể trước cả Trung Hoa nhưng “thiền” lại phát triển mạnh ở Trung Hoa. Giữa *thiền phái Trúc Lâm Yên Tử*, mặc dù được coi là *một thiền phái riêng biệt của Việt Nam*, cũng như *Thiền tông là của riêng Trung Hoa*,

nhưng cả hai thật rất gần gũi nhau. Một điều thể hiện rất rõ là trong bài tựa “Thiền Tông Chỉ Nam” của vua Trần Thái Tông cũng đã có nhiều điểm cốt yếu tương đồng với ngài Lục Tổ Huệ Năng.

Qua Thiền tông, chúng ta có một số chuyện thiền được lưu truyền để nhằm mục đích diễn giải triết lý thâm sâu của đạo Phật dưới hình thức chuyện thiền hay giai thoại của các bậc thiền sư.

NHỮNG CÂU CHUYỆN THIỀN



Sau vài câu chuyện về bài tựa “Thiền Tông Chỉ Nam” của vua Trần Thái Tông có liên quan đến Kinh Kim Cang của nhà Phật, mà giáo lý đạo Phật quả thật đối với tôi là một lãnh vực tôi không hiểu biết nhiều, Uyên và Thi hình như cũng cảm nhận ra điều ấy.

Tuy nhiên, tôi cố giữ phong độ “uy nghi” của mình, nói với hai cô:

- Kinh sách nhà Phật thì anh không thông hiểu lắm nhưng anh có thể kể cho hai cô những mẩu chuyện về Thiền nghe cho vui nhé!

Thi tươi hân lên:

- Thích quá! Thế chuyện thiền có giống chuyện cổ tích không?

Tôi lại véo nhẹ vào má Thi:

- Chuyện thiền thì nói thiền về chuyện đạo, chuyện cổ tích thì thường nói thiền về chuyện đời. Hai loại chuyện đều có giá trị ngang nhau về mục đích riêng của nó.

Tôi nhìn sang Thi, âu yếm nói riêng cho nàng nghe:

- Làm mẹ cũng nên biết nhiều chuyện cổ tích để kể cho các con nghe. Có nhiều chuyện cổ tích mang tính chất giáo dục rất cao. Từ từ, thỉnh thoảng nhắc anh, anh sẽ kể chuyện cổ tích cho em nghe. Chịu không? Bây giờ anh kể vài chuyện thiền cho em nghe đã nhé!

Thi bẽn lẽn cúi xuống mỉm cười, vắn vệt vạt áo. Uyên với tay qua bàn nắm bàn tay Thi siết nhẹ như để chia sẻ niềm hạnh phúc với cô em mình một cách trù mến.

Tôi quay sang nói với Uyên:

- Uyên thử để ý xem những chuyện thiền anh sắp kể đây có chỗ nào liên quan hay hỗ trợ được cho sự hiểu biết về kinh Kim Cang mà chúng ta vừa đàm luận không nhé. Chuyện thiền thường cũng khó hiểu lắm, nó có ý nghĩa rất sâu xa, ta phải để ý lắm mới tìm ra được ý nghĩa của nó. Nhiều khi, mỗi người lại hiểu nó một cách khác nhau.

- Vâng ạ! Em sẽ cố gắng!

@/ Chuyện Qua Đò

Trong chuyến đò chở khách qua sông. Một vị tỳ kheo ngồi trên đò liếc nhìn cô lái đò rồi quay đi. Khi tới bến, cô lái đò lấy mỗi người một đồng, riêng vị tỳ kheo thì cô lấy hai đồng.

- Sao cô lại lấy tôi hai đồng?

- Ai bảo lúc nãy Thầy nhìn em!

Đến khi trở về, sau khi qua đò, cô lái đò lấy mỗi người một đồng, riêng thầy tỳ kheo cô đòi bốn đồng. Vị tỳ kheo lại thắc mắc:

- Lần đi cô đòi tôi hai đồng vì tôi nhìn cô. Lần về tôi không nhìn cô, khi tới bờ cô lại đòi tôi tới bốn đồng.

- Lúc đi Thầy nhìn em bằng mắt, em lấy hai đồng vì Thầy nhìn đâu thì thấy đấy. Lúc về Thầy nhìn em bằng ý, bằng tâm, Thầy thấy em tất cả. Thầy phải trả bốn đồng.

Một hôm vị tỳ kheo lại qua sông. Lần này thầy tỳ kheo nhìn thẳng vào cô lái đò. Đò cập bến, nhà sư cười hỏi:

- Lần này tôi phải trả bao nhiêu?

Cô lái đò đáp:

- Em xin đưa Thầy qua sông, không thu tiền!

Thầy tỳ kheo hỏi:

- Vì sao vậy?

Cô lái cười đáp:

- Thầy nhìn mà không còn nghĩ tới em nữa ...
Do vậy em xin đưa Thầy qua sông mà thôi ... !

Kể xong đến đây tôi hỏi Uyên:

- Uyên hiểu ý nghĩa của câu chuyện này chứ?

- Vâng ạ! Lần thứ nhất *mất* thầy tỳ kheo *trụ* vào cô lái đò; lần thứ hai thì ý của thầy *trụ* vào cô lái đò dù là mất không nhìn. Đâu có phải người mù không thấy là không có chỗ *trụ* đâu; lần thứ ba, sau thời gian tu tập, thầy buông bỏ được sắc tướng bên ngoài, tâm ý thầy thanh thản, dù có nhìn thẳng vào cô lái đò mà tâm thầy vẫn *không bị trụ* vào cô ấy.

Tôi gật gù:

- Ủ, anh cũng hiểu như Uyên!

Thì chợt nhìn tôi:

- Kể từ nay, đứng trước mặt em anh không được nhắm mắt đấy. Nhắm mắt là anh phải trả em bốn đồng.

Tôi và Uyên cùng cười.

@/ *Chuyện Hãy Bỏ Xuống Đi*

Một hôm có hai vị sư đi trên bờ sông bỗng thấy một cô gái ngã xuống sông kêu cứu. Thấy nơi sông sâu cô gái có thể chết đuối, một thầy nhảy xuống sông ôm cô gái ấy bơi vào bờ. Khi đem được cô gái

lên bờ rồi thì mạnh ai nấy đi. Vị sư cứu người không nói hay đả động gì về cô gái ấy nữa.

Vị sư thứ hai đứng trên bờ trách vị sư cứu cô gái:

- Huynh đã tu tập lâu năm mà nay lại phạm giới luật. Minh là người tu hành sao đụng chạm vào thân thể người con gái như thế!

Vị sư huynh cứ im lặng mà đi không trả lời người sư đệ của mình.

Vị sư đệ cứ tiếp tục “cằm rà” phiền trách vị sư huynh của mình về sự việc trên cho tới khi về tới cổng chùa. Vị sư huynh mới ôn tồn nói với người sư đệ:

- Ta đã bỏ cô gái ở bờ sông rồi, tại sao sư đệ vẫn còn cồng cô gái ấy về tới tận đây. *Hãy buông cô ta xuống đi!*

Sau khi tôi kể xong câu chuyện giữa hai vị sư. Uyên nói ngay như vừa mới thuộc bài:

- Vị sư đệ, tuy ngoài miệng phản đối, nhưng trong thâm tâm vị ấy có thể đã *trụ vào sắc tướng cô gái đó* mất rồi. Thế nên, vị sư huynh mới bảo vị sư đệ là hãy buông cô ấy xuống đi nghĩa là đừng bận tâm tới cô ấy nữa, tâm ý đừng *trụ vào* cô gái nữa.

Tôi không góp ý gì thêm với Uyên mà chỉ ngồi cười. Tôi nói với Uyên:

- Em nói như thế, anh có câu chuyện với ý nghĩa tương tự, anh kể cho em nghe thêm nhé.

Chuyên được tóm tắt như sau:

@/ Chuyện Không Thể Nhắm Mắt

Một vị sư tu tại một ngôi chùa nọ. Có một nữ thí chủ thường hay lui tới chùa cúng Phật. Mỗi lần cô gái đó ra về thì vị sư này lấy khăn ra lau, lau đi lau lại thật kỹ cho sạch những nơi cô gái đó ngồi.

Rồi đến một ngày, vị sư đó qua đời. Hai con mắt thầy cứ mở trừng trừng không làm cách nào để có thể làm thầy nhắm mắt lại được. Cho tới khi cô gái đó tới nắm tay vị sư, vị sư mới nhắm mắt ra đi.

Tôi cười, nói với Uyên:

- Uyên thấy không! Bên ngoài thì như thế mà tâm ý vị sư đã *trụ* vào người nữ thí chủ đó một cách hết sức sâu đậm.

Thi với nét mặt hóm hỉnh, hỏi tôi:

- Sao chuyện thiền nào của anh cũng chỉ có “sư” và những “cô gái” thôi vậy?

Tôi phá lên cười:

- Em hỏi anh một câu rất hay! Hay quá! Em biết tại sao không? Vì trong lòng anh *trụ* vào “chuyện trai gái” nên kể toàn chuyện như vậy đó thôi. *Đều do tâm mình mà ra cả*. Nhân đây, anh kể cho em nghe những câu chuyện thiền khác nói về ông Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn nhé. Chuyện này xảy ra giữa các nhân vật đều là đàn ông thôi.

Tôi quay sang hỏi Uyên:

- Uyên có biết về nhân vật Tô Đông Pha của Trung Hoa không?

- Thừa anh em biết ạ! Tô Đông Pha là một danh tài, văn chương lỗi lạc ít ai sánh kịp. Ông là người rất thông hiểu đạo Phật và từng làm quan to ở Hàng Châu dưới thời Bắc Tống.

- Uyên nhớ đúng rồi đấy!

Tôi quay sang Thi:

- Em lắng nghe chuyện thiền anh sắp kể nhé. Anh sẽ hỏi em về ý nghĩa câu chuyện này đó.

Thi nhìn chị như hỏi ý. Thấy Uyên gật đầu, Thi mới nói:

- Được rồi anh cứ kể đi! Em không sợ đâu! Nhưng anh phải kể hay cơ đấy.

Trước khi vào chuyện, tôi không quên nhắc nhở cho hai cô biết về *cá tính và sự giao du* thân mật của hai nhân vật này.

Tô Đông Pha là người cao ngạo, nói chuyện với người nào cũng muốn chơi gác, muốn hơn chứ không muốn thua ai. Trong lúc rảnh rỗi, ông thường đến bàn luận về đạo pháp với vị thiền sư Phật Ấn là người bạn rất thân của ông. *Phật Ấn*, vị thiền sư nổi tiếng thời Bắc Tống. Trong khi đàm đạo, Tô Đông Pha luôn dùng mọi lý lẽ để thắng thiền sư Phật Ấn, nhưng lần nào ông cũng bị thua.

Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn có những giai thoại rất hay.

@/ Chuyện *Đóng Phân Bò*

Một hôm Tô Đông Pha ngồi tọa thiền cùng thiền sư Phật Ấn. Tô Đông Pha hỏi:

- Thiền sư nhìn xem tôi giống cái gì?

Phật Ấn trả lời:

- Ông ngồi giống như Đức Phật!

Phật Ấn hỏi lại:

- Thế ông nhìn xem tôi giống cái gì?

Tô Đông Pha trả lời:

- Ông ngồi giống như *đóng phân bò*!

Tô Đông Pha rất đắc ý với câu trả lời của mình vì đã hạ được thiền sư Phật Ấn một vỏ đậu. Không cần hỏi gì thêm, Tô Đông Pha liền đứng dậy đi về lòng vui phơi phới vì nghĩ lần này đã hạ được sư Phật Ấn.

Trên đường về, gặp ai ông cũng khoe. Dọc đường ông gặp người em gái của ông là Tô Tiểu Muội, ông liền hí hửng lại đem câu chuyện ấy ra khoe. Khi ông vừa kể dứt câu chuyện, cô em gái liền nói:

- Anh lại thua thiền sư Phật Ấn rồi!

- Thua ở chỗ nào? Thắng rõ ràng mà!

Cô em gái mới giải thích cho ông nghe:

- Tâm của thiền sư là tâm Phật nên nhìn thấy anh ngồi như Phật. Còn tâm anh giống như đồng phân bò nên mới nhìn thấy ông ấy giống đồng phân bò.

Tôi vừa kể xong câu chuyện thiền về “đồng phân bò”, liền hỏi Thi:

- Anh ngồi giống cái gì?

Thi giả vờ đưa tay bóp trán, ngẫm nghĩ trước khi trả lời:

- Anh giống ... Anh giống ... anh Nam (tên tôi)!

- Anh hỏi anh giống cái gì cơ mà ?

- Anh giống ... Anh giống ... cái quạt!

- Cái quạt?

- Tại vì em đang nực (nóng) mà!

Thi ngồi thẳng lên, uốn ngực, hai tay chống nạnh, hỏi tôi:

- Em ngồi trông giống cái gì?

Tôi trả lời trêu:

- Không nói ... Không nói!⁽¹⁾

- Anh ăn gian! Phải nói ... Phải nói!

- Không nói ... Không nói!

Thi nhõng nhẽo:

- Anh ăn gian! Không chơi với anh nữa đâu!

(¹) Cũng là tựa đề một câu chuyện thiền khác.

Tôi cười:

- Thôi để anh nói! ... Em giống múi mít!

Thi cầm múi mít đưa cho tôi:

- Anh khôn quá à!

Uyên liếc nhìn tôi, tay bùm miệng cười dí dỏm.

Tôi nhờ Uyên giải thích cho Thi về ý nghĩa của câu chuyện thiền vừa rồi.

Uyên nhìn Thi nói:

- Câu chuyện này chứa một đạo lý rất sâu sắc. Tâm mình thanh tịnh thì cảnh vật chung quanh đều thanh tịnh, hay ngược lại. *Tâm mình ra sao thì nhìn cảnh vật ra vậy.*

Thi bỗng đập hai tay xuống bàn rồi vỗ tay:

- Anh ăn gian! Anh nói trong chuyện chỉ có đàn ông thôi. Sao bây giờ lại có cô em gái của ông Tô Đông Pha? Em phạt anh!

Tôi cười:

- Ủa nhì? Thôi để anh kể đèn cho em một câu chuyện thiền khác vậy, tuyệt nhiên không có một cô con gái nào trong đó. Chịu không?

- Em chịu! Mà cũng phải hay như chuyện trước cơ!

Uyên lườm yêu cô em:

- “Ăn mày còn đòi xôi gấc”! Đã được nghe kể chuyện lại còn đòi phải là chuyện hay nữa cơ!

- Nghe chuyện không hay thì chán lắm!

Tôi vuốt tóc Thi:

- Chuyện này bảo đảm hay hơn chuyện trước, nhưng chỉ sợ em không hiểu thôi!

@/ *Chuyện Bát Phong Xuy Bất Động* tức *Tám Ngọn Gió Thổi Không Động*

Ông Tô Đông Pha là người mộ đạo Phật. Sau những năm tu tập, ông nghĩ mình đã ngộ đạo nên làm một bài kệ gửi đến thiền sư Phật Ấn nhằm mục đích nhờ thiền sư ấn chứng cho sự chứng đắc của ông. Bài kệ rằng:

*Khể thủ Thiên trung thiên⁽²⁾
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên.*

Tạm dịch là:

*Đảnh lễ bậc Giác Ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi vững tòa sen vàng.*

Ý nói bây giờ ông đã ngộ đạo, đã nhận ra con người chân thật của ông ở giữa cõi thế gian này. Con người chân thật đó, cũng như Phật, tỏa sáng hào

(2) “*Thiên trung thiên*” tức là Phật, bậc Giác Ngộ.

quang khắp cả đại thiên thể giới. Bây giờ dù có “bát phong xuy bất động” tức “*tám ngọn gió độc*” cũng không thổi động tới tâm ông được.

Thiền sư Phật Ấn thấy bài thơ có ý tứ rất hay do “văn hay chữ tốt”. Nhưng thiền sư biết tâm tính của người bạn mình chưa đạt được ý nghĩa sâu xa của Phật pháp, nên thay vì khen ngợi, ông phóng bút phê trên bài kệ hai chữ “phóng thí” tức “đánh rắm” (hạ phong) rồi gửi trở lại cho Tô Đông Pha.

Nhận được lời phê “đánh rắm” của Phật Ấn, Tô Đông Pha tức tốc bơi thuyền qua sông gặp thiền sư để hỏi cho ra lẽ. Khi vừa bơi thuyền tới bờ sông, Tô Đông Pha đã thấy thiền sư Phật Ấn đứng đợi ở đó.

Tô Đông Pha liền hỏi:

- Bài kệ của tôi hay như vậy sao Thầy không khen mà lại phê bình như vậy?

Thiền sư Phật Ấn mới nhẹ nhàng trả lời:

- Ông nói gì trong bài kệ vậy? *Tám gió không động* mà bây giờ mới có một ngọn gió nhẹ đã thổi ông từ bên kia sông sang bên này sông. Như vậy là tâm ông động rồi.

Đến đây, Đông Pha mới chợt hiểu ra mình chưa bất động.

Uyên hỏi tôi:

- Tám ngọn gió là những ngọn gió nào vậy anh?

- Tám ngọn gió đó là *lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc*. *Lợi*: Khi được lợi thì vui mừng hơn hờ. *Suy*: Khi bị mất mát, tổn hại thì buồn rầu, nuối tiếc. *Hủy*: Khi bị chê bai, chỉ trích thì cảm thấy khó chịu. *Dự*: Khi được khen ngợi thì vui thích, hài lòng. *Xung*: Khi được mọi người xung tụng, tụng hô thì hả hê, vui sướng. *Cơ*: Khi bị chế diễu, vu khống thì hậm hực, khó chịu không yên. *Khổ*: Khi gặp những điều không như ý thì đau khổ, buồn bực. *Lạc*: Khi mọi việc đều thuận lợi như ý thì mừng rỡ, vui vẻ.

Thi uể oải vươn vai
nhõng nhẽo:

- Anh còn có chuyện
thiền nào nữa không?

Uyên lừ mắt nhìn Thi:

- Chuyện đâu mà lắm
thế! Cái cô này lúc nào
cũng hay đòi hỏi!



Thi liếc nhìn tôi sau câu nói của Uyên:

- Anh hết chuyện thiền rồi hả? Chuyện cổ tích
cũng được. Lúc nãy anh hứa mà!

Tôi mỉm cười:

- Chuyện thiền thì anh còn nhiều lắm, nhiều
ngang với chuyện cổ tích. Nhưng anh chỉ sợ em
chẳng hiểu gì cả rồi lại hỏi anh những câu vớ vẩn.

Thi vênh mặt:

- Nếu em không hiểu thì đã có chị Uyên giảng cho em.

Uyên nhìn cô em:

- Nhỡ chị cũng không hiểu thì sao?

Thi lại vênh mặt nhìn tôi:

- Thì... thôi... !

Chữ “thôi” của Thi kéo dài ra làm tôi bật cười. Tôi đành phải kể cho Thi nghe thêm một câu chuyện thiền nữa về Tô Đông Pha. Tôi biết Thi chẳng thể hiểu nổi chuyện này, nhưng tôi hy vọng Uyên sẽ khá hơn để hiểu được nó.

@/ Chuyện Ngồi Đâu?

Một hôm nọ thiền sư Phật Ấn đang ngồi ở trên pháp tòa giảng pháp. Ông Tô Đông Pha đến trễ. Từ trên pháp tòa thiền sư Phật Ấn đưa mắt nhìn thấy Tô Đông Pha tới mới nói một câu:

- Ở trong này không còn chỗ ngồi!

Đây là một câu thử, ý nghĩa rất sâu xa. Ông Tô Đông Pha trả lời:

- Nếu trong ấy không còn chỗ ngồi thì tôi mượn thân của ngài để ngồi lên được không?

Lợi dụng câu đó để hạ thiền sư Phật Ấn. Thiền sư không cần suy nghĩ nói:

- Bây giờ tôi xin hỏi ông một câu, nếu như ông trả lời được thì tôi sẽ đem cái thân này cho ông ngồi.

Còn như ông trả lời không được thì ông cười “ngọc đá”.⁽³⁾

Tô Đông Pha tự tin vào trình độ tu hành và kiến thức của mình không thua ai nên trong lòng ông rất tự đắc:

- Xin thiền sư cứ hỏi!

Tô Đông Pha vừa dứt lời, thiền sư liền hỏi:

- Tứ đại vốn không, ngũ âm vô ngã, thân này là không. Vậy ông ngồi chỗ nào?

Tô Đông Pha không trả lời được. Phật Ấn dùng đạo lý để hỏi chứ không dùng tướng thân để hỏi. Ý nói thân tôi tứ đại (đất, nước, gió, lửa) đều là không. Bây giờ nói là không thì ông lấy gì ông ngồi.

Cuối cùng Tô Đông Pha phải cười “ngọc đá” để lại cho chùa Kim Sơn làm kỷ niệm.

Đối với người giác ngộ thì thấy thân này là giả nên mọi chuyện xảy đến người ta hóa giải được dễ dàng.

Thi đứng dậy vỗ tay hoan hô.

Tôi trợn mắt nhìn Thi một cách ngạc nhiên:

- Em hiểu hả? Nói cho anh nghe đi!

Thi dơ cả hai tay thẳng lên trời như biểu lộ sự khẳng định:

(3) Ngày xưa các quan đeo ngọc đá ở quanh lưng.

- Ông Tô Đông Pha lại thua nữa rồi! Ai bảo lúc nào cũng cứ tưởng mình là giỏi nhất!

Tôi và Uyên nhìn nhau cười. Hóa ra Thi vỗ tay chỉ vì ông Tô Đông Pha lại thua thiền sư Phật Ấn thêm một lần nữa.

Bỗng Uyên chạy lại phía sau lưng Thi, ôm cô em, quay mặt về phía tôi hát nhẹ:

- *Em còn son, anh vẫn còn son.*⁽⁴⁾

Tôi nhìn Thi âu yếm, nắm tay nàng và cũng hát nhẹ như lời thủ thi:

- *Anh về thưa với mẹ cha, cho đôi ta được làm con một nhà... Cho đôi ta được làm con một nhà.*

Thi biết mình bị trêu nên cứ lấy hai tay che mặt nhưng nàng không thể che dấu nỗi sự xúc động trước câu hát đầy yêu thương của tôi.

Tôi nhớ lại hôm ấy chưa lâu, nhân dịp thầy mẹ tôi sang nhà Thi ăn giỗ đã ngỏ lời xin nàng cho tôi trước mặt đông đủ họ hàng.

Tôi nhìn Thi mỉm cười, lòng tràn đầy hạnh phúc.■



⁽⁴⁾ Bài hát dân ca quan họ.

CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-4

LỤC THỜI SÁM HỐI



Sách đã thất lạc nay chỉ còn bài “Tựa”.

TỰA KHÓA NGHI SÁU THỜI SÁM HỐI (LỤC THỜI SÁM HỐI)⁽¹⁾

Tiện lợi việc đi lại dưới sông trên bộ, là nhờ xe, thuyền; tẩy sạch bụi dơ nơi thân tâm, là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối, khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên kinh Đại Tập nói: "Như áo dơ hằng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế, trong trăm ngàn kiếp đã tích tụ các nghiệp chẳng lành, do nhờ Phật lực, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt!"

Vả lại, chúng sanh từ trước đến nay tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mây bụi. Do bọt vọng dấy lên, cỗi uế hiện thành, năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sanh từ vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối. Khiến thân tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh

(¹) Bản dịch và lời giảng của Hòa thượng Thích Thanh Từ.

tâm thiện, như đuốc sáng tan bóng tối. Ôi! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao?

Trẫm nhờ quyền thuộc nhà trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian quốc chính phiền rộn. Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong. Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc. Thấy nghe đuổi theo thịnh sắc, ở ăn toàn chốn gác đài. Lại nữa, thói đòi khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Ngày thì căn trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi; đêm thì mê ngủ che đậy, dây lười trói buộc. Ngày đêm dính mắc, đâu không phải là lỗi chuốc họa gây thù. Trẫm vì lẽ đó, ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Nhân khi việc triều rãnh rồi, xem khắp Kinh, Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi, lợi tha dùng để chỉ dạy cho người. Trăn trở suy đi nghĩ lại, xua tạc nghiệp trợn do sáu căn. Vì thế đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy. Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Chính trẫm chế nghi văn sám hối này, gọi là "Khóa nghi sáu thời lễ Phật sám hối".

Văn thì rườm rà, lời thì xa xôi. Nếu văn rườm rà thì người lười sám hối, lời xa xôi thì dễ sanh nghi. Cho nên không dùng lời phù phiếm dòn cho đầy quyển, cốt khiến người đọc tụng vui vẻ, người nghe thấy dễ ngộ. Mới mong những kẻ có lòng tin, ngày đêm phát tâm chí thành, theo khóa nghi này làm lễ

sám hối. Đây chẳng phụ chí nguyện tự lợi, lợi tha của trẫm.

Người sáng mắt thời sau, chớ xem nghi văn này mà phát cười. Tuy nhiên như thế:

*Không nhân ngỗ tía hoa cười sớm,
Đâu thấy hoàng oanh đậu liễu xanh.*

Tóm tắt một vài ý chính trong bài tựa “Lục Thời Sám Hối”.

- Tại sao có tên “Lục Thời Sám Hối” ? Bài tựa đã nói rõ:

“Đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy. Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn”.

- Chúng sinh khởi đầu vốn tâm trong sáng, tròn đầy. Vì do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, âm thanh, mùi, vị, thân, tâm ý) sinh ra vọng tưởng, phân biệt, đối đãi mà tạo nên tội lỗi, đưa đẩy chúng ta vào chỗ khổ đau, ô uế thành ra “tạo nghiệp”.

- Ngài nhìn lại bản thân mình, sống trong nhung lụa của ngôi thiên tử, ngày đêm lục căn vương mắc *phồn hoa dục dõ bên ngoài, thị dục mê hoặc ở trong*. Đó là cái nguyên nhân “gây họa chuốc thù”. Ngài ngày quên ăn đêm quên ngủ, tự xem kinh sách, tìm tòi ra phương pháp “*sám hối*” để tẩy rửa nghiệp mình và để người đời theo gương bắt chước. Đó tức “tự lợi lợi tha”, có ích cho mình mà cũng có ích cho

người. Sám hối là truy tìm những lỗi lầm của mình đã tạo nên tội lỗi mà sửa chữa để thân tâm trở về cái trong sáng ban đầu.

- Đức Phật có nhiều pháp môn để dẫn dắt chúng sinh. Nếu chỉ có một pháp môn (một cửa) thì có nhiều người không theo nổi nên Đức Phật đã đặt ra nhiều pháp môn (nhiều cửa) để mọi người tùy căn cơ mà vào (mà tu tập). Ngài cũng theo gương Đức Phật soạn pháp môn “sám hối” này để mọi người tùy theo căn cơ mà tụng niệm, thực hành. Sám hối cho sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần mà không còn dính mắc. Nhờ đó ta đạt được cái *vô trụ* mà vô trụ chính là tâm Bồ Đề hay tâm Vô Thượng Vô Đẳng Chính Giác (tâm Phật).

- Ngài kết thúc bằng hai câu thơ:

*“Không nhân ngô tía hoa cười sớm,
Đâu thấy hoàng oanh đậu liễu xanh”.*

Ý ngài muốn nhắn với những *người ngộ đạo* sau này đừng cười vì sao đã ngộ đạo mà còn dùng hình thức lễ lạy trong sám hối. Ngài nói, ví như (qua câu thơ đầu) con đường nhỏ kia nếu không có ngô tía, hoa nở sớm thì (qua câu thơ thứ hai) con chim hoàng oanh đâu biết đã tới mùa xuân để trở về đậu trên cành liễu xanh (theo điển cổ Trung Hoa). Ấy chính là *hình thức tuy ở bên ngoài, nhưng cái bên ngoài ấy lại làm khởi sinh cái cao siêu, cái đạt đạo ở bên trong tâm*. Tư tưởng này ảnh hưởng rất nhiều đến tư tưởng của cháu ngài là vua Trần Nhân Tông, ông Tổ Thiền phái Trúc Lâm sau này. ■

CHƯƠNG 17

Bài Đọc Thêm

Bài 17-2

VÀI NÉT VỀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

*(Nhân đi thăm đền Thái Vi ở Hoa Lư
nơi vua Trần Thái Tông tu hành)*

Phần 172-5

LUẬN VỀ NIỆM PHẬT



Sách đã thất lạc nay chỉ còn bài “Tựa”.

TỰA LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

(KHÓA HU LỤC)⁽¹⁾

Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện thì niệm thiện, khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tựa bóng theo hình. Cho nên thiền sư Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm, ai vô sanh?" là nghĩa này vậy.

Nay học giả muốn khởi chánh niệm để dứt ba nghiệp, cũng nhờ công phu niệm Phật. Thế nào là niệm Phật được dứt ba nghiệp? Vì khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà là dứt thân nghiệp. Miệng tụng chơn ngôn, chẳng nói lời tà là dứt khẩu nghiệp, Ý gắng tinh tấn, chẳng khởi tà niệm là dứt ý nghiệp. Song người trí có ba bậc:

1.- Bậc thượng trí thì tâm tức là Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn chẳng biết, đó là Phật sống.

2.- Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm,

(¹) Bản dịch và lời giảng của Hòa thượng Thích Thanh Từ.

nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết bàn: thường, lạc, ngã, tịnh, là Phật đạo vậy.

3.- Bậc hạ trí miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không thối chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được Bồ đề cũng vào quả Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ gá nương, trọn trông bờ rồi lui rất khó đặt chân. Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang, chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thực. Sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật thân đó không bao giờ mất.

Người học thời nay, đã được thân người, ba nghiệp đồng có, mà chẳng dùng niệm Phật, cầu sanh về cõi Phật, đâu chẳng khó sao? Như muốn

niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao? Vì có chú ý vậy. Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy.

Vua Trần Thái Tông, ngoài việc giữ giới luật, một đòi hỏi tất yếu cho người Phật tử, ngài còn đưa ra phương pháp tu tập gồm ba điểm *Sám hối, Niệm Phật và Thiền định*.

Ý nghĩa về bài tựa “Khóa Hư Lục” (Niệm Phật).

Đây là một tài liệu mà Ngài đã chỉ dạy cho chúng ta phương pháp tu chứng bằng cách niệm Phật: “*Niệm đến vô niệm*”.

Niệm là tâm dấy khởi, vừa dấy khởi lên một cái gì thì cái ấy gọi là *niệm*. Dấy khởi nhớ danh hiệu Phật thì gọi là *niệm Phật*. Dấy khởi nghĩ ác thì là *niệm ác*, dấy khởi nghĩ thiện là *niệm thiện*.

Niệm có ba loại: *thiện, ác và tịnh*. *Niệm là chủ thể của nghiệp*. Trong kinh Phật chia ra ba nghiệp: *thân, khẩu và ý*. *Khởi niệm là gốc rễ của mọi thiện ác*.

Khi ta sống còn tỉnh táo thì không có nghiệp thiện, ác hiện ra. Nhưng trong lúc lâm chung, tác động của thân và khẩu không còn tác dụng được nữa mà chỉ còn lại ý niệm. Ý niệm sẽ hướng dẫn ta đi. *Niệm lành* lúc đó sẽ đưa ta tới nơi cảnh lành, *niệm dữ* sẽ đưa ta tới nơi cảnh dữ, *niệm tịnh* sẽ đưa ta tới nơi cảnh thanh tịnh.

Khi còn niệm là còn vương mắc. Còn niệm là còn sinh tử, dù là sinh vào cõi trời, cõi thiện hay cõi

tịnh. Vậy *niệm* phải làm sao để ý ta đạt tới “*vô niệm*”. Cũng như trong kinh Kim Cang mọi ý niệm trụ vào nơi “*vô trụ*” hay nói cách khác, trụ vào nơi “*vô dư niết bàn*”; tương tự, ở đây mọi ý niệm phải đạt tới “*vô niệm*”. Ngài quan niệm pháp môn Niệm Phật cũng là pháp môn tu Thiền định vì *vô niệm là đối tượng của thiền*.

Thế, ta phải *niệm ra làm sao* và *niệm cái gì*?

Ngài chia ra *ba bậc* tùy theo căn cơ mà tu tập: bậc thượng trí, bậc trung trí và bậc hạ trí. Ý nghĩa của sự phân biệt các “*bậc*” ở đây dựa trên mức độ “*buông bỏ*”, hay nói một cách khác ngược lại, là dựa trên mức độ còn “*chấp giữ*” (wướng mắc).

- Bậc thượng trí đã có căn cơ cao: “*Bậc thượng trí thì tức tâm tức Phật, chẳng nhờ tu thêm . . . Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn chẳng biết, đó là Phật sống.*”

- Bậc trung trí, có căn cơ trung bình thâm hiểu lý vô thường, vô ngã. Ngài khuyên “*Bậc trung trí ắt nương niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện*”. Tức chăm chỉ niệm Phật trong tâm.

- Bậc hạ trí như chúng ta còn “*chấp giữ*” và “*trụ*” vào thân ý quá nhiều thì nên siêng năng “*tụng niệm chân ngôn*”. Mà chân ngôn là lời nói chân thật của Phật, nghĩa là Niệm Phật. Niệm Phật để giải ba nghiệp thân, khẩu, ý. Vì niệm Phật, *thân* ngồi ngay thẳng, không làm hạnh tà, dứt thân nghiệp; *miệng* tụng chân ngôn không nói lời tà, dứt khẩu nghiệp;

ý gắng tinh tấn, chẳng khởi niệm tà là dứt ý nghiệp. Do đó, miệng thì siêng niệm lời Phật, tâm luôn quán tưởng mong thấy tướng Phật, thân nguyện sinh về cõi Phật, như vậy *cả thân, khẩu, ý đã có chỗ hướng về*.

Ngài còn khuyên dù với căn cơ nào cũng nên bắt đầu từ trình độ của người căn cơ thấp. Ngài nói *“Nhu muốn niệm Phật, tức lấy bậc hạ trí làm trước. Tại sao? Vì có chủ ý vậy. Ví như xây đài ba tầng, mà chẳng dùng tầng dưới làm trước thì không thể có vậy”*.

Thế, trong trường hợp đạt đến “vô niệm” thì khi chết sẽ sinh vào đâu?

Khi đã “vô niệm” thì không còn có thiện, có ác, có tịnh; nghiệp không còn có chỗ đi, chỗ về. Ấy chính là nghiệp trụ vào nơi “*vô sinh, vô tử*”.

Căn cứ vào bài tựa cuốn sách “Khóa Hư Lục”, vua Trần Thái Tông đã trao cho chúng ta một *pháp tu thiền* rất ráo để đi đến chỗ giải thoát.

Phương pháp “Niệm Phật” của ngài Thái Tông đưa ta thẳng đến *giải thoát sinh tử ngay trong kiếp nhân sinh này*, khác với pháp môn Tịnh Độ hay *thiền Tịnh Độ*, chú tâm niệm danh “Phật Di Đà” sẽ giúp ta tới một “trạm trung gian” là Tây Phương Cực Lạc. Ở đây nhờ uy lực của Phật Di Đà và Phật Quán Thế Âm... để giúp đỡ ta tu tiếp. Ấu cũng tùy căn cơ của mỗi người trong sự chọn lựa pháp môn nào cho thích hợp.■

Tài Liệu Tham Khảo

(Cuốn 2.1 & 2.2)

Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư

- 1- Di tích và thắng cảnh Hoa Lư (*Nguyễn Văn Trờ và Dương Thanh Lam*)
- 2- Nghìn xưa văn hiến (*Trần Quốc Vượng*)
- 3- Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (*Trần Ngọc Thêm*)
- 4- Bồi bổ sức khỏe bốn mùa (*Nguyễn Ngọc Thông – Phương Thúy - Cao Tự Thanh*)
- 5- Nam hải dị nhân (*Phan Kế Bính*)
- 6- Bách thần Hà Nội (*Nguyễn Minh Ngọc*)
- 7- Mỹ thuật cổ truyền Việt Nam (*Nguyễn Khắc Ngữ*)
- 8- Việt Nam Sử Lược (*Trần Trọng Kim*)
- 9- Nhìn lại sử Việt (*Lê Mạnh Hùng*)
- 10- Hỏi đáp văn hóa dân ca ba miền (*Tủ sách Văn hóa*)
- 11- Văn hóa dân gian Việt Nam (*Đình Gia Khánh*)
- 12- Đất nước Việt Nam qua các đời (*Đào Duy Anh*)

- 13- Việt Sử - Những dấu ấn đầu tiên (*Lê Thái Dũng*)
- 14- Văn học dân gian Việt Nam (*Lương Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn*)
- 15- Văn học đời Ngô-Lê-Lý (*Phạm Khắc Hàm*)
- 16- Hội làng và Dáng nét Việt Nam (*Lý Khắc Cung*)
- 17- Giai thoại xứ Huế (*Tôn Thất Bình*)
- 18- Đặc khảo về Dân nhạc ở Việt Nam (*Phạm Duy*)
- 19- Cảm ca Việt Nam (*Toan Ánh*)
- 20- Việt Sử Khảo Luận (*Hoàng Cơ Thụy*)
- 21- Đại Việt Sử ký Toàn thư (*Ngô Sĩ Liên*)
- 22- Quyền trí Trung Hoa (*Lãnh Thành Kim, do Ông Văn Tùng và Nguyễn Đắc Thanh dịch*)
- 23- Các tài liệu khác:
 - Từ các websites du lịch trong và ngoài nước.
 - Từ Wikipedia.
 - Từ YouTube liên quan.
 - Tài liệu của Chánh tòa Phát Diệm.
 - Tài liệu từ hệ thống “VANHOAVIETTV” về Hoa Lư và Tràng An ...
 - Buổi nói chuyện của GS Trần Văn Khê về âm nhạc dân tộc.

Hình minh họa và nhạc lấy trên internet. ■

